

Khởi Hành

TẠP CHÍ SÁNG TÁC SINH HOẠT VĂN HỌC NGHỆ THUẬT

NĂM THỨ BẢY ■ SỐ 172 ■ Sáng Lập: Anh Việt TRẦN VĂN TRỌNG

BỘ MỚI ■ SỐ 16 ■ Chủ Nhiệm Chủ Bút: VIÊN LINH



BÙI GIÁNG

BÙI GIÁNG

BÙI VĂN NAM SƠN

CHỊ VÀ ANH

BÙI GIÁNG

BÙI CÔNG LUÂN

PHAN LẠC PHÚC

BẠN XƯA MAI THẢO

PHẠM CAO DƯƠNG

CHUYỆN THÁNG GIÊNG

NGUYỄN CHÍ KHAM

KHU VƯỜN TRỒNG HOA

VIÊN LINH

THƯ VỀ LÊ TẤT ĐIỀU

THƠ
trần trong san
vũ đức tô châu
trang châu
huy tâm
trần bát nhã
thái cuồng



SỐ 16 ■ THÁNG 2-1998 ■ THÊM TRANG



TANG LỄ NHÀ VĂN MAI THẢO

Nhà văn Mai Thảo, tác giả khoảng 40 cuốn sách đã xuất bản, gồm tùy bút, truyện ngắn, truyện dài, và một tập thơ, đã từ trần tại Garden Grove, Orange County, California vào lúc 3 giờ sáng ngày 10 tháng 1-1998, nhằm ngày 12 tháng Chạp năm Đinh Sửu. Ngày trùng. Ông tên thật Nguyễn Đăng Quý, pháp danh Minh Tâm, sinh ngày 8 tháng 6 năm 1927 tại Quận Liêu, Văn Lý, Hải Hậu, Nam Định. Vào đời cầm bút cùng lúc với các bạn Nguyễn Khải (nguyên Tổng biên tập tờ Văn Nghệ Quân Đội, Hà Nội- và Sao Mai, tác giả Nhìn Xuống, Hải Phòng, như ông tâm sự với bốn báo chủ nhiệm từ 1980). Chủ trương Sáng Tạo. Chủ nhiệm kiêm chủ bút Nghệ Thuật. Chủ nhiệm Văn hải ngoại (không để chủ bút, vì một lý do có giải thích, sẽ được trình bày sau). Tang lễ đã cử hành ngày thứ bảy 17-1-1998, an táng tại nghĩa trang Peek Family, Westminster, với khoảng trên 300 thân hữu, tang quyến. Ông không lập gia đình. Hình trên, tang lễ Mai Thảo với Thi sĩ Hòa thượng Huyền Không Thích Mãn Giác, chủ lễ. Bên xe tang trắng (vì không từng lập gia đình), phía trái là bào đệ Nguyễn Đăng Khánh, tang chủ; Doãn Quốc Sỹ, nhóm Sáng Tạo. Bên mặt: em rể, kế sau là các họa sĩ Ngọc Dũng, Duy Thanh, và nhạc sĩ Lê Trọng Nguyễn. (Hình của Trương Tuấn). Không có mặt trong hình, nhưng có mặt trong tang lễ, có thể kể: Mặc Thu, Nguyễn Sỹ Tế, Thượng Toạ Thích Pháp Châu, Thượng Toạ Thích Minh Mẫn, Linh Mục Đỗ Thanh Hà, các ông Nguyễn Bảo Trị, Nguyễn Cao Kỳ, Cao Xuân Vỹ, và các văn nghệ sĩ Nguyễn Hiến, Anh Ngọc, Khánh Ly, Kiều Chinh, Nhã Ca, Nguyễn Ngọc Bích, Đỗ Quý Toàn, Võ Thắng Tiết, Ngô Thế Vinh, Vũ Quang Ninh, Phan Tấn Hải, Khánh Trường.



tưởng nhớ MAI THẢO (1927 - 1998)

MẶC THU ■ NGUYỄN SỸ TẾ ■ THÁI TUẤN ■ TRẦN THANH HIỆP ■ PHAN LẠC PHÚC ■ TẠ TỶ ■ DUY THANH ■ NGỌC DŨNG ■ NGUYỄN NGỌC BÍCH ■ HUY TRÂM ■ NGUYỄN HỮU HIỆU ■ PHAN LẠC TIẾP ■ NGÔ THẾ VINH ■ LÊ TÀI ĐIỂN ■ THANH TUỆ ■ NGUYỄN CẨM ■ MỸ HÒA ■ VŨ PHƯƠNG LAN ■ ĐÀO HIỆP ■ PHẠM XUÂN HY ■ HỒ TRƯỞNG AN ■ ĐẶNG VĂN NHÂM ■ NGUYỄN ĐẠT ■ NGUYỄN HẢI CHÍ ■ TRANG CHÂU ■ LƯU NGUYỄN ■ LÊ NGUYỄN ■ NGUYỄN HIẾN ■ NGUYỄN THẠCH KIẾN ■ TRẦN VĂN NAM ■ VƯƠNG NGUYỄN ■ LINH LINH NGỌC ■ LÊ TRỌNG NGUYỄN ■ Anh Việt ■ TRẦN VĂN TRỌNG ■ NGUYỄN TÁ CÚC ■ LÊ TẤT ĐIỀU ■ THỤY KHANH ■ THÁNH TỐN ■ VIÊN LINH

“THƯ VỀ BLOOMINGTON, ILLINOIS” CỦA LÊ TẤT ĐIỀU

Tác phẩm mới nhất của nhà văn Lê Tất Điều vừa do Văn Nghệ xuất bản, “THƯ VỀ BLOOMINGTON, ILLINOIS”, được ghi là Truyện. Cuốn truyện mở đầu đột ngột, không chương mục, vào ngay bằng một lá thư:

“James Keeran kính mến,

Thư này để trả món nợ hai mươi năm trước. Không phải nợ tiền đâu, đừng vội mừng.

Nhắc một chút để ông nhớ. Khoảng tháng Bảy-75, một buổi trưa, ông đến phi trường Peoria cùng một phái đoàn đồng đạo để đón một gia đình tị nạn, cũng đồng đạo không kém. Tòa báo The Daily Pantagraph giao cho ông nhiệm vụ viết một loạt bài về những gia đình tị nạn Việt Nam đến định cư ở Bloomington và Normal. Đây là gia đình đầu tiên.

Dẫn đầu gia đình này là một thanh niên gầy còm, đen đui và nhỏ bé, nặng chừng hơn tám chục pao. Đại gia đình gồm mười lăm người, mang theo hai mươi thùng giấy hành lý. Thùng nào cũng đầy nhóc quần áo lạnh được phát ở trại tạm cư Fort Chaffee. Nghe nói về cái lạnh kinh hồn mùa đông lục địa Mỹ, dân tị nạn hãi lắm.

Được biết thanh niên này là một nhà văn, nhà báo, ông đề nghị anh ta viết hồi ký về những ngày đầu tiên sống ở McLean County”.

Sau đó, tác giả cho biết thanh niên hùng dũng đó chính là mình. Ông chẳng bao giờ viết được một dòng nhật ký hồi ký nào cho tờ Pantagraph, mặc dù được hướng dẫn mỗi ngày chỉ viết hai mươi phút, ghi lại những gì xảy ra trong ngày.

Ba tháng sau thì tờ báo đành thua, phải đăng lại nguyên con cái hồi ký khác của Lê tất Điều: Ngừng Bắn Ngày Thứ 492. Lời giới thiệu có một đoạn thật xác đáng: “Nhưng Lê Tất Điều hóa ra lại không thể bắt mình thiết tha đến những công việc hàng ngày trong hiện tại. Thực tại lại nằm ở quá khứ, ở một vụ pháo kích sát hại cô em ông ta, ở nỗi nhớ những

Khởi Hành hồi trong nước, liên tiếp trong 5 năm hiện diện, qua 156 số báo, có mục Thơ Đen do nhà thơ Cuồng Nhân phụ trách ■ Mục thơ biếm này nhằm chế diễu, bằng văn chương, những sự việc trái tai, gai mắt, trong đời sống, cũng như trên mặt báo. Tại hải ngoại, một số báo đã không còn sự phúng biếm để cải cách nữa, mà thay vào đó, là những bài mạt ly chữ bởi thiếu văn hóa ■ Chúng tôi may mắn vừa liên lạc lại được với Cuồng gia, được biết Cuồng Ông nay đã về hưu, nhưng có cho một huynh đệ nhà Cuồng xuống núi ■ Người anh em này cũng đồng ý rằng, chỉ trong 20 năm, Miền Nam đã tạo dựng được một Nền Văn Học, Báo Chí riêng; thế mà đã 23 năm qua, Hải Ngoại vẫn chưa định hình, Lễ Nghi Phong Hóa vô phép, nhảm nhí nói ngược của xứ người, mà nhảm một cách sai lầm, là trung sĩ y tá thì đổi thành trung tá y sĩ, làm vợ nhà thơ, thì tưởng là thơ vợ nhà làm, cho nên kẻ thì bỏ mũi tiêm, mang ống nghe lủng lẳng; kẻ thì bỏ nồi bỏ bếp, biến thành hũ vãn lọ chữ, rất là hung hăng ■ Bởi vậy mà Thơ Đen tái xuất hiện, với ngôi bút Thái Cuồng. Thái Cuồng hoan hỉ chào mừng bạn đọc, kể từ số này. Nhã giám.

THƠ ĐEN

THÁI CUỒNG

DANH NHÂN THẾ GIỚI

(nhân một vài người đóng 500 đô để có tên in vào Tự Điển Who's Who What đang bảo trợ đồng hương).

Thế kỷ hai mươi sắp tận rồi
Cho nên thiên hạ khéo đùa chơi
Danh nhân Thế giới gồm em sến
Tự điển Hồng mao lẫn ngựa người
Nguyên thủ Hoa kỳ vương lưới nhện
Chóp bu l rắc thách cao bồi
Thương chồng đệ nhất phu nhân khéo
Tung quạt mo nang đẹp báo đời.

NGUYỄN THỦ...

(vụ cô Monica Lewinsky nhìn qua một câu “tục ngữ” Việt Nam).

Văn chương chữ nghĩa vốn bề bề
Thủ đoạn cao cường khéo thích nghi



Tranh cử hai keo ngồi thượng đỉnh
Ngoại giao muôn mặt giữ quyền uy
Chóp bu Ả Rập từng e ngại
Đầu nậu Trung hoa cũng nề vì
Bác cổ thông kim mà vẫn bị
Thần kia ám ảnh hóa đâm mề.

THẠCH SANH

LŨ BÁN TƠ

Lũ bán tơ kia dở dối ra
Làm cho Viên ngoại bận thân già,
Vào nơi Tôn miếu ồm xòm hợp
Tối chốn Văn chương hí hửng la
Cầu hợp: hoài trình loài cỏ mọn
Ngưu tầm: hữu nghĩa lũ chốn ma
Móng gà tai thỏ đầy sơn huyết
Vũ khúc phi cầm phi thú ca.

đường cũ, chốn xưa. Ông ta nói rằng hiện tại giống mộng hơn là thực.”

Câu văn này không những đúng cho tác giả Thư Về..., mà có thể đúng cho hầu hết những người tị nạn Việt nam lúc đó.

Thư Về Bloomington cứ tiếp tục, với giọng văn hóm hỉnh, chữ dùng chính xác, luôn luôn làm nổi bật những mâu thuẫn của một thanh niên tinh khôn ở nhà mình, khờ khạo của khác biệt văn hóa, môi sinh, khiến cho những mơ tưởng xa xưa sống động liên tục, mà ghi nhận trước mắt lại lảng đãng. Cuốn truyện, xét về mặt điển hình, xứng đáng là một tác phẩm ghi dấu được, một cách nghệ thuật nhất, giai đoạn sơ khai của người Việt ngày đầu đặt chân trên đất Mỹ. Còn nhớ, với bút hiệu Cao Tần, Lê Tất Điều đã làm được những bài thơ vào hàng xuất phẩm cũng về tâm trạng một thanh niên trí thức di làm cu li, cất cao tiếng cười mà âm hưởng thật ra là tiếng khóc, nhìn tận mặt oai phong thế nào cũng bắt gặp đôi hàng lệ. Một đời văn, họ Lê viết ít ra được ba cuốn đặc biệt: Giọt Mực, Thơ Cao Tần, và Thư Về

Bloomington, Illinois. Mỗi cuốn một phương diện, và trên phương diện đó, mỗi cuốn là một điển hình.

Cùng Lê Tất Điều, mười ngày trước khi khứ quốc, chúng tôi chia nhau một ly rượu dưới trăng, trên Đảo Phú Quốc. Leo lên cùng một con tàu, The American Challenger, và đổ bộ Guam hình như bốn năm ngày sau. Trải qua những bão trợ, những học tập, những xin việc, những tập sự, những làm lại cuộc đời, những tuyết băng giá lạnh và khô khốc tâm hồn, sau những dờ dỗi, người đọc là tôi chung một ý nghĩ với người viết là anh: Tôi cảm thấy mắc nợ ngôi nhà thờ Tin Lành ở đường số 9, thủ đô Hoa Thịnh Đốn, ngôi nhà thờ đã bảo trợ gia đình tôi.

Thư Về Santee, San Diego

Lê Tất Điều kính mến,

Thư này để nhắc món nợ hơn hai mươi năm trước. Không phải nhậu thiệt, đừng vội mừng.

Nhắc một chút để ông nhớ. Khoảng tháng Tư-75, trong mấy đêm liền, chúng ta chuyển tay nhau ly rượu trên một ngọn đồi ở Phú Quốc, bên cạnh luôn luôn có

cái radio transistor. Tôi nhớ như là rượu của Vũ Huyến. Chúng ta nhậu xuống, nhậu ánh trăng. Và thao thức trước tương lai mù mịt.

Đọc Thư Về Bloomington, Illinois của ông, tôi nhớ lại những tháng ngày sau đó. Sau đó nhưng trong 1975. Tôi cũng có nhà thờ bảo trợ, và đủ thứ tương tự, tôi cũng từng định trở về thăm ngôi nhà thờ đó, hay ít ra là viết cho họ một lá thư. Trở về thì tôi đã làm một lần, còn viết thì chưa. May quá, có ông viết thay cho rồi. Tôi khởi viết nữa, và có viết cũng không bằng ông được, nhất là tôi không học được cái cười của ông.

Tôi nghĩ ông viết thay cho rất nhiều người chung hoàn cảnh. Cảm ơn ông.

(Viên Linh đọc)

THƯ VỀ BLOOMINGTON, ILLINOIS của Lê Tất Điều, do Văn Nghệ xuất bản. Dầy 186 trang, giá 11 mỹ kim. Liên lạc: P.O. Box 2301 Westminster, CA. 92683. ĐT: (714) 527-5761.

LÊ TẤT ĐIỀU

THƯ VỀ BLOOMINGTON, ILLINOIS



thời sự văn nghệ

HỒ TÙNG NGHIỆP phụ trách

THI TẬP "TỪ TÂM" CỦA THẾ DŨNG

TỪ TÂM là thi tập thứ ba của Thế Dũng. Sách dày 200 trang, do "Tricle" Edition Berlin xuất bản năm 1997. Lời nói đầu của tác giả, tựa của Viên Linh. Trình bày của Vũ Trường Giang, bìa Vũ Xương Minh, minh họa Trần Lê, Lý Sơn, và José Paplo Quevedos.

Tôi không quen xếp thơ theo trường phái này hay trường phái nọ, hay dán cho thơ theo tinh thần Descartes (esprit cartésien) đã từng hệ thống hóa, sắp xếp mọi sự vật. Thơ là cái gì đẹp phát xuất từ thần trí sáng tạo của thi sĩ. Làm sao chúng ta bắt thơ ở trong cái khuôn khổ cứng của trường phái? Và tôi chỉ biết thơ Thế Dũng là một bộc lộ lai láng của Sáng tạo, của cái Đẹp. Sức truyền cảm của nó vượt những quy tắc từng giam nhốt thơ trong cái lồng son chật hẹp của trường phái. Thế Dũng có những câu thơ phóng khoáng:

Nhưng...
Nhờ những cửa sổ
Con gối đầu trời cao
Chúng con quen ăn ngủ
Giữa cỏ cây trắng sao

Nhờ cơn mơ khô khốc
Vì mưa chẳng hắt vào
Lũ trắng không vô được
Vì cửa kín tường cao

Mẹ ơi, con quen thói
Ăn nằm giữa núi sông
Thương, Mẹ đừng đóng cửa
Con thích nhìn miền mộng
(Trích bài "Thối quen")

Thơ như thế đã lồng được một không gian miền mộng làm người đọc có cảm tưởng mình dần tan biến vào thính không bát ngát và xanh vô biên, vô tận. Chúng ta còn được Thế Dũng đưa vào một cõi ẩn tượng phảng phất dợt gió trữ tình man mác:

Vườn thu chín với Mặt Trời
Cây thu đầy đó đã rơi lá vàng
Lá thu chín ửng đỏ hoang
Trái thu ngọt lịm lệ loang
ngấn cười
(Trích bài "Thu tha hương")

Từ cõi ẩn tượng trong thơ Thế Dũng, độc giả sẽ phải đương đầu với một vài bài thơ mà nếu không dùng cái Tâm để cảm thì sẽ đối ngược, sẽ đau đầu nhức óc trong công việc tìm hiểu nghĩa của thơ một cách cùn mòn khổ sở:

Trầm hồn trong cõi Thiếu Thế
Rung rinh như lộ, dề mê
Thất Tình
Áo hình Tâm dù đường sinh
Nghe Kinh mạch chuyển
Tuyệt tình tự dấy
(Tự dấy)

hoặc:

Động lòng liệm xác hoa
phơi tử tảo
An táng tình thăm thăm
nẻo U Nhiên
Ưu ái? Sợ càng đau
dưới gối đời lạnh nhạt
Người Chôn Hoa, tâm thất
nhe ưu phiền
(Không Để I)

Đọc thơ chúng ta đâu cần giải nghĩa giùm tác giả. Tác giả chỉ cần chúng ta cảm được thơ chia sẻ được cảm xúc với tác giả. Có nhiều bài thơ không làm cho độc giả hiểu mà vẫn làm cho độc giả cảm được. Đó là cái cao cường của tác giả. Hai bài trích dẫn ở trên là thuộc vào trường hợp này.

Ở phần II thi tập (phần có nhan đề Ở NGOÀI GIỚI TÍNH) có rất nhiều bài đẹp một cách huyền hoặc. Đó là "Thi Tâm", "Tri Tâm", "Nhấn Tâm", "Võ Tâm", "Hữu Tâm", "Chính Tâm", "Việt Tâm", "Đơn Thân":

Mình về nơi ấy... Mặc tôi
Khép thân thơ thờ, nhẹ hơi
Ái thần...
Tuyết rơi ngát vực Lửa Tâm
Khói sương thốn thức.
Mưa dầm nát đêm...
(Đơn thân)

Thơ Thế Dũng đôi khi có chất trữ tình trong ngôn ngữ ngọt ngào. Nhưng cái ngọt ấy không phản ánh cái ngọt của loại thơ thời tiền chiến. Cái ngọt ở đây không hiện thân là cái ngọt của trái chín và của mật ong. Mà đó là cái ngọt ở miếng cơm tường chừng như nhạt nhẽo, nếu nhai kỹ chúng ta mới tìm được cái ngọt kỳ diệu của nó. Và cũng ở đây trong chất trữ tình lại còn phảng phất đôi chút Thiền phong, Thiền vị:

Anh lặng khóc ngấm em
cười mơ ngủ
Đêm môi em ảo diệu
biến hương Thiền
Ngây ngất uống tận Tâm
mà mê đắm
Ôm em vào Linh Giác
nhập Thiền Duyên
(Đêm Linh Giác)

Đôi lúc ngôn ngữ thơ có chất diên giec những âm vọng tê điếng vào nội giới người đọc:
Đêm qua...
... tìm tôi trứng dạn
Giống thơ căng máu

giọng buồn
Vỗ về từng sóng huyết đau
Tìm suối bạch cầu
kháng sinh quần quai
độc tố nhị trùng nhức nhối...
(Trích bài "Đêm nhị trùng")

Và, người ơi! Thơ Thế Dũng đôi lúc thấm nhuần chất Lão Trang. Vậy có lạ không hỡi người? Ở đây Lão Trang có hơi hướm rượu Trạng An của Lý Bạch, có hơi hướm rượu bồ đào của nhà thơ xứ Ba Tư là Omar Khayyam:

Thác Thơ kim cổ rung:

Trời - Đất

Hồ rượu tình say luận:

Mất - Còn

Cuộc cờ bất trắc bình:

Tiến - Thối

Đàn tung nhịp phách:

Hồn mê Hồn

(Trích bài: "Thi - Tửu - Kỳ - Cầm")

Như thế, dù có chất trữ tình phảng phất Thiền phong, Thiền vị, dù có chất Lão Trang, thơ phảng phất hơi men của Lý Bạch và Omar Khayyam hay có chất Diên, thơ của Thế Dũng vẫn ngồi ngồi Thần Trí Sáng Tạo.

Điều cần nói trước khi chấm dứt bài điểm thơ này: Thế Dũng không bao giờ bỏ chất liệu của những người đi trước anh để cấu trúc cho thơ mình. Với chất liệu cũ anh đã xây cất những tòa kiến trúc mới cho Thơ. Nếu chúng ta hiểu rằng vật chất không đáng kể mà chỉ có tinh thần mới đáng kể thì chúng ta bắt gặp thơ anh vẫn có một cuộc lột xác không ngừng nghỉ.

(Hồ Trường An viết tại
Cổ Nguyệt Đường,
ngày 07.09.1997)

Thơ Thế Dũng Từ Tâm



„Tricle“ Edition Berlin 1997

Từ Tâm, giá 12 mỹ kim. Liên lạc với tác giả tại Gleimstr. 10, 10437 Berlin, GER. c/o Thomas Herwig.

MỘT KIỂU Y PHỤC CỦA SÀI GÒN Hôm nay

Saigon hiện có một nhà vẽ kiểu thời trang nổi tiếng là cô Minh Hạnh. Cô đã qua Nhật tham dự một cuộc trình diễn các kiểu y phục mới. Còn trẻ, Minh Hạnh phối hợp được các quan niệm và nét đẹp Á đông với sự phổ biến cái đẹp của thân thể một trong những yếu tố đưa đến sự thành công của cô.

Kiểu y phục dưới đây có một nét độc đáo: dưới cái váy của người mẫu, còn một lượt voan mỏng, che mờ màng cặp đùi người nữ.



PHIM LOLITA CHIẾU Ở PHÁP

Cuốn phim về nỗi ám ảnh của một ông già đối với một cô bé 12 tuổi, Lolita, đã khởi sự chiếu ở Pháp, Bỉ, Phần Lan và trong tháng 1 bắt đầu chiếu ở Đức. Tại Hoa Kỳ chưa hăng phát hành nào chịu nhận, vì dư luận khá khe khắt về nạn tình dục đối với tuổi niên thiếu.

Cuốn truyện Lolita của Vladimir Nabokov, từng lên phim một lần năm 1962 bởi đạo diễn Stanley Kubrick với tài tử James Mason và Sue Lyon, lần này bởi Adrian Lynn với Jeremy Irons trong vai Humbert Humbert và Dominique Swain trong vai Lolita.



MICHELLE KWAN VỚI HY VONG VÔ ĐỊCH HOÀN VŨ

Năm nay 17 tuổi, vô địch trượt băng Mỹ quốc, cô Michelle Kwan hy vọng đoạt giải hoàn vũ tại Thế Vận Mùa Đông ở Nagano, khai mạc hôm thứ 6 tại Nagano, Nhật Bản. Đối thủ của cô là Tara Lipinsky, mới 15 tuổi.

TOMORROWLAND TẠI DISNEYLAND

Vào tháng 5-1998, khu giải trí Disneyland sẽ cho khai trương một miền đất tương lai, Tomorrowland, trong đó khi du khách bước vào, sẽ thấy trên đầu mình phi thuyền không gian bay quanh quỹ đạo Astro Orbitor và gần đó là khu hỏa tiễn Rocket Rods XPR, tinh xa bay vùn vụt với tốc độ của ngày mai.



CD MỚI CỦA NHẠC SĨ PHẠM MẠNH ĐẠT

Nhạc sĩ Phạm Mạnh Đạt chuyên về Hạ Uy cầm, ông đã nổi tiếng với nhiều băng nhạc trước đây, lần lượt được sản xuất hầu như mỗi năm một cuốn. Tình Ca Nhạc Tuyển, nhan đề CD mới nhất, là cuốn thứ 8 của ông trong vòng 10 năm nay.

Trong cuốn này, ông sáng tác một số ca khúc mới, phổ thơ và có một bài lời Phạm Duy, nhạc của ông. Nhiều ca sĩ tên tuổi góp tiếng như Thảo My, Quỳnh Hương, Duy Quang, Như Mai. Bìa cuốn CD, hình thiếu nữ chít khăn mỏ quạ, rất đẹp.

Tình Ca Nhạc Tuyển là một công trình đáng được trân trọng.

VĂN BÚT QT THỨC GIỤC VBVNHN BÀU BAN CHẤP HÀNH CHUNG

- TTK Alexandre Bloch gửi thư cho ký giả Đặng Văn Nhâm đề nghị dung hòa
- Văn Bút Quốc Tế: không công nhận Đại hội tháng 3-98 tại Virginia

DAN MACH (JAN. 28-1998) - Trong một văn thư mới nhất liên lạc với Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại, để ngày 22-1-1998, gửi cho ký giả Đặng Văn Nhâm, Văn Bút Quốc Tế cho biết Đại hội tháng 3 tới đây của nhóm Văn Bút ly khai sẽ không giải quyết được tình trạng của Văn Bút VNHN hiện nay. Đại hội này do nhóm ly khai đang vận động tổ chức tại Virginia với sự giám sát của một nhóm gọi là Hội đồng nhân sĩ.

Hôm 22-1-1998, trong văn thư gửi cho Ông Đặng Văn Nhâm, chủ tịch VBVNHN được bầu qua Đại hội Santa Ana tháng 7-1997, ông Tổng thư ký International P.E.N. Alexandre Bloch viết rằng "tình trạng bất động của VBVNHN sẽ vẫn tồn tại cho đến khi nào có sự đồng thuận toàn diện của mọi khuynh hướng và nhân sự khác biệt, hầu bầu ra một Ban chấp hành chung." Ông viết: "Con đường đi đến sự đồng thuận này chắc chắn không phải con đường tổ chức Đại hội vào tháng ba như ông Sơn Tung loan báo trong thư." Ngược lại, giải pháp của ông Đặng Văn Nhâm đề nghị trong thư ngày 5-1-1998 gửi cho ông A. Bloch để cho 5 cựu chủ tịch VBVNHN quyết định chọn ông hay chọn người khác, cũng không được Văn Bút Quốc Tế chấp thuận. Năm cựu chủ tịch VBVNHN trong hơn 10 năm qua là luật sư Trần Thanh Hiệp, bà Minh Đức Hoài Trinh, các nhà văn nhà thơ Nguyễn Ngọc Ngạn, Trang Châu, và Viên Linh. Trong khi đó, đang có những vận động tham dự khác, như của một nhóm tự nhận là Hội đồng nhân sĩ, nghĩa là bất hợp lệ, vô ích, vì không có tư cách hội viên, hoặc của một nhóm nhân cơ hội muốn thành lập Văn Bút thứ ba, gây thêm phân hóa. Hai nhóm này chỉ là vệ tinh của nhóm ly khai, hoặc bị nhóm ly khai xô mũi. (Một trong những ngõ đồng của họ là vào tháng 10-1997, sau sửa lại là tháng 11-1997, kêu gọi ông A phải cùng ký tên rút lui với ông B trong một văn thư do họ giám thị. Họ vô tư cách để giám thị bất cứ ai. Gia dĩ, ông A đã không còn là chủ tịch Văn Bút từ tháng 7-1997- nghĩa là từ ba tháng trước khi họ khuyến nghị. Từ tháng 7-1997, chủ tịch Văn Bút VNHN là ký giả Đặng Văn Nhâm. Khuyến nghị người khác làm một việc người đó đã làm từ ba tháng trước, chỉ là một khuyến nghị xằng).

Đồng ý với đề nghị của Văn Bút Quốc Tế, ông Đặng Văn Nhâm đã gửi văn thư cho tất cả các hội viên loan báo tổ chức Đại hội bất thường để bầu Ban Chấp Hành thống nhất, hầu kịp thời có mặt tại Đại Hội Văn Bút Thế Giới tại Helsinki cuối năm nay. (Xem thông cáo cây đăng ở cuối số báo này). Ông Nhâm công khai mời phe ly khai tham dự, và nhấn mạnh: "Sau đây, nếu đổ vỡ tiếp tục xảy ra, trách nhiệm ấy sẽ do (phe ly khai) gánh chịu."

Cùng ngày 22-1-98, ông Alexandre Bloch cũng gửi thư cho hai bên yêu cầu nộp danh sách hội viên cập nhật hóa. Được biết có nhiều hội viên Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại không đủ tiêu chuẩn văn học, nhưng vì trong lúc giao thời hơn mười năm trước, khi các nhà văn tên tuổi chưa có mặt tại hải ngoại, nên họ được gia nhập một cách dễ dãi. Nay đã đến lúc, nếu không muốn nói là đã quá muộn, phải thanh lọc.

Cựu chủ tịch Viên Linh bị đánh phá phần lớn là vì chủ trương "trả lại Văn Bút cho các nhà văn" của ông, như ông nói trong Đại Hội Đồng Văn Bút ở San José năm 1993.

TEM THƯ VỀ TƯỚNG CƯỚP XE HỎA

The "Great Train Robbery", cuộc cướp xe hỏa vĩ đại lại vừa tái diễn tại Hoa Kỳ, song là một cuộc phát hành tem, và chủ đề cướp bóc này đã được dùng trong một con tem ra mắt hôm thứ hai giữa tháng 1-98 tại khu giải trí Knott's Berry Farm. Kể từ đó cho đến hết ngày 3 tháng 2, mỗi ngày Sở Bưu Điện sẽ ra mắt một con tem mới về những khuôn mặt nổi danh của Thế kỷ XX. Những khuôn mặt này nổi bật từ năm 1900 đến 1919.

Được biết Bưu Điện sẽ trưng cầu ý dân để chọn những khuôn mặt hay sự việc đáng ghi nhớ từ 1950 cho tới năm cuối của thế kỷ này. Có khoảng 40.000 ý kiến hàng năm, song chỉ non 100 ý kiến được lên tem.



KHÚC LAN MAKEUP ARTIST

NHẬN TRANG ĐIỂM
CÔ DÂU NGƯỜI MẪU, DA TIỆC

TEL: (714) 839-8845
PAGER: (714) 312-2769

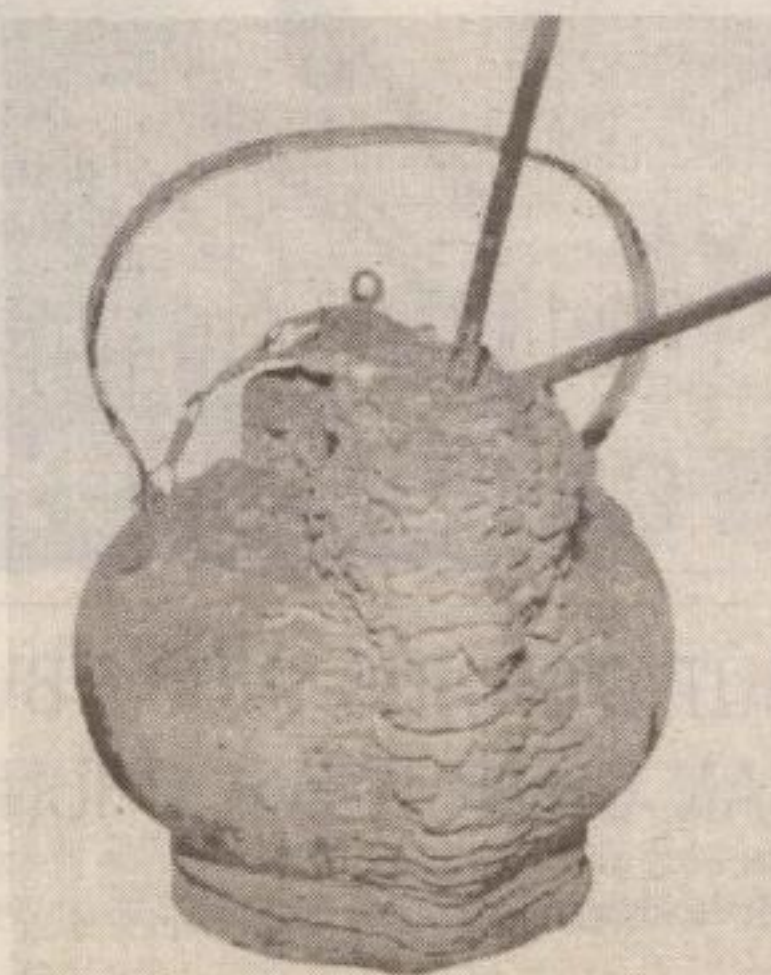
Tháng Giêng ở đây không phải là tháng Giêng ở Việt Nam thời xưa khi mọi người "ăn Tết ở nhà" hay "tháng Giêng cô non", dùng tiếng của một nhà văn hiện đại, mà là tháng Giêng như là một từ ngữ dùng trong tiếng Việt, tháng đầu của mười hai tháng trong một năm, một tháng đang trên đà bị mất tên.

Chuyện bị mất tên, hay nhẹ hơn, bị đổi tên từ ngày Miền Nam Tự Do không còn nữa, đã trở thành chuyện cũ. Nhưng tất cả đã không biến mất mà đã trở thành trong hồi tưởng để bắt chọt từ một cội nào đó của tiềm thức lại trở về và sống động hơn bao giờ hết. Có điều đó là bị mất, bị đổi, bị bắt buộc do sự cố ý của một thế lực từ bên ngoài tới. Người trong cuộc thì không chịu và không bao giờ chịu chấp nhận. Tháng Giêng mà tôi nói ở đây không nằm trong trường hợp này. Sự đang trên đà bị mất tên của nó không do một kẻ thù nào hết mà do chính người coi nó là thân thương tạo ra.

Câu chuyện bắt đầu bằng một cuốn lịch. Phải nói đó là một cuốn lịch đẹp, tuyệt đẹp cho những người Việt Nam muốn có một cuốn lịch tươi mát, trẻ trung, với hình ảnh của những cô gái Việt Nam mảnh mai, thông minh, tươi sáng trong những tà áo trắng cổ truyền, so với những cuốn lịch cho không của các tiệm thực phẩm. Nó cũng bắt đầu bằng một bản thông cáo về một ngày đi bộ sẽ được tổ chức ở Quận Cam lấy tiền giúp nạn nhân bão lụt ở trong nước. Tháng Giêng ở đây đã trở thành Tháng Một và Tháng Chạp đã trở thành tháng Mười Hai. Tất cả phát xuất từ những con số, được đọc như những con số và được viết như những con số, không khác biệt, trái với lối viết và đọc của người Mỹ.

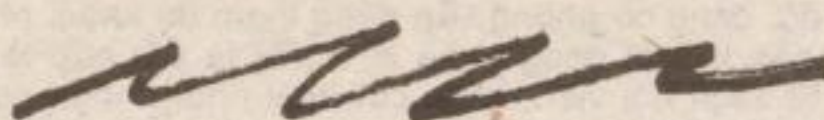
Người Mỹ viết số một nhưng vẫn đọc là January, số mười hai nhưng vẫn đọc là December. Tất cả chỉ là để tiện dụng khi ghi chú và ghi chú một cách vắn tắt, khi nào cần hình thức họ vẫn dùng tên chính thức của các tháng. Cũng vậy, khi viết hay gọi tên người. Lúc cần hình thức, họ hình thức hơn bao giờ hết, khác hẳn với lối để tên người trên các phong bì của các hãng quảng cáo. Cũng vậy, trong lối xưng hô của họ mà ta không hiểu nhiều khi bị hổ y hết người Mỹ học tiếng Việt và y hết người Việt ở hải ngoại xưng hô với nhau qua điện thoại. Bạ ai cũng anh, bạ ai cũng chị, bất kể người già, người trẻ, kể cả những người đáng tuổi ông nội, ông ngoại, bà nội, bà ngoại của mình. Người ta gọi mình để nhờ việc còn đỡ, gọi người ta để nhờ việc mà xưng hô kiểu đó thì mọi chuyện sẽ hồng bét ngay từ đầu.

Chuyện tháng Giêng mất tên, hay sắp mất tên chỉ là một chuyện nhỏ trong vô số những bất ổn trong việc sử dụng từ ngữ trong tiếng Việt hiện tại. Nó là do ta vô tình, lười biếng hay quá vụ thực tế mà ra, y hết như bà con bị nạn đã thoát nạn ra khỏi nước rồi, nhưng vì thói quen vẫn dùng từ ngữ *giải phóng* khi nói tới ngày 30 tháng 4 năm 75. Rồi biết bao nhiêu từ ngữ khác của kẻ thắng trận mà chẳng chịu suy xét gì cả dù cho đó những từ ngữ thường dùng chứ không dính dáng gì đến thể chế hiện tại bắt buộc phải dùng hay phải hiểu khi có việc về quê cũ hay đọc các tài liệu về họ. Trường hợp nào cũng gọi là *thành viên* hết kể cả thành viên của gia đình, dù cho là trong tiếng Việt có đủ những từ ngữ có chữ viên đi kèm để dùng cho chính xác như hội viên, đoàn viên, nhân viên, đảng ủy viên...



Bình voi Việt Nam

PHẠM CAO DƯƠNG: MÙA XUÂN NÓI CHUYÊN THÁNG GIÊNG



Lúc nào cũng *đăng ký* hết thay vì là ghi danh hay giản dị hơn nữa là ghi tên tham dự, ghi tên cho con... để dành chữ *đăng ký* cho những gì tương đương với *đăng bộ* thông dụng trước kia. Cái gì gọi là *tuyến đường* bộ, *tuyến đường* sắt, *tuyến đường* xe lửa, *tuyến đường* trục Bắc Nam? Đã *tuyến* lại còn *đường*, đã *tuyến*, đã *đường* lại còn *trục*? Chưa kể *tuyến* khác với *đường*. Cũng nên nhớ trước kia người ta đã một thời gian khá lâu mới bỏ được thói quen gọi sông Hồng là *sông Hồng Hà*, sông Đà là *sông Đà Giang*. Phải quý phải chẳng đã giắt lùi?

Gần hơn nữa là *thập kỷ*. Ủy Ban Quốc Gia Về Thập Kỷ Quốc Tế Phát Triển Văn Hóa. Tại sao lại kỷ trong khi ai cũng biết kỷ là mười hai năm và thập kỷ là một trăm hai mươi năm thay vì thập niên. Cái gì là quan chức? Sao không gọi là quan cho gọn nếu muốn làm quan? Còn nếu không thì thiếu gì từ ngữ khác trong tiếng Việt như nhân viên, giới chức... Cái gì là đội ngũ trí thức? Trí thức mà bị đội ngũ hóa thì còn gì là trí thức. Chuyên viên, chuyên gia thì họa may. Cũng vậy, lúc nào cũng *đối tác* dù cho

chẳng có gì là đối ở đó cả. Chưa hợp đã đối thì làm sao thảo luận và từ đó hợp tác. Sao không dùng *tương nhiệm* hay *đồng nhiệm*.

Nhiều người cho rằng ngôn ngữ không có tính cách cố định mà thay đổi theo thời thế. Đồng thời nó cũng là do qui ước. Điều này hoàn toàn đúng. Nhưng thay đổi hay qui ước không có nghĩa là người sử dụng không nắm phần chủ động, không làm công việc lựa chọn trong đó, trừ phi đó là ngôn ngữ của đường phố, chợ búa. Sự chủ động này cần phải có khi trí tuệ của con người tham dự và phải có trong cả hai trường hợp sáng tạo chữ mới lẫn vay mượn từ các nhóm người khác.

Đến đây người viết lại nhớ tới cách làm việc của Ủy Ban Điển Chế Văn Tự thuộc Bộ Quốc Gia Giáo Dục, Việt Nam Cộng Hòa cũ. Việc điển chế gồm có hai phần. Một phần do các nhà chuyên môn của mỗi ngành đảm trách. Phần kia thuộc các nhà túc nho lão thành tinh thông chữ Hán và chữ Việt, và các nhà ngôn ngữ học. Hai bên hợp tác với nhau. Một bên vì hiểu rõ ngành học chuyên môn của mình nên có trách nhiệm kiểm những chữ thích hợp. Bên kia có nhiệm vụ duyệt lại xem chữ Hán, chữ Việt và trên khía cạnh ngôn ngữ học có hợp lý hay không. Cũng vậy với các từ ngữ mượn từ tiếng Tàu hay tiếng Nhật. Không phải tiếng nào cũng mượn, dù cho như vậy đỡ tốn kém thì giờ, tâm sức. Bên cạnh Ủy Ban Điển Chế Văn Tự còn các đại học lo phần riêng của mình nhằm đáp ứng nhu cầu giảng dạy cấp thời. Do thân trọng, người ta không dùng chữ thuật ngữ thay thế cho danh từ hay từ ngữ chuyên môn vì chữ thuật làm người ta nghĩ tới những gì không mấy ngay thẳng, minh bạch như ma thuật, quỷ thuật, ảo thuật, hay cao hơn chút nữa là kỹ thuật... những gì gắn liền với vật chất nhiều hơn là tới tư tưởng, tôn giáo, triết học tới con đường ngay thẳng. Chẳng hạn khi nói tới Phật Giáo, Khổng Giáo, Thiên Chúa Giáo... mà dùng thuật ngữ thì thực là tội nghiệp cho các tôn giáo này. Cũng vậy với các từ ngữ nhập cảng, xuất cảng hay nhập khẩu, xuất khẩu. Chữ cảng không chỉ có nghĩa là cửa sông, cửa biển, hay vùng biển nơi tàu bè có thể ra vào, có thể đậu được mà còn phải được trang bị đầy đủ cho tàu bè có thể cập bến, có chỗ rõ hàng, có kho chứa hàng, có cầu lên xuống cho hành khách, có cơ quan kiểm soát hàng hóa, hành khách và thu thuế mà chữ khẩu không bao hàm những ý nghĩa này nếu ta muốn đối chiếu chúng với chữ port trong tiếng Anh hay tiếng Pháp.

Vấn đề tất nhiên còn cần phải được bàn cãi nhiều hơn nữa. Chính vì vậy trong những năm cuối cùng của Việt Nam Cộng Hòa người ta nghĩ tới việc thành lập Hán Lâm Viện và Linh Mục Cao Văn Luận thuộc Hội Đồng Văn Hóa Giáo Dục đã lãnh trách nhiệm xúc tiến công tác này. Cái dễ thương của miền Nam nằm ở đó. Người ta vẫn chiến đấu và người ta vẫn xây dựng. Có điều mất nước là mất tất cả nên vẫn có người bảo miền Nam trong suốt thời gian tồn tại đã không làm gì. Thật là tội nghiệp. Ấu cũng tại các chính quyền miền Nam đã không biết đội ngũ hóa giới trí thức để đến nỗi làm gì họ cũng chú trọng tới phẩm chất của việc làm nhiều hơn là làm nhanh, làm mạnh, tiến nhanh, tiến mạnh. Ôi! Giá miền Nam không mất! ■

"THẾ À" TRONG CỔ NGOẠN QUẢNG ĐỨC

MỘT MẢNH ĐỜI VỚI CỤ VƯƠNG HỒNG SẼN

Ngày sông Vị buông cần câu cá,
Lúc Non Kỳ nằm ngủ giấc mơ.

T hời sơ Thanh, Mạt Minh đất nước e còn biến chuyển đổi thay, lòng người còn nhiều xao xuyến, hẳn chưa ung dung để tự tại hưởng cái nhàn. Ông thợ vẽ Trung Hoa đa tài dù cong hết cây bút cũng không tính nổi tâm để thông dong họa được cái cảnh *Vị thủy đầu can nhật, Kỳ sơn nhập mộng thời*... Khương Tử Nha lúc chưa gặp thời, ngày bên sông Vị buông câu, người vẽ cổ ý diễn tả cho được cái cảnh chờ thời của Khương Thượng: ông lão râu tóc bạc phơ ngồi dưới cây tùng già, cần câu không có móc: "Ta câu công hầu nên cần sợi dây là đủ..."

Trên đồ sành, đồ sứ cổ xưa, những bức họa rất khéo, người thợ vẽ đem tâm hồn dồn hết vào cây bút vẽ. Khương Thượng ngồi câu là cảnh kẻ sĩ an nhàn đợi thời chờ vận hay cảnh ung dung nhàn hạ của thú điền viên? Màu xanh men Lam nổi bật trên da trắng ngà của đồ sành trong và rực sáng như bầu trời tuyết đẹp sau cơn mưa *vũ quá thiên thanh*. Riem mĩ thanh tú của cô gái đang xuân như được gắn từng sợi vào đường cong của bút. Viên phượng, thanh sắc và tự tại, người thợ vẽ phải có lòng tin tuyệt đối vào tài nghệ tuyệt siêu của mình mới hoàn thành được bức họa trên thai đất sét chưa nung.

Cái đĩa sành to chưa đủ phủ hết cái bàn tay, gõ kêu như chuông. Cụ chủ nhà trước là nhà giáo, dân địa phương gọi là ông giáo Ngô, nhà bên kia sông, trước sân toàn Bonsai và giả sơn đẹp chi là. Nếu được hỏi đồ xưa nhà cụ sắm lâu chưa? Cụ cho biết nguyên trước là đồ nhỏ nên rất sành đồ cổ, tất cả cổ vật trong nhà là đồ từ đường mấy đời lưu lại, bây giờ muốn bán nếu ai trả được cái giá cao. Riêng cái đĩa cụ luận là từ đời Đường, đời Hán chứ đời Minh, đời Thanh sao mà làm dăng! Đám ba tháng sau có người lại hỏi, cụ bảo đĩa đời Tần, đời Lương. Mấy năm nay cụ già lắm, tuổi gần đất xa trời. Cụ không dấu nghề mà vì tuổi già nhớ trước quên sau.

Sách nói về đồ cổ của cụ Vương có khá nhiều, nhưng dù cho đọc hết chỉ riêng cái màu trắng đồ sành cũng không sao phân cho được. Trắng trứng gà, trắng diệc, trắng Email, glacure, trắng nước vo gạo, trắng đục, trắng ngà... lại trắng trên men, trắng dưới men... Chỉ cần một lần đụng cái thực tế của đồ cổ ngoạn mới thấy thú chơi đòi hỏi lắm điều.

Chiều trên đường Đồng Khởi, Vương tiên sinh thường chống gậy cuộc bộ dạo chơi, ghé con mắt nhà nghề qua mấy gian phố ngắm đồ xưa mà khởi chí tiền. Mấy ông chủ tiệm cổ Đồng Phương, Bà Tơ, Sơn Huế, cho đến cỡ bự

như tay Hiền, Đức "xộp" cũng phải trải thăm ra mời vào, bưng bê mấy món Ngự Điều ra khoe chỉ mong ngài phán cho vài câu để học. Nghề của mấy tay chủ vài ngón chỉ đủ đếm vừa đủ mấy đốt tay. Món đồ xưa muốn luận chơi cũng không đủ vốn để kéo dài thời gian thường thức một tách trà đúng nghĩa, ngược lại, kinh nghiệm thì bậc thầy thiên hạ, mắt vừa liếc sang món đồ xưa là biết bán được cho khách nào, bán giá bao nhiêu. Người bán chỉ cần hờ cái môi là ô hô dollar cứ thế mà vào. Tiếc là kinh nghiệm này nó thiếu tính khoa học nên không thể sắp xếp cho đúng lớp lang để lên lớp truyền lại cho hậu thế mai sau. Ngày qua ngày, tháng qua tháng, lẫn lộn với nghề thì axit de fer sẽ hiện!

Bấm khải Vương gia, cái đĩa tận Khánh Hòa vẽ tích Thái công điếu vị, men Lam Hối mỏng như giấy, đáy có hai vòng đồng tâm "double circle" không tìm ra điểm khởi. Ông chủ bảo là đời Hán, đời Đường. Đọc sách của Vương gia lại không thấy chỗ nào đời Đường đời Hán lại có men Lam, cốt thai lại nhẹ, đáy hai vòng đồng tâm không có khu khoanh măng. Sang qua đời Tống cũng không thấy có men Lam Hối mặc dù Vương gia có nhắc đến hai anh em Sanh nhất Sanh nhị. Đồ gốm của Sanh nhất thường rạn thật mịn hình trứng cá, đôi lúc

Đồ gốm Việt Nam

có rạn da vàng hạt lúa, mỏng nhưng màu lại thanh mướt, sậm nhưng trong tuyệt thế. Khác với ông anh, Sanh nhị không làm đồ da rạn, nhưng da lại trơn bóng như ngọc, men ngoài đượm sáng như sương ban mai. Tiên sinh chu thêm màu da của Sài diêu phải xanh ngắt, trong như ngọc, bóng như gương, mỏng như giấy, gõ kêu vang như chuông.

Ngàn vàng dễ kiếm
Sài diêu khó tìm

Thật phải Sài diêu, đáy hẳn không có double circle. Double circle cuối Minh mới xuất hiện. Sang Khang Hy, nhà vua cấm ghi niên hiệu dưới đáy đồ sành đồ sứ, các chủ lò giữ hai vòng đồng tâm lại thay cho cái ấn chứng như ông Hà Trù đời nhà Tùy chế được màu lục thường được gọi là đồ lục tử, thế cho lưu ly giả ngọc, dưới đáy luôn luôn có ấn vân tay cái. Cái vân tuy ấn sâu vào thai giống y như triện vua của lò Cảnh Đức Trấn lún lũng qua men không chỉ mà giả dăng. Cái đĩa hẳn đời Minh đích thực. Từ Minh Thái Tổ cho đến Minh Chiêu Liệt Đế thiếu 20 năm là ba thế kỷ. Hồng Võ men dày thô kệch dù thờ thái đã mịn màng. Kiến Văn thì gốm lại không tinh. Vĩnh Lạc còn lâu mới vẽ sơn thủy, ông vua này chỉ thích *sư tử hí cầu, sư tử cốn cầu, lương "vị"*



uyên ương, đáy phải có một bông hoa nhỏ chính vị, có khi bông hồng, bông sồi, tẻ lăm cũng bông lài. Tuyên Đức mặc dù chỉ vón vên 9 năm ngôi cửu ngũ, nhưng đồ gốm, đồ đồng để lại cho hậu thế muôn trùng. Đồ Tuyên Đức sắc sảo, đẹp, nhưng các món Quan điều Ngự điều thường da nước vo gạo, da cam sành giống y chang như thực. Tích thì nhiều và hình con nai cũng lăm. Quần lộc "chầu" cô từng. Cây từng già đếm cho kỹ đúng 18 con nai tụ hội, nếu đúng đồ Tuyên Đức nai phải 18 con, nếu 16 hoặc 14 y rằng đồ giả. Vậy hẳn cái đĩa đời Chánh Đức vì lúc này mới có Hối Thanh.

-- Kỳ chưa?

Áo tay thụng, tóc búi tổ đời Minh, đáy phải luôn luôn được gọt kỹ. Thôi rồi, đĩa Đường Anh đời Càn Long, tay chơi cổ ngoạn "Boss" của lò Cảnh Đức Trấn trăm phần trăm!

- Bạch tiên sinh, con luận cái đĩa tận Khánh Hòa hẳn đời Càn Long. Tay Đường Anh giả mạo.

- Thế à!

Cái đĩa đích thực thời Đường Anh. Vương gia chỉ nhếch mép vón vên mà rằng có hai chữ "Thế à" là thế nào? Ô hô, lại hô, Đường Anh mà vẽ cảnh hàn sĩ, tích ẩn sĩ ảnh hưởng Nam phái của Vương Duy thì phần Thanh phục Minh rồi còn gì. Chạy đầu cho thoát tiếng găm của ông cháu nội vua Khang Hy: TRÁM! Vậy cái đĩa đời nào?

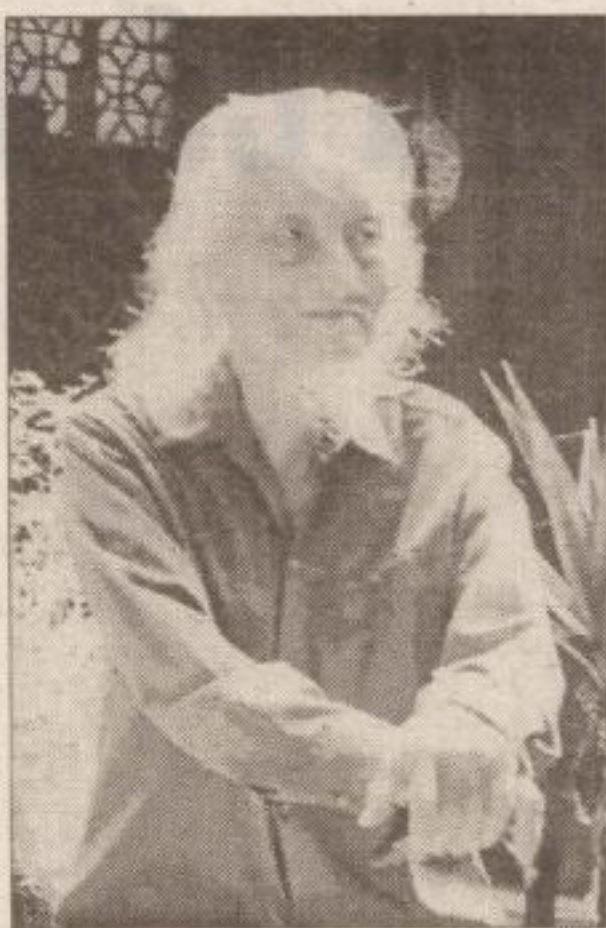
Thú chơi cổ ngoạn, cái hay cũng lăm, cái dở cũng nhiều. Nhiều người chỉ biết được cái gì mình biết, chứ không cách gì biết được cái gì mình không biết. Đó là cái đau cũng là cái thú, cái mê của dân chơi đồ cổ. Càng ngẫm nghĩ Vương gia phần hai chữ "Thế à" mà lại đúng!

Thế à!

Xin đa tạ Vương gia.

Năm 1975, hòa với vận nước, cổ vật ào chạy ra đường, lệnh khênh giá rẻ mạt. Đám nhà giàu thì lo chạy lấy thân, bỏ của chạy lấy người, dân trung trung thì không quen với thú của kẻ dư của lắm tiền. Mấy tay cộng sản mới mất dư tiền cũng không dám mua vì e hủ hóa. Con buôn quốc tế không dám ho he bén mảng. Cứ thế bao nhiêu cổ vật ông bà để lại từ đường này chạy qua hẻm nọ, trao qua đổi lại cho đến khoảng 1985, trên đường Lê Công Kiều, Đồng Khởi mới thấy bóng người ngoại quốc lai vãng. Đồ cổ bắt đầu có người mua, khởi đầu dân Nhật qua mua hải sản hoặc hợp tác làm máy ướp đông, luôn luôn trong túi có tập hình màu chỉ nam hướng dẫn sưu tầm những cổ vật quý hiếm. Sau Nhật là Đài Loan ào qua mua đất mua nhà, 1/4 nhà đất trên các đại lộ chính trung tâm Sài Gòn nếu không của Đài Loan thì cũng của Nhật. Đồ cổ theo hàng Hải Sản ướp đông cứ thế chạy ra ngoài. Dân chơi Hồng Kông hơi khó tính, đồ cổ phải Quan điều, Ngự điều chứ dân dụng nếu có xum thật xưa, cổ thật cổ cũng gọi là đồ cũ, đồ rác.

Sau cái ngày gọi là "đại thắng" không đầy một năm, các cháu ngoan của "bác" cực lực triển khai lý thuyết vô sản, bản cứng hóa nhân dân. Nhà thờ, nhà chùa rồi đến các nhà dân khá giả lần lượt bị trưng thu làm kho chứa, tài sản tịch thu được phân phối lại cho các cán bộ đảng viên. Cổ vật một lần nữa có dịp qua tay cán bộ chạy ra đường. Bừng bừng khí thế, con cháu bác ngang dọc bữa luôn mồm mà ông bà tổ tiên nói là để tăng gia phát triển sản xuất thật ra là để thỏa mãn cái tính thất phu hèn hạ. Mả Châm, mả Hối bị ăn theo liên tục bị khai quật, sau không đầy hai năm, nhân dân thực sự vô sản, một số ít còn phương tiện tìm đường chạy ra biển đi tìm cuộc đời mới. Một số ít khác vì quá nghèo chạy theo cái chủ trương cày mọ, khai quật mộ xưa để tìm vàng. Đồ cổ lại có dịp bốc lên, lúc đầu dân đào chưa biết giá trị



Vương Hồng Sển

vì chưa có người mua nên đập nát dĩa chơi, cái gì đẹp lắm mới đem về bán rẻ cho người biết quý. Dọc theo thềm lục địa, dân làm biển cũng không vừa, dếch cần cái an toàn của bình hơi, bình lặn, mười lăm hai mươi sải nước cứ thế nín hơi mà xuống.

Khu vực miền Trung từ Thuận Hải ra tận Quy Nhơn dân lặn nhà nghề mò từng thước đất. Cổ vật ề hề dân chơi tha hồ mà chọn lựa, cứ thế lần lượt tọa độ X rồi đến tọa độ Y, đồ Khang Hy, đồ Sawankalok liên tục được chào bán, mỗi đầu xuất hiện tại Ninh Hòa, Nha Trang vì đa số dân lặn từ hai miền này vào. Dân Sài Gòn ra Trung tìm mua, sau cho địa chỉ bán thẳng tại Sài Gòn. Đồ cổ như cá như tôm bán từng cân xé, to nhỏ, nguyên vẹn hay nứt vỡ cũng cân xé như nhau, giá năm 1989 một cân xé là 100.000 đồng khoảng 10 đô Mỹ. Dân Đồng Khởi và bến Lê Công Kiều có bao nhiêu cứ thế òm hết, chất trong, chất ngoài, chất dưới, chất trên, đầy nghet cả lầu thượng. Tờ báo "Tuổi Trẻ" lăm mồm la toáng lên như là một phát hiện mới, thế là công an đủ súng đủ đạn vội vàng đưa ra nghị định này, thông tư kia, cứ thế áp vào nhà dân hốt gọn. Mật trận này được tiên công ba mật đồng khắp. Mật Đồng Khởi, Lê Công Kiều công an T.P. Hồ Chí Minh đem xe đi hốt về, trong nhà chỉ cần một món đồ tại tọa độ X là a lệ tịch thu gia sản. Riêng nhà Đức xộp cũng có khoảng bảy xe, công an cứ thế từ ba giờ chiều cho đến khuya thoải mái chở về đồn. Đồ Khang Hy chiếm khoảng ba xe, một xe Sawankalok, số còn lại là đồ Châm thế kỷ thứ 8 thứ 10 từ Nghĩa Bình chuyển vào đảo bởi từ dưới mấy ngôi tháp Châm cổ. Vũng Tàu còn đảo thì ra lệnh tổng giam mấy tay thợ lặn, ruộng rạp nhà dân. Các Sở Thông Tin Văn Hóa phối hợp chặt chẽ ký hợp đồng với tàu trực vớt mướn từ nước ngoài tiếp tục khai thác. Nạn nhân sau "Đức xộp" là mẹ con bà Tư. Hai mẹ con biết trước cũng không thoát được vì ham cái cặp ngà voi hấp dẫn giá rẻ. Sau bà Tư là Sơn Huế, tay chơi có trình độ cao nhất, mặc dù trong nhà tìm bết con mắt không có một món Khang Hy cũng bị tóm vì thay vào đó là các món đồ Bleu de Huế, loại Nội phủ Thị Tả, Thị Hữu, Thị Đoài, Nhược Thâm Trần Tàng... nhiều hơn tại phủ của Trịnh Sâm đời nhà Nguyễn còn phân tranh. Dân chơi đồ cổ rúng động, nơm nớp lo âu không biết công an áp vô giờ nào mà không cần gõ cửa. Khu bán cổ vật dọc theo bến Công Kiều Đồng Khởi chạy dài vô tận Chợ Lớn rầu như cha chết. Đóng cửa tiệm là bất mãn, phản động, mở cửa ra bán thì bị bắt hốt gọn. Tình trạng này kéo dài khoảng ba tháng thì chính bọn công an hăm nóng máu của dân chơi. Hàng chục xe tải cổ vật đất tiền tuồn ra từ đồn công an, sở văn hóa, mấy tay cán bộ mạnh ai

nấy quơ, vét, cào đem ra Đồng Khởi bán lại. Dân Việt dễ tính, mới đầu còn e dè, sợ sệt ngó trước nhìn sau, dần dà thôi kệ đến đâu hay đó, trời kêu ai nấy dạ. Mấy ông Việt kiều ham rẻ, vợ mấy món về làm đồ gia bảo đem ra phi trường lại bị thâu tóm. Cứ thế cổ vật loanh quanh vô ra làm giàu cho mấy tên cán bộ.

Trước khi đem sang Hòa Lan bán tháo, các tai to mặt lớn của Đảng họp trước, họp sau bàn cho ra lẽ làm sao bán được số cổ vật vô giá trị, vớt, tịch thu từ tọa độ X mà bít được dư luận? Chúng bèn chơi trò truyền thông cho cả nước biết trưng ương cho phép người Việt được ưu tiên, tự do mua tất cả các món cổ vật vô giá vớt từ tọa độ X lên, điều kiện là mua gọn một lần 200.000 món chứ không phải 60.000 món trả một lần bằng đô la Mỹ.

Ông cộng sản tuyệt vời cái thuật "xao". Cái xao to nhất là cái lệnh cấm giữ đồ la Mỹ còn có hiệu lực rành rành trước mắt, rồi lại chính ông cho phép ai có đồ la Mỹ được mua, không phải năm ba chục đô mà là bạc triệu. Cho dù có tam thừa, tứ thừa chữ xao cũng không đủ diễn tả được cái mặt thực "xao" của bọn chúng. Cấm bán rồi cho mua, cấm mua rồi cho bán. Nghe ông nhà nước cái tiền rồi lại đổi mới thì ô hô lú giống cũng không còn!

Đầu năm 1993, Vũng Tàu mọc lên mấy tụ điểm thu mua và bán đồ cổ cho dân chơi có tiền. Người mua chủ yếu là dân nước ngoài. Người đi bán là dân nghèo rất mỏng tờ, các tỉnh xa mò cho đến Vũng Tàu bán một hai món, tiền bán được không đủ trả tiền xe. Dân lặn nhà nghề bị mấy vô đầu diếng nên khôn hơn, tìm được món gì ngon và nguyên vẹn chưa nứt vỡ là dời địa điểm. Điểm đầu cổ vật là ở ngay dưới lòng biển khơi, tay chơi nào chịu giá rồi mới lặn trực lên. Ông nhà nước bó tay, chỉ ruộng bắt được mấy tay gà mờ mới vô nghề và mấy cửa tiệm mới mở có tính ý y tin vào cái lệnh đổi mới của chính quyền cộng sản. Cũng may nghề buôn bán đồ cổ tương đối mau giàu nhất trong các nghề làm thương mại. Mua vào thì giá rác, bán ra thì giá vàng, vô ra đầu được vài ba lần suông sẽ là cả cửa hàng coi như không vốn, cứ thế mà chơi. Cái máu say mê cổ ngoạn nó nặng hơn dân xì-ke ma túy, bởi thế công an cộng sản cứ bắt, dân ghiền cứ chơi. Đồ cổ chết đi lại sống, chôn xuống rồi lại đào lên, chìm rồi lại được vớt. Cứ thế hậu thế được bắt tay với cổ nhân thế kỷ thứ 8 thứ 9 cổ vật Châm, thế kỷ 15, 16 đời Minh, thế kỷ 17, 18 đời Thanh. Cổ vật Việt Nam đời Lý, Trần vẫn còn nhiều vô kể, đồ Bleu de Huế ngổn ngang, không như trước năm 1975, bấy giờ re một tí hay bị rạn ổ nhện coi như toái khí giá rẻ rẻ...

Đồ Tống tương đối ít hơn nhất là đồ Celadon ai cũng biết quý nên khó mua và cũng khó bán vì giá quá cao. Thứ Celadon được chào bán trên thị trường hầu như là đồ Thành Hóa giả ngọc giá hạ hơn, dân chơi tam đồ ghiền. Mả thật ra thế nào là đồ Celadon thiệt, thế nào là giả? Có tìm đến Vương phủ hỏi Vương tiên sinh thì cũng chỉ được hai tiếng: Thế à!

"Thế à" đã bắt đầu thấy thiệt là hiệu nghiệm, dân chơi có máu ghiền đậm "Vương giả chi hương" bỗng thấy mình giả đậm hẳn lên trong các buổi luận bàn các món đồ xưa ngay khi ung dung thốt được hai tiếng "Thế à!"

Có một điều...

Tuyệt đối không một dân chơi cổ ngoạn nào đủ can đảm thốt được hai tiếng "thế à" khi hay tin cụ Vương đã vĩnh viễn ra đi hai ngày sau tiết Đại Tuyết vừa qua cho dù đại lễ "Kỷ di" của cụ đã quá năm năm rồi!

Cụ mất lúc 8:35 ngày 9 tháng 12 năm 1996 ước là ngày giờ Canh Thìn tháng Hợi năm Bình Ti. ■

KHU VƯỜN TRỒNG HOA

NGUYỄN CHÍ KHAM

Thuyết

Hai ngày trước khi đi, tôi đến thăm chị Lộc. Chị ở căn nhà trong khu thành nội, gian phía trước được mở rộng làm cửa hiệu thuốc tây. Khi mở hiệu thuốc này, không riêng một mình chị đứng bán, mà còn có thêm cô chị họ, vừa chung vốn, vừa có mặt ở quầy sau các buổi dạy ở trường. Ngôi trường, di ngược lên phía trên, qua khỏi hồ sen, trong mùa hè qua, đã sửa sang lại nhiều phòng ốc, lợp ngói mới đỏ chín, và những hàng cây phượng trồng nhiều năm nay đã vươn mình cao lớn, rợp bóng mát đầy sân. Mỗi bắt đầu mùa đông, những ngày vừa qua vẫn có mưa, nhưng hay dứt quãng. Nơi thành phố này, mỗi cơn mưa là mang dấu hiệu một nỗi buồn. Nhưng cũng có thể nói về nó như một hạnh phúc, rồi lúc nhìn mưa, bầu trời ấy thường hay để lại trong tôi sự liên tưởng đến một nụ cười rất đẹp dễ.

Năm ngoái, tôi quen biết chị Lộc. Giữa chị và tôi, đúng ra là có chút liên hệ xa về gia đình. Ngày trước, căn nhà này chỉ ở là nhà mẹ K., cậu ấy với mẹ tôi là bà con phía bên ngoại. Điều tôi biết rõ, gia đình cậu mẹ K. đi sang Mỹ lâu rồi. Khi từ ngoài miền Bắc được tha trở về, tôi làm nghề bán báo dạo, ở Saigon hơn bốn năm rồi mới ra ngoài này chung sống cùng vợ con. Ngày đầu tiên, tình cờ ngang qua khu phố ở đây, tôi nhìn căn nhà tự nhiên thấy lạ, vì còn nhớ thời trước gian ngoài có một lối cửa bên, phần còn lại mở tôi mở cửa hiệu chụp ảnh. Bên trong, hôm ấy chị Lộc đang ngồi bán thuốc cho khách. Một mình, mái tóc xoã xuống gần vai, chị Lộc khoác lên người chiếc áo blouse trắng. Chị không để ý, vì tôi ở ngoài đang đứng xe bên một gốc cây trông vào cửa hiệu, nhưng trong yên lặng, bỗng nhiên tôi có chút êm đềm được nhìn ngắm một nụ cười đang tỏa rộng dưới đôi mắt đen, và trên khuôn mặt rất dịu dàng ánh sáng.

Nhưng rồi, qua một lần đó, tôi bỗng quên không nhớ gì thêm về hình ảnh của chị. Ngày hai buổi đến sở làm, tôi đều đặn nghe quen với những tiếng gõ của mười ngón tay lên bàn máy đánh chữ. Nhiều khi, tôi tạm ngưng công việc nửa chừng, vì phải đạp xe đi đưa thư mới, hoặc ra nhà Bưu Điện nhận báo và thư từ. Về thành phố này được hai năm, công việc làm xin được cũng mới hơn bốn tháng. Nơi chỗ này, là Hội Văn Nghệ thành phố. Khi được tuyển vào lương bổng của tôi hưởng theo giá gạo, mỗi tháng 30 cân rồi quy ra tiền. Bản tính ít nói, nhưng tôi làm việc rất chăm chỉ. Hoạt động của hội là in sách, ra báo, và hàng tháng tổ chức các chương trình diễn thuyết hay văn nghệ. Ngày thường, tôi ở lại trưa, ra quán vỉa

hè bên cạnh ngồi trên chiếc ghế nhỏ găm bánh mì, uống nước mía. Đôi khi, có phái đoàn các tỉnh xa tới thăm mời Hội đi ăn, tôi được ghé theo một bữa ăn no, ngon lành. Nơi hội, mỗi ngày thường xuyên rất nhiều khách lui tới, phần nhiều là các nhà nghiên cứu văn hóa, nhà văn, nhà thơ.

Căn nhà lớn có bốn phòng rộng, phòng chính nằm bên phải, những cửa sổ mở ra đều trông thấy hai con đường chạy ngang, và nơi này vừa làm phòng tiếp khách luôn phòng hội. Tôi được dành cái bàn nhỏ riêng, tuy ngồi phía bên trong làm việc, nhưng tôi vẫn nghe khá nhiều cuộc bàn luận văn chương rất hào hứng, khiến có những lúc chợt ngừng đánh máy, hai tai mở lớn hết, rồi cảm nhận một thứ không khí thơ văn nhiều hương sắc đang tràn lấn vào tâm hồn mình. Những con người văn hoá ấy, vì nơi tôi là sự gia nua, yên lặng, cũng không hề bộc lộ ra một nét nào thân thiện, nên mặc dù tôi đây luôn, ít khi họ gần gũi với tôi. Bàn máy đánh chữ mới là người bạn thân của tôi. Mỗi ngày, buổi sáng tôi đánh các văn thư, giấy mời của hội, buổi chiều, ngay đầu giờ là tôi vào đánh máy các bản thảo thơ văn được chọn đăng cho kỳ báo sắp tới. Bốn tháng qua làm việc tại chỗ này, cũng không có một người bạn quen nào tìm đến hỏi gặp tôi. Ngoài đường, tôi gặp họ nhiều hơn. Những người bạn của tôi hầu hết là anh em đã gặp, quen nhau trong các trại cải tạo miền Nam, hoặc ngoài miền Bắc. Nay từ các trại đó, mỗi năm lần lượt có một số trở về, và trong cuộc sống khó khăn hiện tại, người đạp xe thổ, người chạy xe xích lô, kẻ che bạt dọc vỉa hè khu phố làm nghề vá xe đạp, honda.

Nhà tôi, gần mười cây số cách xa thị tứ. Ngày mới ra ngoài này, tôi ở tạm chung với gia đình cha mẹ vợ. Hiện vợ tôi là gái út, cô có bốn anh trai. Đã có hai năm Hiền dạy học tại Qui Nhơn, nhưng vì cuộc sống một mẹ, một con đơn độc và thường nhớ nhà nên Hiền xin nghỉ dạy. Ngày tôi được về, vợ chồng chỉ gặp lại nhau chứ chưa đoàn tụ. Trong một buổi tối sắp xếp, bàn bạc, vì còn bị quản chế, phần nữa là tình hình an ninh các địa phương nên tôi ở Saigon, còn Hiền và đứa bé gái, hai mẹ con ra Huế. Ngày tôi đi, cháu được 4 tháng tuổi. Về Huế, Hiền khá giỏi xoay xở, từ buôn bán nhỏ lúc đầu, ít năm sau, đã chen được một chân vào dịch vụ buôn bán những mặt hàng vật liệu xây dựng ở nhà máy vôi Long Thọ, rồi mỗi năm ngoái, Hiền sinh thêm một cháu, đứa trai thua chị nó đến 12 tuổi.

Vào đầu tháng 10, một buổi họp với chiều hướng mở rộng phương án, Hội Văn Nghệ thành phố dự trù lập nhà xuất bản, bước đầu là các loại sách biên khảo, du ký, và riêng tôi, cũng đã có được dự phần trong phân phối công việc, rồi sắp tới tôi được chuyển qua bộ phận phát hành làm việc cùng chung với chị Ngọc. Nhưng rồi dừng một cái, vào tuần lễ sau, không riêng gì Huế mà cả toàn quốc đều rơi vào sự xáo trộn, nửa có người vui mừng, nửa không ít mang nhiều nỗi lo âu vì một quyết định từ trung ương sẽ ban hành việc định ranh giới và chia trả lại những tỉnh cũ như của riêng miền Nam trước đây. Tôi lại ở vào tâm trạng những người hoang mang, tự nhiên có linh cảm là mình sắp mất việc. Đến chừng hơn một tháng sau, việc chia tỉnh bắt đầu thực hiện, và trong lúc này, hội của thành phố không còn đứng riêng biệt nữa, phải sát nhập chung vào hội của tỉnh, tôi đành phải nghỉ vì không có việc làm ở hội mới.

Hiện đi với chị Ngẫu ra Hà Nội. Hai ngày nay, mưa vẫn cứ nặng hạt trong buổi chiều. Buổi sáng, tôi chờ thẳng cu Gấu bằng xe đạp đưa đến nhà trẻ. Gần một tuần Hiền đi xa, nó rất nhớ mẹ. Bữa ăn trưa ở lại, khoảng bốn giờ chiều tôi lên đón. Cái đã nghĩ việc ở nhà cứ kéo dài, tôi chẳng xoay xở được gì, ngoài việc trông coi thằng nhỏ để Hiền rảnh tay buôn bán. Khi thằng nhỏ ở trường, tôi có được chút ít thì giờ đầu buổi sáng ngồi uống trà, mở radio rà làn sóng ngắn để nghe tin tức thời sự thế giới qua đài BBC, RFI, rồi xong chương trình, bắt đầu kiếm những công việc lặt vặt trong nhà để làm, và cứ đôi ba ngày lại lấy cây cuốc dựng vách hè xuống khu vườn làm cỏ, cào rác, lá, gom thành đồng rồi cho vun vào gốc cây. Ở nơi đây xa thành phố, không khí của vùng làng quê chung quanh rất yên lành, nên với công việc làm vườn vẫn cho tôi một ý nghĩa về hạnh phúc.

Năm nay, cháu gái đầu của tôi được 18 tuổi rồi. Cháu sinh vào cuối tháng chạp, là một tháng lạnh nhất trong mùa đông. Đông An là tên của cháu, từ khi vào tuổi thiếu nữ, mỗi ngày cháu lại giống như hình ảnh của Hiền nhiều hơn. Và đến tuổi này, thì vợ chồng tôi đã nhờ được cô con gái. Có đứa em, tuy cũng cảm thấy nặng nhọc, nhưng chị Hai vẫn thích thú đòi bông. Cu Gấu, mỗi lần mẹ hỏi thương ai nhất nhà, thì đọc tên cả bốn người cùng một lúc. Hiền không chịu, bảo chỉ nêu tên một người thôi, nhưng nó vẫn nói không chỉ có ba

me, phải có tên chị An nữa. Năm cuối chương trình trung học phổ thông, mỗi tuần hai buổi chiều Đông An phải đi học thêm hai môn Toán, Lý Hoá ở lớp luyện thi. Về sau này, trường ốc thiếu, nên bất cứ lớp nào, học sinh cũng chỉ có được một buổi học, sáng hoặc chiều. Những ngày qua Hiền đi vắng, trong bữa cơm chiều ba bố con chúng tôi ngồi ăn đèn điện rất sáng tỏa ra đến hai cây bồ kết đứng bên ngoài cạnh lưng dốc khu vườn. Cu Gấu không có nét mặt giống chị An, nó có má lúm đồng tiền, cặp mắt đen tròn như đôi mắt em gái tôi. Từ hôm nghỉ việc, tôi ít đi đâu, mỗi cuối tuần vào chiều chủ nhật mới đạp xe lên phố ghé qua vài sạp báo quen đứng dọc cạp những tờ báo thể thao chuyên về bóng tròn, cũng có khi tạt vào quán bi da gần bờ sông đứng đó lâu cả tiếng đồng hồ, say sưa, hồi hộp với những cơ đánh độ ăn tiền của các tay cao thủ. Bấy giờ, trong bữa ăn, ngồi bên cạnh hai đứa con chột như muốn nhắc tôi nhớ đến những ngày ấu thơ ở quê ngoại. Cô gái An của tôi rất yêu mẹ, ngày xưa, tôi là một đứa con rất khó nhọc trong nỗi lòng và sức chịu đựng của mẹ tôi. Khi một cô gái vừa mới mỉm cười một cách hồn nhiên, bao giờ hình ảnh đó cũng tạo nên được hạnh phúc cho những người chung quanh.

Cu Gấu đòi ăn thêm một bát nữa, chị An xới thêm cơm rồi gấp đồ ăn cho em. Khi biết rằng, mình giúp được cho em trong những ngày mẹ đi xa, tôi nghĩ rằng sau này cô gái sẽ trở nên hình ảnh của một người mẹ. Hai chị em đang nhìn nhau cười. Bữa ăn chiều, bỗng đứng như có sự đợi chờ lại mang đến với một nguồn hơi nóng, rất ấm áp.

Rồi một bữa đó, tôi đứng xe đạp ở bên góc cây nhãn gần cửa hiệu thuốc tây. Nắng bắt đầu xế trưa đang trải một khoảng rộng trên vỉa hè. Ngồi ở quấy trông ra, chị Lộc có vẻ chú ý nhìn tôi đi vào. Vắng khách, tôi thấy có một mình chị. Chị mặc chiếc áo sơ mi hồng, ngắn tay. Tôi đứng nhìn, hỏi chị mấy thứ thuốc giảm đau răng. Chị ngoái đầu nhìn lại đằng sau, và không thấy còn thứ thuốc Glifanant. Nhưng rồi, chị lấy cho tôi loại trụ sinh ampiciline với 12 viên uống trong ba ngày.

Khi chị đang thổi tiền, tôi hỏi:

- Ngày xưa, chị học ở Đồng Khánh.

- Đúng rồi, nhưng sao anh biết.

- Hình ảnh như chị ngày trước học ở đó thôi, không nơi đâu khác.

Tôi nói vậy làm chị vui, trên cặp mắt sáng lên nụ cười. Nhìn lại cặp mắt chị, tôi nói:

- Nơi căn nhà này tôi có biết người quen.

- Anh quen ai.

- Ngày trước nhà này có tiệm chụp ảnh, đúng không chị.

- Đúng rồi.

- Vậy chị biết không, vợ K. của tôi trước đây là chủ căn nhà này.

Chị Lộc gật đầu, rồi nói cho tôi biết thêm rằng gia đình này cũng có bà con với bên vợ K. của tôi.

- Lâu nay, anh có liên lạc với ông bà không.

- Không chị, cậu vợ K. sang Mỹ lâu rồi.

- Tôi biết, ở nhà này có nhận được thư. Anh cần địa chỉ để viết thư không?

- Dạ không, cảm ơn chị.

- Thì anh cứ lấy, viết thư biết đâu ông bà gửi về cho ít tiền.

- Dạ thôi, gọi cậu vợ nhưng bà con không gần lắm. Còn chị với vợ K. là sao?

- Không, bà vợ anh quen phía bên chồng tôi, còn tôi là dâu nhà này.

- À, như vậy đó.

- Anh trước đây đi dạy.

- Không chị, tôi ở trong quân đội.

- Như vậy anh có làm chương trình HO để mà đi không?

- Dạ không?

- Sao vậy?

- Không có tiền để lo dịch vụ chị à.

- Nhiều người cũng khó như anh họ đi vay mượn đó. Chị nói, cặp mắt vừa ngược lên trông rất dễ thương.

- Vâng, cũng có thể được. Khi chạm lại những ngón tay như để tỏ một dấu hiệu sốt sắng, chị Lộc nói với tôi:

- Anh phải rán chạy tiền để mà làm hồ sơ đi. Cơ hội hiếm lắm, đừng bỏ uổng.

- Vâng, tôi đáp, và lúc này được nhìn thấy cặp mắt chị rất tươi vui đang nhìn lại tôi, một ít giây cũng khá lâu.

Vào chuyến này, cùng với chị Ngẫu, tôi đi ra Hà Nội. Ngày hôm sau, xong mọi việc giấy tờ qua dịch vụ xuất cảnh, chị Ngẫu đi với một người bạn buôn lên Lạng Sơn, còn tôi ở lại Hà Nội. Hà Nội là một thành phố luôn luôn tượng hình trong trí tưởng của tôi những hình ảnh lãng mạn. Và, tôi còn muốn nghĩ thêm rằng, Hà Nội đã gặp tôi như một người bạn ở đâu khác gì, sau một lần nói chuyện rồi quen



thân, rồi xa vắng, rồi nay bỗng gặp lại một lần nữa. Mùa đông ở Hà Nội khiến tôi liên tưởng đến ráng hồng của ngọn lửa. Nhiều khu phố vào lúc này đang trở nên trống trải, vắng xe cộ, vắng tiếng những bước chân người gây vang âm trên các vỉa hè. Buổi chiều, nền trời đậm màu mây xám chỉ như ra vẻ đe dọa, trời đang rét thấm thía, nhưng không mưa.

Ngày hôm sau, buổi chiều, tôi trở lên nhà ga đón chuyển tàu từ Lạng Sơn về Hà Nội, nhưng không thấy chị Ngẫu, có lẽ chị đợi mua cho đủ một chuyến hàng. Ở ga Hàng Cỏ, tự nhiên tôi cảm thấy mình xa lạ, vì đứng lâu chờ đợi nhìn hành khách xuống tàu, không có một ai quen. Sau đó, tôi bỏ đi, quanh quẩn ở các phố gần nhà ga, ghé vào cửa hàng bán phở, ăn xong, lại lang thang đi bộ dọc theo phố Tràng Thi trở về Bờ Hồ. Phố Tràng Thi rất dài, qua nhiều đoạn ngã tư cắt những con phố khác. Hà Nội đặt mỗi con đường bằng tên phố, vì vậy, nó dễ khiến cho người mới đến đây một lần đầu, nghe từng tên gọi vẫn có được cảm giác thân quen như chính tại một nơi lâu nay rồi mình đã ở. Khi đến phố Phủ Doãn, tôi trông thấy bệnh viện Việt Đức. Nhưng thực sự ra, ở bệnh viện này ngày trước là mang cái tên của phố Phủ Doãn. Tôi về đến phố Bờ Hồ, đêm vừa xuống. Những ánh đèn quanh các dãy phố bắt đầu rực sáng lên, nhưng rồi một chút sau yếu hẳn trong bóng dáng sương mù bao phủ đẹp và mờ ảo trên mặt hồ. Mỗi lúc, trong lạnh buốt, bỗng đứng thấy những ngọn đèn nổi nhau chạy luồn qua những hàng cây, và tôi đứng một mình, nghe thành phố vẫn cố gây nên sự sinh hoạt trong tiếng động, cứ chốc chốc, lại cho nổi lên những tiếng còi xe, bất cứ gọi ai, hoặc gấp vội băng qua đường như để đêm mùa đông đỡ bớt sự buồn chán. Ngủ một đêm ở Hà Nội, tôi nằm mơ thấy được khung cảnh Tháp Rùa trong bóng dáng sương mù.

Và, trên bờ cỏ có người thiếu nữ mặc áo trắng đứng nhìn xuống hồ nước, đến khá lâu, bỗng nhiên tôi nhận ra người đó ngày xưa là cô giáo đã dạy tôi ở một trường tiểu học. Hình như, Hà Nội vẫn còn trong không khí của chiến tranh.

Đến quá trưa, lúc một giờ hơn chuyển tàu từ Lạng Sơn về đến Hà Nội. Quả thực, nhờ nán lại một ngày mà chị Ngẫu mua được thêm nhiều hàng nữa. Ngày trước, gia đình tôi ở Quảng Trị đến mười năm, và nơi chốn cũ đó đến nay vẫn còn bóng dáng của nhà ga, cái tháp nước, và cách đoàn tàu con dốc lên tới chiếc cầu khoảng hai trăm thước, nơi ấy là nhà cũ của tôi. Mỗi khi lên ngồi xe lửa, tôi vẫn hay có cảm tưởng khi nghe tiếng còi tàu hú lên mình sẽ ngoái đầu nhìn trở lại, mặc dù cho, thấy trở lại cái tháp nước thôi, tôi cũng có được cái phần đáng nhớ nhất trong những kỷ niệm thuộc về thời thơ ấu.

Tôi gối đầu trên cánh tay ngủ một giấc ngắn. Khi tàu ngừng ở ga Nam Định, chị Ngẫu đánh thức tôi dậy để ăn quà. Hai chị em ăn hai tô cháo thật nóng và ngon. Khoảng 15 phút sau tàu lại chạy, bỏ dứt hẳn sự ồn ào của đám người bán quà rong ở sân ga, nhưng họ sẽ chưa về, vẫn còn đợi nhiều chuyến tàu khác ra vô nữa. Tôi tháo vòng, cuộn lại một đầu dây, rồi ngồi xuống ghế chăm diều thuốc. Hai chị em bắt đầu nói chuyện. Ngoài vùng này, những năm trước đi buôn nhiều nên chị Ngẫu biết rành rẽ hơn tôi. Ngồi hai ghế đối diện nhau, dưới ánh đèn toa xe, có lúc tưởng chừng tôi đang thấy trên khuôn mặt chị Ngẫu những nét già nua, từng trải, nhưng rồi bỗng vui theo nụ cười nở rộng có hai hàm răng trắng đều, và đôi mắt của chị vừa sáng lên rất là trẻ.

- Trước khi gặp anh Thanh, chị Ngẫu có quen ai không?

- Hẳn nhiên là có.

- Người nào hay, chị kể nghe đi.

- Thôi kể làm gì...

Chị mỉm cười quay mặt nhìn ra ngoài. Trong toa xe, ánh sáng ngọn đèn chùng chùng, chao động như chiếc võng, và như nó một gây thêm một cảm giác yên lặng, buồn ngủ. Ở một nơi rất xa, tôi đang thấy những vì sao cuối trời, trơ trọi. Nhịp độ đoàn tàu bỗng muốn chuyển nhanh, mặc dù chưa cất lên những tiếng còi ngắn, nhưng lúc này đang lao qua một chiếc cầu dài, và khi vừa chột trông thấy một ngôi làng biển, thì đoàn tàu bỏ hẳn con đường quốc lộ đi rẽ theo những con đò nhỏ hướng về phía ngọn núi.

- Qua một ga nữa, chú sẽ thấy thị trấn trên này đẹp lắm.

- Ngoài này, ở đâu cũng nhìn thấy rải rác các ngôi làng.

- Vậy mà, tôi vẫn thích cảnh vật ngoài này hơn trong Nam, chị Ngẫu nói một giọng có vẻ hơi khác thường.

- Thì chị cũng đã có một nửa quê ngoại ngoài này rồi, tôi nói.

- Nhưng mà tôi sinh trưởng ở vùng biển. Giọng nói của chị ảnh hưởng miền Bắc nhiều hơn.

- Nhưng mà rất nhà quê, có một tiếng cười nho nhỏ.

- Giọng tôi nói nghe còn nặng, nhà quê hơn chị nữa.

- Không, giọng chú nói khác.

- Rồi tôi cũng như chị, mỗi người vẫn thích nghe giọng nói thân thuộc của mình. Hình như, người nào sinh trưởng nơi vùng biển thường có được một giọng nói đích thực về quê nhà của mình.

- Năm đó, sao chú lại nói với tôi sẽ không trở về ngoài này với cô Hiền nữa.

- Bởi vì tôi có một cảm tưởng mình không cần thiết nữa, và lúc ấy, Hiền cũng muốn buông tay.

- Cô ấy buông tay sao?

- Thì chị không thấy cô ấy bỏ ra ngoài này.

Chị Ngẫu hơi nghiêm nét mặt, nhìn sang

tôi và hỏi:

- Hình như chú không thương cô Hiền.

Tôi hơi ngập ngừng, đáp lại:

- Không đúng đâu chị.

Một giọng nói xuống thấp hẳn, chị tiếp lời:

- Tôi không muốn nghĩ sai về chú, nhưng cô Hiền đã nói, là chú vẫn còn nghĩ về người bạn gái trước đây.

- Vâng, năm đó biết chị đi Saigon là tôi hiểu.

- Rồi tại sao tôi đã giải thích rõ như vậy mà chú vẫn không chịu ra ngoài này với cô Hiền.

- Tôi nghĩ là chị hiểu được khác nữa.

- Tôi muốn nói rõ với chú như vậy, vì một phần nào tôi cũng đã thuộc về gia đình của cô Hiền.

- Thế còn chị, đâu hẳn chị đã quên được bạn cũ của mình.

- Nhưng tôi vẫn biết được rằng mình đã có gia đình rồi.

- Tôi cảm thấy tôi nhỏ bé hơn chị nhiều.

Chị mỉm cười. - Thật đó chị Ngẫu.

Chị nói:

- Nhưng chú hơn tuổi tôi, và có học hành nhiều nữa.

- Không đâu, chị luôn luôn có trong cặp mắt mình một hình ảnh dịu hiền.

Bỗng nhiên câu nói của tôi vừa mới đến cặp mắt của chị là âm thanh chợt tắt. Hai người quay ra bên ngoài cùng nhìn về hướng ngọn núi, riêng tôi, chợt nảy ra một ý tưởng về những vì sao mình đang trông thấy, nó không còn muốn đi đâu xa hơn nữa. Đằng sau, những cơn gió bất chợt hú lên, nhưng chỉ một chút sau trở nên yên lặng, và lúc này, không xa lắm, rõ ràng đang có vọng âm tiếng sóng biển.

- Rồi vì sao, mẹ chị lại ở ngoài đó một mình.

- Tôi cũng không hiểu. Hình như ba tôi là người thích sống cô độc.

- Có lẽ phía ngọn đồi kia là vùng biển. Ở hướng đó là đi thẳng tới vùng quê của tôi. Ở đâu nghe được tiếng sóng biển đều là vùng quê của chị cả.

Có vẻ tâm đắc, chị Ngẫu cười.

- Tôi biết chú rất lãng mạn, nhưng tại sao chú không viết văn.

- Tôi cũng thích, nhưng viết, kể ra khó lắm.

- Người mà tôi quen hỏi đó, anh ấy có viết văn.

- Viết về chị nhiều không?

- Cũng nhiều, nhưng không có truyện nào hay lắm.

- Chị còn cất giữ truyện nào không?

- Không, nhưng có gia đình rồi mình giữ làm gì.

Vào đúng buổi trưa, tàu đến Huế. Hiền lên ga đón, phụ tôi và chị Ngẫu xuống hàng với ba cái túi xách, hai giỏ cần xé lớn. Trong đêm qua, câu chuyện thân tình kéo dài đến gần sáng, rồi lúc mỗi mệt, tôi nhường lại chiếc võng để chị Ngẫu nằm, còn tôi, ngó mông lung ra ngoài, đốt thuốc lá nhiều lần.

Đầu tháng 12, tôi ra Hà Nội một mình. Chuyến đi bình thường, tuy nhiên tôi cũng không có thì giờ rộng rãi để được ở Hà Nội chơi lâu hơn. Buổi sáng đến phòng xuất cảnh ở phố Thái Phiên nhận hộ chiếu, đến chiều trở lại ga Hàng Cỏ đợi chuyến tàu suốt Thống Nhất khởi hành vào lúc 8 giờ tối. Ngày trở lại Huế, thành phố vẫn còn mưa sau cơn bão rồi. Nước mưa trên nguồn đổ về rừng rã một ngày, cây cối bị ngã đổ chưa dọn dẹp xong. Hiền đang cầm tấm hộ chiếu, mắt cúi xuống, rồi bỗng ngẩng đầu cười lớn tiếng. Cả nhà đang cùng vui về ở gian phía sau. Chị Ngẫu kéo rộng chiếc ghế, nhích qua một bên, nhường tôi chỗ trống. Chị mặc chiếc áo trắng ngắn tay, ở nơi khuôn mặt chị, hơi trông



NGUYỄN QUAN HÀ

THƠ TỪ

*Cổ kim vô ná anh hùng lệ
Phong vũ do văn sắt sá thanh
NGUYỄN DU*

Tổ ta mai lại leo đồi
Áo manh bụng lép lưng trời vác cây.
Dốc trơn nín thở từng giây
Ngàn cân đè một thân gầy tả tơi.

Tháng di, ai biết một đời
Đồn thù còn lại mấy người hôm nay.
Ngẩn ngơ ngó bạn trông thấy
Nét tình anh đã dọa dẩy khác xưa.

Mười năm lòng vẫn còn ngờ
Trước ta thua trận hay giờ chiêm bao.
Hỏi trời, trời tít trên cao
Gọi em, em đáy biển nào ngủ yên?

Kể khuya đêm nhức ưu phiền
Rào tre ngày mĩa mai niêm xót xa.
Cờ xưa đau rãng chiều tà
Hồn hoang gió hú phải là anh em?

Súng buông, từ biết ta hèn
Không dưng phản động nguy quyền
khoác tên
Giữa bầy sói lả, lang diên
Bất ngồi dám đứng bảo nghiêm dám cười?

Biết lắm, sự đã lỡ rồi
Biết thua, đã dưới tay người-dưới-tay.
Trời khùng, đất khoảng, hận đầy
Mưa gào gió thét tường ngày dọc ngang.

VŨ ĐỨC TÔ CHÂU

CÁT-ĐỎ

Gửi Khởi Hành

Bạn có biết trên dòng Hắc Hải
Chảy về đâu mà chờ đợi buổi tàn đông
Trời Đông Âu băng vỡ giữa thình không
Như Tháp cổ xứ Chàm tôi buồn vậy

Hồn lơ lửng tang thương biết mấy
Chăm-Pa ơi! Uất hận ngủ phương này

Chao ôi! Ghê thay Cát-Đỏ
Chảy xiết như dòng Hắc Hải
Đổ từ phương Bắc, Đông Bắc
xuống phương Đông

Ngược vòng Nam Tư di hận
Trở về Cuba ngộ tận
Thác ghềnh Trung Á, Triều Tiên
Chiều nay cát mồi ưu phiền
Ngửa mặt núi đồi Phan Thiết

Mà ai hay giữa lòng Đất Việt
Chế Bồng Nga đã rã gánh trên thuyền
Cát-Đỏ mồi chôn vô biên
Ôi! Thoáng trăm năm
Biết mấy vạn hồn Chàm
Còn sờ soạng hư không cát mòng hão huyền

Đông Tây nghịch biến
Thiên địa chuyển vần
Cát-Đỏ hồn băng khuâng
Vất ngang triển lực địa
Cổ tháp nhạt màu bia
Đàn bò ngái ngủ chôn chân đứng
Thuyền chiến Bồng Nga rã cuối ghềnh

Kìa đơn tháp
Gục đầu buồn cảm lặng
Nghe dưới chân
Cát vỡ chảy xa dần
Tàn phai ảo mộng
Chàm nương rừng lệ chớm khăn hồng

Có phải chăng người muốn qua bờ Danube
Tắm trên dòng Mississippi êm ả dị thường
Hay trở về thăm Trường Giang, Dương Tử
Mà mơ hương vị ngọt sông Hằng.

Saigòn, 1998

PHẠM HỒNG ÂN

TRĂNG

Muốn khuấy hư không
Tìm bóng nguyệt
Vằng trăng rụng mất
Một trời xa.

Ba mươi năm
Đứng
Trong đời huyết
Em bật cười vang
Ký ức ta.

Tiếng cười xé rách
Trang thiên sử
Đội nát lòng nhau
Những áng thơ.

Thương em
Ta uống tàn đêm rượu
Để nhốt trăng vào đáy cốc khô.

LỜI TÁC GIẢ

NGUYỄN TÀ CỤC sưu tầm

ALBERT CAMUS:

XÃ HỘI

RỪNG XANH



Nếu tự nhận là nghệ sĩ, có thể chúng ta không phải xen vào những vấn đề của thế giới. Nhưng nếu tự nhận là con người thì có. Những người phụ nữ bị lợi dụng hay hà hiếp, những nô lệ trong trại khổ, những dân ở các thuộc địa, những lũ người bị hành hạ trên thế giới - họ cần tất cả những người có thể gióng lên tiếng nói bầy tỏ sự dè dặt căm lặng của họ và giữ liên lạc với họ. Tôi đã không viết những bài, những bản tranh đấu suốt từ ngày này qua ngày khác, tôi không tham dự vào cuộc vật lộn chung vì tôi muốn thế giới này được che phủ bởi những bức tượng Hy Lạp và các danh tác - dù rằng con người mong mỏi những điều ấy quá có trong tôi. Trừ cái điều là tôi có việc quan trọng hơn để làm thay vì ngồi đó cố cho những sáng tác của tôi sống động hơn. Từ bài viết đầu tiên đến cuốn sách mới đây nhất, tôi đã viết nhiều, và có thể quá nhiều, chỉ bởi vì tôi không thể nào không bị lôi cuốn vào đời sống hàng ngày, tới những kẻ, bất kỳ là ai, đang chịu nhục nhằn và bị làm cho hèn mọn đi...

Tôi sẽ không chọn cái giây phút mà chúng ta bắt đầu rồi bỏ thuyết hư vô đằng sau để từ bỏ một cách đại dột giá trị của sự sáng tác để coi trọng hơn giá trị nhân bản hay ngược lại. Trong trí tôi, mỗi thứ này không thể tách rời ra và tôi đánh giá sự đại tài của một nghệ sĩ (Moliere, Tolstoi, Melville) bằng sự quân bằng mà họ giữ được giữa hai điều này.

...Một trong những điều căm dỗ của người nghệ sĩ là tin rằng anh ta cô độc và nghe thấy lời khen hét vọng gây cho anh ta một sự sung sướng ty tiêu. Nhưng sự thực không phải thế. Anh ta đứng giữa đám đông, ngang hàng với họ, chẳng cao hơn mà cũng chẳng thấp hơn, cùng với những người đang làm việc và vật lộn. Nghề nghiệp của anh ta, giữa sự đàn áp, là mở cửa nhà tù và gióng lên tiếng nói của sự đau đớn cũng như hạnh phúc. Đây là lúc nghệ thuật, chống lại kẻ thù của nó, biện giải cho chính nó bằng cách chứng minh một cách chính xác rằng nghệ thuật không phải là kẻ thù của ai cả. Tự nó, nghệ thuật có thể không tạo ra được sự tái sinh ẩn tàng chính nghĩa và tự do. Nhưng nếu không có nghệ thuật, sự tái sinh đó sẽ không có dáng hình gì hết và hậu quả là cũng chẳng có gì hết. Không có văn hóa và sự tự do căn bản mà nó hàm chứa, xã hội, dù cho toàn hảo, chỉ là một thứ rừng xanh. Đó là lý do tại sao bất cứ một sáng tạo chân thực nào sẽ là một món quà tặng cho tương lai.

Albert Camus, 1953

ngiên một chút là rất giống hình ảnh mẹ tôi.

Nhà vừa mới ăn xong nên chỉ còn mình tôi. Cơm nếp và muối đậu phụng. Ngoài bầu trời thấy trông chán gió, nước mưa đang còn chảy dọc theo mái xối. Nhìn xem xong từng cái rồi trao qua chị Ngẫu. Tôi trong ảnh, nét già hơn ở ngoài, chị nói. Trong khi mọi người trò chuyện và tưởng tượng về nước Mỹ, bất chợt tôi nghĩ đến Saigon là một thành phố nơi tôi đã sống qua gần trọn vẹn một thời tuổi trẻ.

Buổi chiều, tôi đạp xe lên phố ghé quán báo gặp người bạn, sau đó một giờ, tôi đến cửa hiệu thuốc nhà chị Lộc. Vài khách quen đang đứng nói chuyện với mấy người trong gia đình.

- Anh đã làm xong giấy tờ chưa.
- Xong rồi chị. Tôi mới ở Hà Nội về trưa nay.

- Ủa, anh ra làm trực tiếp ngoài đó.
- Vâng, công việc nó đi nhanh hơn.
- Vậy chừng nào anh mới có hộ chiếu.
- Có rồi chị, tôi cười, và thấy nơi cặp mắt của chị chợt sáng lên, áp đầy niềm vui.
- À, hay vậy đó.
- Ra Hà Nội, tôi cũng có được một ngày đi chơi.

Chị gật đầu, rồi nói với tôi:
- Khoảng chừng sáu tháng nữa là anh qua Mỹ.

- Có dễ mà vui, thực tình tôi cũng chưa nòn nóng trông đợi.

Hai người khách bên kia, một người nhìn sang tôi. Bây giờ, tôi vẫn nghe được loáng thoáng câu chuyện của họ nói, và hoàn toàn giống như chuyện của tôi. Chị Lộc ngược cặp mắt lên, chị nhìn lại tôi bỗng nhiên mỉm cười, chị nói:

- Anh đi tự nhiên cảm thấy buồn.
- Vậy mà lần trước chị hỏi thức tôi hãy cho mau lên.
- Bởi tôi thấy anh còn do dự.
- Nhưng tốn kém nhiều không.
- Ít thôi, nhưng sẽ phải trả nợ lại nhiều.

Còn nét cười ở cặp mắt, nhưng tôi đã trông thấy chị Lộc có vẻ do dự. Ở bên kia, lúc này tôi nghe rõ hơn tiếng chị Huyền nói chuyện với khách. Giọng người đàn ông trầm thốt nhỏ luôn luôn chậm rãi, thư thả, còn ông bạn cao lớn, tiếng cười nói sôi nổi hơn. Chị Huyền mặc chiếc áo chấm bông hoa cải lần này trông lạ, thấy trẻ ra. Nhưng vẫn không lúc nào tôi thấy chị thả tóc xuống vai như chị Lộc mà luôn luôn mái tóc cuộn tròn như búp len, trên đó, gần cái kẹp tóc con bướm màu trắng rất dễ thương.

Sau buổi sáng ấy, một ngày mưa rồi xa Huế, đến nay thời gian định cư của gia đình tôi trên đất nước Mỹ cũng đã được hơn một năm rồi. Ngày đầu tiên, từ giây phút cùng với hành lý ra khỏi phi cơ đến lúc ngồi trong phòng đợi, thì ra có một nguyên ước đã thành, và tôi sẽ không còn một sự chờ đợi nào khác để đi xa hơn nữa. Nhưng dù đang là hạnh phúc như vậy, sự xáo trộn của lòng tôi vẫn còn đang nghe đồn dập như tiếng sóng biển. Khoảng đến hơn một giờ sau, từ khu vực khám xét và nhận lại hành lý cánh cửa mở rộng ra, rồi từng người một sắp hàng nối đuôi nhau, và với giây phút này cũng không có một ai ngờ được rằng những người như chúng tôi đây lại được đón tiếp bằng một cuộc hội ngộ to tát bởi do ý nghĩa của một cuộc chiến tranh còn sống sót sau giờ thứ hai mươi lăm. Những kỷ niệm như thế đó không hẳn làm tôi nghĩ mình đã được lớn lên cùng với lịch sử, nhưng thực sự rất cảm động, khó quên.

Quận hạt Orange là nơi có số đông hơn một trăm ngàn người Việt định cư. Khoảng đến mười bốn, mười lăm thành phố thuộc quận

hạt, và nơi hiện giờ tôi đang ở là Santa Ana, một thành phố cổ. Với cuộc sống hiện tại, gia đình tôi vẫn còn hưởng trợ cấp chương trình AFDC, nhưng vợ chồng và đứa con gái tôi đã đi làm. Vợ tôi làm việc mỗi ngày nửa buổi tại cửa hiệu may mặc do người Việt làm chủ. Đứa con gái tôi được hội bảo trợ của cộng đồng giới thiệu đã có được một chỗ làm assembler trên thành phố Irvine. Phần tôi, thì hẳn còn khó khăn vì tuổi tác và trình độ. Buổi sáng, sau giờ đưa cháu nhỏ qua trường tiểu học, tôi ra trạm xe buýt để đi học chương trình Gain. Ở các trường thuộc Sở Xã Hội tại đây, có đầy đủ phương tiện dạy học, huấn nghệ, số học viên lúc nào cũng đông và được chia theo cấp cũng như trình độ. Sau buổi thi trắc nghiệm với một cô giáo người Mỹ, tôi trả lời vồn vồn chỉ được hai câu, nên nhà trường sắp tôi vào lớp học vỡ lòng. Học chương trình Gain, mục đích của nhà trường là tạo cho học viên có chút ít vốn liếng tiếng Anh để xin đi làm việc tại các hãng xưởng, công ty của người Mỹ.

Đời sống tại xứ này, tương đối điều kiện vật chất cũng dễ chịu, không đến nỗi người di dân chịu cảnh thiếu ăn, thiếu mặc. Trong ít tháng đầu tiên trên đất Mỹ, những lá thư đầu tiên viết gửi về Việt Nam cho anh em, bà con, bè bạn, mọi sinh hoạt của cộng đồng người Việt ở đây như thế nào, tôi đều ghi tả lại hết, đến cả từng chi tiết về chợ búa, cửa hiệu ăn, rạp hát, nhà sách, và những hàng về kỹ thuật điện tử.

Rồi thời gian qua khá mau, vừa mãn khóa học ba tháng tôi xin được một chân làm công nhân tại hãng xưởng Norell. Hãng này chuyên sản xuất các mặt hàng bằng nhựa, như trang thiết bị các loại vỏ máy computer, radio, TV, và những dạng đồ chơi khác nhau. Ngày đầu tiên đi làm việc, lòng tôi vui lắm. Không xuất phát ngay ý nghĩ đồng lương cuối tuần sẽ được lãnh bằng tấm check có ghi các phần thuế, tiền an sinh xã hội, bảo hiểm, hưu trí, mà trước hết đập vào mắt là những ừng ực mây nổi rờn rờn của các phần xưởng đang hoạt động, những công nhân rất chăm chỉ làm việc đứng giờ giấc, và hãnh diện nhất là tôi cũng có một tấm tên bằng hiệu của hãng đeo trên nắp túi áo để mọi người cũng biết rằng tôi cũng đang khoác áo một người công nhân.

Ngày làm việc, mức định là 8 tiếng. Buổi sáng dậy sớm, tôi đi làm bằng xe buýt. Buổi chiều tan ca, gặp được ai quen xin quá giang về cùng thành phố, nếu không trở ra trạm ngừng, đợi cứ mỗi nửa giờ là có một chuyến. Tôi cố gắng làm việc, công việc ở đây nhìn bề ngoài không khó khăn nhưng đòi hỏi khéo tay, nhanh nhẹn, có vậy năng suất mới nâng cao. Số công nhân đông gần đến cả ngàn, và tùy theo các đàn máy của mỗi phần xưởng hoạt động, số công nhân làm mỗi ca sẽ tăng hoặc giảm. Nơi đây tôi đang làm việc, hoạt động của những đàn máy không bao giờ thấy ngừng nghỉ. Và mỗi lần lên phiên đổi ca, lúc nào cũng thấy không rộn ràng, giao động, nối tiếp nhau để cho công việc của con người song hành với bộ máy.

Nhưng buồn thay chỉ làm được có hai tháng, nào với sự hưng phấn và nỗ lực, dùng một cái, buổi chiều hôm nay tôi và có thêm 4 người Việt khác nữa được văn phòng gọi lên đưa giấy báo tạm cho thôi việc. Khi 3 người kia đi khỏi, tôi còn nấn ná ở lại, ráng nghĩ trước một số câu hỏi bằng tiếng Anh, rồi bước đến trước mặt cô Laura, hỏi lý do, và tôi được cô trả lời, khả năng Anh ngữ của tôi còn kém, ít hiểu rõ chỉ thị, và năng suất mỗi giờ quá thấp so với chỉ tiêu.

Trở về, chuyến xe buýt đi qua những trạm ngừng, buổi chiều chưa hết, nhưng lòng tôi đang yên lặng, buồn bã. Tôi chợt nghĩ đến cặp mắt của vợ tôi khi hay tin tôi bị mất việc. Ngồi trong ghế xe nhìn qua cửa kính ra bên ngoài, buổi chiều đường phố vẫn tấp nập, rộn ràng,

nhưng lòng tôi lại cứ bồn chồn, và khi bất chợt thấy lá rụng xuống vỉa hè, chiếc xe đang chạy một vòng khúc quanh qua những phố vắng, bỗng nhiên gợi thêm nỗi buồn hơn mà trong lòng tôi như đã quen thuộc với thứ tình cảm cổ điển, hể cảnh vật đang buồn, lòng mình cũng buồn. Buổi chiều, trong ý tưởng đó trở nên như một bản nhạc xa xôi làm tôi nhớ được hơn lúc nào hết những kỷ niệm cũ ở quê nhà.

Không thấy hiện lên sinh động thời tuổi trẻ của tôi ở Sài Gòn, tôi bỗng tự hỏi thành phố đó đã gây mất một cánh tay rồi sao. Tôi bắt đầu nhớ đến Huế, những ngày đầu tiên trở ra ngoài đó thấy nỗi mừng vui của vợ con, nhớ căn nhà ngói đỏ nằm ngang lưng dốc, còn bóng dáng của tôi là hình ảnh của một sự muộn màng trên gương mặt thời gian. Huế, nơi thành phố ấy có nhiều nhánh con sông và nhiều chiếc cầu nhỏ. Sông ở Huế, hầu như luôn luôn ở trạng thái bình yên, tuy vậy, không hẳn phải là bề ngoài của nó đâu. Hình như nơi thành phố đó, mái nhà và con sông có đời sống tách biệt nhau. Sông ở Huế, nhánh sông dài hay là ngắn, đều có một mầm nổi loạn là không muốn tìm con đường hướng ra biển, mà lúc nào cũng chìm lặn bằng cách khác để theo nhau trở lại đầu nguồn. Ngay cả có những khúc sông tươi vui với hồn tuổi trẻ, mà lạ sao, ở Huế, sau khi đã qua một thời thiếu nữ, những con sông trở về tìm những bến đậu, thường trông thấy bạc tóc, già nua hắt, đến cả nụ cười cũng tắt. Đã nhắc tôi nhớ đến Liên, cô ấy là em họ của tôi. Sau cái chết của Hân, gia đình chú tôi dọn đi một nơi khác, hẳn nhiên là về dưới phố cho đỡ buồn vắng. Nơi căn nhà cũ chú tôi ở, đến về sau này mới cho tôi một cảm nghĩ để nhận ra rằng, nhà cửa ở Huế, hai mùa xuân và hạ, đời sống đuổi theo nhau có vẻ vội vàng nên không mấy có được hạnh phúc, và đến khi, mùa thu hoặc mùa đông trở về, thì mỗi căn nhà hầu như là thuộc quá khứ và cứ mãi trông đợi, để dành cho những người đã chết trở về cư ngụ.

Khi xe đã về tới thành phố, đang chạy lên dốc cầu, tôi đứng dậy. Ở phía trước đang hiện ra một khu công viên, ánh đèn đường phố bắt đầu chiếu sáng. Xe ghé trạm ngừng ít phút sau đó, rồi từ ngõ ba công viên tôi đi bộ về nhà. Túm xách đeo vai, mỗi lúc tôi cố gắng cưỡng chống lại sự buồn phiền, và lúc này, mặc dù trời bắt đầu tối rồi nhưng trong trí tưởng tôi đang có một thành phố lên đèn. Tôi mong rằng, chốc lát nữa mình sẽ nhận được một lá thư. Ít lâu nay, ở Saigon các em tôi bận công chuyện làm ăn không viết thư được. Nhưng mà tâm trạng của tôi trong lúc này, có lẽ Huế sẽ làm tôi vui được một chút ánh lửa nếu nhận được một vài lá thư của ai từ nơi đó viết gởi cho mình. Tôi đang nghĩ đến chị Ngẫu, vẫn còn nhớ đến chiếc áo trắng ngắn tay chị thường mặc, không riêng mùa nắng thôi, đến cả mùa mưa vẫn thấy như vậy nữa. Áo trắng của chị, không có một chút chi là của thời con gái cả, nhưng là hình ảnh của một căn phòng trong bệnh viện, mỗi khi có ai cần đến điều gì nó sẽ gọi tên và bảo chị ấy hãy giúp đỡ. Vậy thì, buổi tối hôm đó, tôi vẫn còn gặp lại chị Lộc. Vừa lúc ngừng xe, cả chị và tôi đều bối rối, ngạc nhiên, xúc động cũng không dấu được.

Chị hỏi:

- Ngày mai anh đi Saigon phải không ? -
- Vâng, ngày mai tôi đi.

Chị mở lớn cặp mắt nhìn tôi. Rồi mỉm cười, chị nói:

- Đi vui, đâu có buồn phải không ?
- Qua bên đó rồi tôi viết thư về thăm chị.
- Cám ơn anh nhiều, chị nói rồi quay mặt chỗ khác.
- Chị đi đâu trên lối này.



Chị quay mặt trở lại rồi đáp:

- Tôi về bên nhà mẹ tôi. Chị và tôi hơi ngập ngừng, định chia tay, nhưng rồi lại cùng đi.

Chúng tôi đạp xe thông thả, trên lối đi nhiều hàng cây rẽ theo ánh trăng băng qua mỗi nhánh con đường nhỏ. Tôi tự nhiên cảm thấy thích được nghe nhiều tiếng nói của chị. Và lúc này, chị nói với tôi về một người mẹ thân thiết, một người cha đón nhận lấy sự nghiệt ngã của cái chết trong cơn bệnh hiểm nghèo, và người anh, là một phi công đã bị mất tích trong thời kỳ chiến tranh.

Qua khỏi dốc cầu Bến Ngự, tôi theo chị rẽ xuống lối trái. Chị lại kể cho tôi nghe về thời con gái của chị, và một vài tên những người bạn học cũ được nhắc đến. Nhưng có một câu nói làm tôi cảm động, là trong đời, chị không hề có một người bạn thân. Dưới ánh trăng, mái tóc của chị đang buông xuống hai vai áo trắng. Những người bạn của chị mà tôi vừa nghe nhắc tên như thế không còn có một chút thơ mộng, quyến rũ để đem chị trở về lại tuổi học trò. Trong tâm hồn, hình bóng của chị như vốc dáng của một chiếc cầu trên con đường đời hẳn còn xa để gặp một dĩ vãng khác. Khi về đến nhà chị, hai cậu em trai đang ngồi học đứng dậy chào tôi. Tôi để bàn tay lên xoa đầu đứa nhỏ, và tự nhiên tôi có một cảm giác rất ấm cúng trong gia đình với mùi của nhang thơm lẫn trái cây.

Chị Lộc cắt cam xong, mời mẹ và tôi cùng ăn. Bà mẹ hỏi tôi:

- Anh cũng ở gần đây.
- Dạ không, cháu ở trên Long Thọ.
- Chỗ anh có gần nhà mấy với không ?
- Dạ gần, nhà cháu bên dãy cầu.

Rồi yên lặng, bà mẹ nghe chị Lộc nói chuyện. Sự hứng thú mỗi lúc hiện ra trên cặp mắt bà, và đến chỗ nào chị Lộc ngừng kể, bà nhìn sang tôi, mỉm cười. Bên này hai cánh cửa sổ mở rộng, nhờ ánh trăng sáng tôi nhìn ra ngoài trông thấy được một dãy phố nhỏ bên kia sông. Một vài nhà dưới mái hiên vẫn còn sáng đèn dầu, nhang thấp bên cạnh mâm cúng hoa quả.

Khi chị Lộc ra về, tôi cũng về theo. Sương đêm bắt đầu xuống nhiều, bóng dáng hai người đi xe đạp hướng trở lên phía nhà ga. Qua khỏi cây cầu để trở về lại phố, bất chợt tôi gọi tên. Trông thấy đôi mắt hoàn toàn trẻ lại của một cô gái, tôi nói cô hãy dừng lại. Hai người đổ xe bên lối vỉa hè cạnh một ngã ba.

- Rồi có lẽ, tôi không còn trở lại nữa đâu.
- Sao vậy, anh qua bên đó vài năm có dịp về thăm nhà.
- Không chắc vậy chị à.

- Cũng tùy hoàn cảnh thôi.

Cô gái im lặng và nhìn tôi đang bật que diêm châm thuốc hút.

- Tôi nên gọi chị thế nào.

- Tôi là bạn của anh, chị nói.

- Ở xa, nhớ đến chị tôi gọi bằng một tên khác được không ?

- Tùy anh, chị nói.

- Sao chị không nói tên lúc còn con gái của chị.

- Tôi tên Hà, chị cười.

Tôi đang ở trên con đường trở về, bỗng đứng một tình bạn gái từ xa xôi đã làm tôi nhớ đến một thành phố, nơi thành phố ấy mọi thứ đều mang tên gọi của màu xanh, nhưng riêng với áo trắng, đó là tất cả một màu kỷ niệm của tâm hồn. Và, người còn ở đó, nay tôi nên gởi nhắc về tên gọi một người chị đã có chồng, hay em là một cô gái. Hãy gọi bằng em đi, phải thế không ? Ngày đầu tiên gặp tôi, có một dấu hiệu trong cặp mắt cười dịu dàng như hoa trắng đã khiến tôi nghĩ rằng Hà thấy được ở tôi là một con người như của duyên kiếp trước. Nói về phút giây bất chợt của ái tình thì không phải, bởi tôi thấy, cái cung cách sôi sảng của Hà dành cho tôi là hình ảnh của một người chị nay đã vắng mặt. Hôm đó, mùng sáu Tết, đi chờ một chuyến hàng sách ngang qua đó, vừa chợt trông thấy tôi Hà gọi giật lại, vội vàng bỏ cửa hàng chạy ra, bảo tôi đợi một chút. Tôi ngừng xe, lát sau, Hà xách ra cái túi mít kẹo và cặp bánh chưng đã cắt để dành cho tôi. Trước đó, một lần ghé mua thuốc không đủ tiền xin thiếu nợ, ít ngày sau ghé trả, nhưng Hà nói không lấy nữa, và cũng chẳng hề nói thêm một câu dứt khoát là thôi tặng bạn hẳn luôn. Chồng của Hà tên Lộc, vậy thì bóng dáng của người đó như thế nào trong tâm tưởng của một kẻ khác. Và ở kẻ khác, còn ai nữa không muốn khơi dậy mỗi tình của nàng. Khi có bóng dáng đã cho tôi hình ảnh một ngôi nhà của bệnh viện, tôi luôn luôn nghĩ đến con người đó là sự tận tụy và lòng chung thủy. Khi một bóng dáng có một cặp mắt luôn luôn giữ trọn vẹn những dấu sắc của nét cười, đối với tôi, hình ảnh ấy là một khung trời của màu hồng tươi và đang có mây bay về trắng xóa giữa một khu vườn.

Hoàn toàn, tôi đang được an ủi, bởi một thành phố có nhiều hình ảnh của vợ con tôi, và thành phố đó, mỗi khi gọi nhắc đến tên là nhớ được những người bạn, người tình. Và, có những hạt mưa nhỏ đang rơi xuống, một phút giây chót của thời gian bỗng đứng nghe tiếng nhạc của dòng sông xanh trời dậy, rồi tôi mơ thấy bóng dáng Hà đang cùng bước đi tôi với đôi mắt đẹp nhất của thời con gái. ■ 10/6/97

Chất thơ là cái có sẵn, thì sẽ sẽ làm nó hiển hiện ra trong dáng vẻ đã phơi bày, hay khai quật lên khi chất thơ vốn ẩn dấu. Thì hóa là làm thành thơ từ cái không có sẵn chất thơ.

Trước hết, ta đề cập đến chất thơ lộ lộ phơi bày. Theo khuynh hướng thời đại mới, người ta sáng tạo thêm nhiều chất thơ, có chất thơ thô bạo, có chất thơ trần trụi đời sống không cần mơ mộng, có chất thơ dục tính không cần lãng mạn tình yêu. Và theo khuynh hướng chính trị, có chất thơ chiến đấu, có chất thơ xã hội tính, có chất thơ lao động sản xuất... Nhưng chất thơ trong nghĩa cổ điển của nó gắn liền với mỹ cảm hay tình cảm. Thơ T.T.Kh. có chất thơ thiên về tình cảm. Thơ Huy Cận tiền chiến có chất thơ thiên về mỹ cảm. Thơ Hàn Mặc Tử có chất thơ mỹ cảm phối hợp với thần cảm. Những phân biệt "thiên về" trên đây xét theo khía cạnh chênh lệch độ nghiêng nặng nhẹ mà thôi, vì thực ra trong thơ các thi sĩ nổi danh đều có ít nhiều mỹ cảm, tình cảm, thần cảm, thiên cảm... Nhưng chất thơ sẵn tính lộ lộ phơi bày thì đã có quá nhiều nhà thơ Đông Tây Kim Cổ nói đến rồi. Muốn nói đến nữa, ta phải viết làm sao khác hẳn họ, phải độc đáo chưa ai từng nghĩ ra. Ví dụ "lá vàng rụng", chất thơ phơi bày đó đã gợi hứng cho biết bao nhiều thi sĩ rồi. Thì tính vô địch có lẽ dành cho một bài thơ Đường với tứ thơ khi nghe thấy một chiếc lá vàng rơi thì mọi người đều biết là mùa thu đã đến:

*Ngô đồng nhất điệp lục
Thiên hạ cộng tri thu.*

Thi sĩ tài ba như Tản Đà mà đôi khi cũng dầm vào lối mòn rất cũ trong thơ Cổ Nhân: "lá vàng lá hồng" trong thơ của ông chỉ bay từ tường Bắc lá bay sang, với tứ thơ xưa về sự hờ hững, sự tàn tạ. Cho nên ta cần cố gắng độc đáo khi hứng cảm với chất thơ phơi bày trong trời đất. Và đây cũng là một chất thơ lộ lộ: "Chuyến tàu xe lửa" trong thơ Tế Hanh với khối tàu nghen ngào, với hồi còi nước nổ, một tứ thơ vô địch về nỗi chia ly:

*Bánh nghiêng lặn lặn quá nặng nề
Khói phi như nghen nổi đau tê
Lầu lầu còi rúc lên rền rĩ
Lòng của người đi rẻo kẻ về.*

Hình ảnh ấy độc đáo, riêng của Tế Hanh, không như "Tàu đêm năm cũ" của nhạc sĩ Trúc Phương, một chuyến tàu chung chung vẫn cứ khởi hành như đã chạy từ xưa cho đến nay. Bản nhạc hay nhờ âm điệu buồn của thời chinh chiến.

Nếu kể ra thì còn không biết bao nhiêu là chất thơ vốn đã phơi bày, một kho vô tận cho người trần thế. Vì vậy ta nên sớm đề cập đến chất thơ vốn còn ẩn dấu, cần có người khám phá thì mới thấy. Nó ở mặt chìm như quặng mỏ nằm sâu dưới lòng đất. Chìm, vẫn là của quý, không cần thi hóa. Khai quật lên, trục nó ra ở dưới lớp sần sùi. Có ai ngờ một biển nước ngọt mênh mông dưới đáy sâu của sa mạc Sahara. Tươi mát dưới cái nóng bức đường nhiên là chất thơ, hoang vắng dưới tầng náo nhiệt lại còn thơ hơn nữa, chẳng hạn như phố xá Sài Gòn mà nhà văn Mai Thảo khám phá chẳng bao lâu khi mới đến vào năm 1954: "Tiếng xe lẫn ban ngày động cơ át mất, ban đêm nổi lên lọc cọc, mồn một trên mặt nhựa là tiếng đêm thân thuộc nhất của tất cả những người Sài Gòn. Con ngựa già yếu, ngọn đèn lắt lư, khung xe công kênh, thành phố trắng lè xa hoa khởi đầu bằng một hình ảnh dân tộc thuần túy".

Ta không biết dĩ ý trùng hợp hay do một liên tưởng sau đó mà trong tập thơ "HÓA THÂN" (xuất bản năm 1964) của Viên Linh cũng thấy lại văng vẳng rác hình bóng xe thổ mộ với những con đường "MÁLỘ" (truyện dài, 1969) từ ngoại



TRẦN VĂN NAM CHẤT THƠ VÀ THI HÓA



ô thành phố Sài Gòn. Không riêng gì Mai Thảo mà các nhà văn thơ gốc Bắc di cư 1954, cũng đều thấy cái đẹp ánh lên của thành phố Sài Gòn ban đêm, tương phản với ban ngày nóng bức:

*Buổi chiều vào chập khoang xe.
Đèn thấp lên.
Tiếng máy nổ bỗng thành tiếng cười dài.
Mưa xuống bên ngoài cửa sổ
Những bàn tay náu lấy vòm sắt lạnh
Mỗi ngày chúng ta đứng bên nhau
không quen nhau
(Một Chỗ Trên Ô Tô Buýt - Thanh Tâm Tuyền)*

*Cho ta đi giữa phố rộng cây cao, những
vườn hoa đóng cửa, nhìn những lá cành run
rẩy mà nghe hồn thảo mộc thấm vào xương.
Sao chỉ về đây nằm gối đầu lên gối sông lớn
giang tay dài đại lộ mà nghe Kinh thành thổi
hơi buồn Trompette ban đêm. (Thơ Nguyễn Sa)*

*Khi buổi chiều rụng xuống,
lũ cột đèn đứng lên
Con phố này nổi đau buồn bất sáng
(Thơ Trần Dạ Từ)*

*Cây rù bóng tối di do
Buồn thanh niên đứng co ro phố dài
(Thơ Viên Linh)*

*Thành phố đêm mang nét sầu hoang phế
Thùng rác, cột đèn, chó đói và anh.
(Thơ Thái Thủy)*

*Từ giờ hoàng hôn trong mắt em
Ta đi tìm những phố không đèn
(Thơ Đinh Hùng)*

Những nhà văn thơ gốc Bắc đã trú ngụ ở Sài Gòn trước năm 1954 như Nguyễn Bính, Thanh Nam, không thấy làm nổi bật vẻ đẹp hoang phế hay thuần túy dân tộc của Sài Gòn ban đêm tương phản với ban ngày, chỉ thấy nói đến bối cảnh ăn chơi ở các vũ trường, cờ bạc ở các sòng bài Kim Chung, Đại Thế Giới, hay chỉ cay đắng với cảnh với tình đời nơi sâu xứ:

*"Hai ta lưu lạc phương Nam này.
Đã mấy mùa qua ến nhận bay..."*

Các nhà văn nhà thơ miền Nam thì chỉ thấy cái đẹp ở những nơi thật xa Sài Gòn, tận vùng Rach Giá (như nhà thơ Kiên Giang), hoặc chỉ gợi nhớ cái đẹp lịch sử tính thời khai hoang ở miền Tây Nam bộ (như với nhà văn Sơn Nam) hay ở miền Đông Nam phần (như với nhà văn Bình Nguyên Lộc), hay chỉ cực tả cái đẹp tình tế huu quanh nơi quê nhà Bình Định như trong các tập truyện của nhà văn Võ Phiến (Thác Đổ Sau Nhà - Đêm Xuân Trăng Sáng). Có lấy bối cảnh Sài Gòn như bà Tùng Long, Dương Hà, Ngọc Linh, thì cũng để lồng vào đó chủ đích là chuyện tình ngang trái, với xã hội tính của những tranh chấp cũ mòn. Bài này chỉ cốt yếu nói về thi tính.

Khi ra ngoài hải ngoại, không kể các thành phố xứ lạnh có chất thơ phơi bày (Lá rụng, tuyết bay, co ro áo ấm đi ngoài phố...). Như đã nói ở phần đầu: hứng cảm về chất thơ phơi bày phải rất độc đáo hầu tránh đường mòn khuôn sáo. Ta cốt yếu kể đến những thành phố kỳ nghệ, điển hình như Los Angeles, thì không còn chất thơ phơi bày hay chất thơ ẩn dấu. Bây giờ vai trò thi hóa mới là cần thiết, nghĩa là làm thành thơ từ cái không có sẵn chất thơ, nghĩa là thăng hoa thực tế. Ban ngày hay ban đêm đều nhộn nhịp sáng trưng. Có con sông đi ngang thì gần như quanh năm cạn nước, mà khi mưa bão nước mới ào ào kéo nhanh ra biển, không có dịp thả chiếc cần câu nhàn tản. Cũng có những người vô gia cư dưới cột đèn mà dường như không là những nhân vật đã sử của dân tộc (có lẽ là nhân vật đã sử của những dân tộc khác). Có trời mưa âm điệu mái bằng phủ xuống cao ốc nhiều tầng, rằng thống tím lúc hoàng hôn vẫn giăng hàng ở sát bên nhà mà ta lãng quên, những cột đèn xiên lệch trụ đứng hoang vu ở những con đường chưa chỉnh trang: có chất thơ ẩn dấu đó, nhưng mà ít ỏi quá.

Vì vậy đôi khi ta phải thi hóa, đem tâm hồn Đông phương của mình phủ trùm lên kỳ nghệ tính, đem thi tính sáng tạo phủ trùm lên văn minh quy hoạch phẳng phiu. Nếu trong âm nhạc có bản tình ca biệt ly "One way ticket", cảm hứng từ về máy bay chỉ có chuyến đi mà không có chuyến trở lại như "one round ticket" thì tại sao ta không thi hóa bằng chuyện tình, dù là tình vu vơ với bối cảnh lưu thông đường phố "Turn left only" (Chỉ rẽ trái mà thôi). Nếu ở Sài Gòn có những đoạn "xa lộ không đèn" với chất thơ ẩn dấu thì tại sao ta không thi hóa "Xa lộ sáu hàng" không có cả chất thơ ẩn dấu lẫn chất thơ phơi bày.

Nhưng có một điều ta cần cảnh tỉnh, thi hóa những cái không có sẵn chất thơ như vậy rất dễ rơi vào hài tính. Chủ đích là nghệ thuật, không phải để viết ra những cái lạ lùng. ■

TÀU TỐC HÀNH XUYÊN VIỆT

VIÊN LINH

viết nhân đọc bài To Hanoi by Train, a Journey Of 1,000 Miles
Aboard the Unification Express của DAVID MARGOLICK
The NYT Magazine, 11-97. Hình ảnh của Mitch Epstein

I.

*Tôi thấy tôi thương những chuyến tàu
Ngàn đời không đủ sức đi mau
Có chi vương vấn trong hơi máy
Trong những toa đầy nặng khổ đau...*
(Tế Hanh)

Lớn lên bên một nhà ga, chạy nhảy trên những nóc goòng, nghe tiếng xình xịch mệt mỏi của đầu máy và trong đêm nhìn những đốm than còn đỏ bay theo tàu, chân trời xa trong tôi là một vùng mơ mộng huyền ảo, nơi chốn của những giang hồ phiêu bạt. Gần quá, ngay dưới chân, là Quốc Lộ Một. Vọng lên vùng ánh sáng phía bắc, mờ mờ, đó là Hà Nội, chỉ cách nhà ga tôi đang đứng 48 cây số. Ngóng về phương Nam, cuối con đường sắt kia, là Sài Gòn, Hòn Ngọc Viễn Đông. Gần quá, chỉ nhảy lên cái toa kia - cái toa cuối cùng tôi thường nhảy lên ngồi, dong đưa hai chân trên những tấm tà vẹt đang lùi lại phía sau, - đi miết hai ngày, là ta đã ở Sài Gòn. Con tàu đối với tôi là bạn. Đường sắt đối với tôi là mai sau. Một ngày nào đó, tôi sẽ ngồi trên con tàu đó, đi suốt vào Nam.

Ngày đó đến, cuối tháng 12 năm 1954, tôi đã vào Nam, trên một chiếc phi cơ vận tải.

II.

Chúng tôi rời nhà ga Phạm Ngũ Lão vào một buổi sáng sớm, tàu thông thả chạy ngang khu Nguyễn Thông, và lần đầu tiên tôi được thấy Sài Gòn lùi lại phía sau. Cảm động thay là nhìn một thành phố lùi lại phía sau tàu, tai nghe tiếng máy hơi nước trầm đục, còi kéo rống rả, và nhìn những bàn tay đưa vẫy tiễn biệt, lại không phải tiễn biệt mình. Đó là Sài Gòn 1957. Chuyến tàu đưa tôi đi dự Hội Chợ Kinh tế Bình Định. Anh Lê Tâm Việt, giám đốc nhật báo Ngôn Luận, bạn với tôi là hai anh em đi một chuyến tàu "Xuyên Việt" chơi xem Đất Nước ra sao. Chữ Xuyên Việt dùng theo thói quen. Lúc đó nó chỉ có nghĩa là một nửa phần đường, phía Bắc chỉ còn tới sông Bến Hải. Công việc của chúng tôi thật giản dị: Anh lo công việc quảng bá tờ báo ra Miền Trung, tôi tường thuật Hội chợ.

Không còn gì sung sướng hơn đối với tôi, xưa không đi hết Đất Nước được từ Bắc vào Nam, trong một chuyến tàu, thì nay tôi cũng đi được một nửa Đất Nước, từ Nam ra Trung. Cũng không đến nỗi. Chưa đến 20 tuổi, cũng được lắm.

Những chuyến tàu không được kể là một nửa Đất Nước nữa. Hình như Tuy Hòa là trạm cuối cùng. Tôi không còn nhớ đích xác, song đoạn đường chót tới Bình Định, chúng tôi phải qua một cái phà, và đi xe đò. Phía trước, hai thanh đường sắt đã không còn. Ba năm sau Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam mới được thành lập, song sự phá hoại vốn đã xảy ra

không ngừng, ngay sau ngày 20 tháng 7, 1954. Từ đó, từ lâu lắm trước đó, một chuyến đi Xuyên Việt trong tâm tưởng giang hồ chưa từng được thực hiện trong khối nước, trong than bụi, trên những thanh đường rầy và tôi trong một toa ăn, ngó núi rừng, biển cả, sông ngòi, được khăn gói như Tản Đà vào Nam ra Bắc; được xách va li như Nguyễn Bình bỏ Bắc

Nhà ga Đồng Văn, cách Hà Nội 48 cây số về phía Nam. Nhà ga cũ, cũng ngay tại đây, đã xập vì bom Mỹ. Năm 1992. Nhân dịp về thăm mộ thân phụ, dịch giả Chơn Pháp Nguyễn Hữu Hiệu (bên trái), đã về cùng nhà thơ Phùng Quán, tác giả bài thơ Lối Mệ Dận, đứng bên mặt. (hình Lệ Dung).





TRANG CHÂU

XUÂN ĐIỀU HIU

Ta biết người theo với nắng xuân
Xuân chung nhau không thăm hai lần
Tình chưa hong đã phai màu nhớ
Phai cả lời riêng ở giữa tâm

Ta đứng bơ vơ trên chuyến tàu
Chạy từ vô định đến không đâu
Đều lều ga lớn rồi ga nhỏ
Không một ga nào trông thấy nhau

Ta trải lòng mình qua ý thơ
Thơ không làm bớt nỗi mong chờ
Đêm đêm ta với hồn trần trở
Nghe cả niềm đau trong giấc mơ.

HUY TRÂM

HOA NGÀN

Quanh năm làm rẫy, làm rừng
Lớp lo xẻ gỗ - lớp lũng xe be.
Ngó em lem lức tư bề
Mà anh từ Mỹ trở về lại khen.

Nước da này, chẳng thoa kem
Rừng hoang sương nắng gọi lên đó mà
Anh về từ vạn trùng xa
Mai đi, có nhớ chùm hoa trên ngàn?

Có thương rau đắng, rau xam
Và thương những chốn cơ hàn,
Hay quên?

Nơi đây lam chướng một miền
Mấm thỏ, gạo lóc mà nên nghĩa tình.

TRẦN BÁT NHÃ

CƠN MƠ

Nằm đêm nhớ, cột thương kèo
Nhớ mưa dột mái, nhớ nghèo đèn lu
Nhớ người, gia thế biển dâu
Non sông một dãy vì đâu tan lìa.

Khi trở lạnh, lúc tàn khuya
Tim nghe guốc gỗ, hồn dè bóng trắng...
Nằm đêm nhớ, chiếu thương giường
Ba sinh đang độ lửa hương mặn nồng

Nhớ đời, khởi lượng từ tâm
Trăm con chung một cõi Rộng Tiên xưa...

Giật mình...Nửa tỉnh nửa mơ
Thăm tâm sao vẫn còn ngỡ vực nhau.

vào Nam, vui thì ở, chán thì về, thanh thoi trong giải sơn hà gấm vóc, một cuốn sổ, một cây bút, ghi chép dọc đường, ngâm nga quán xá, bất biết anh nào mũ đỏ, chị nọ mỏ xanh, đường anh anh xuôi ngược. Tự Do.

Chuyến tàu ấy, Dọc Đường Xuyên Việt ấy, cho tới nay chỉ có người ngoại quốc làm được trên quê hương mình. Như David Margolick đã làm trên Con tàu Tốc hành Thống nhất, từ Sài Gòn ra Hà Nội, vào tháng Năm 1997. Để xem ông ta đã thấy những gì.

III.

Ở tuổi ngoài 40, Margolick thực hiện chuyến đi Xuyên Việt, như ông viết, với "niềm thao thức cảm nhận xem mảnh đất bị chiến tranh hành hạ" này được tạo dựng bởi những gì. Do đó, thay vì mất một giờ bay giữa hai thành phố cách nhau trên một ngàn dặm đường bộ, ông đã chọn xe lửa. Ông đi từ Nam ra Bắc.

Tàu chạy trong đêm sau khi rời Huế. Ở băng ghế bên kia, một cô gái nhỏ chăm chỉ lật mảnh áo lót của ông bố già với chòm râu thưa, xoa dầu cù là nắn bóp vai ông, mùi hăng hăng bay khắp toa tàu. Cửa toa với lưới thép mở hé phòng trộm, cả toa có bảy cái quạt gắn lên vụng về không đủ làm không khí dễ thở bao nhiêu. Thành linh có một tiếng kêu. Cách đây không bao lâu, người đi qua đoạn đường này đối đầu với những hiểm nguy thực sự: như mìn, như phục kích, như bom đạn, như cướp bóc. Giờ đây thì hòa bình rồi, cho nên kẻ gây sợ hãi chỉ là một con cua bò khỏi cái bị, nó bị người ta bắt được ngay.

Con tàu chạy vào giếng đất nhỏ, xương sống của Việt Nam, tiếp tục cuộc hành trình mà bốn mươi năm trước đây không thể nào thực hiện được. Giờ đây, mỗi ngày có ba chuyến, nó lướt nghìn dặm đường hoặc trong 34 tiếng, hoặc trong 44 tiếng đồng hồ, tùy theo người ta đi tàu tốc hành, hay tàu địa phương, tàu phải dừng lại ở các tỉnh lẻ.

Đường xe lửa Việt Nam được người Pháp thiết lập khoảng một thế kỷ rồi, song chỉ là một biểu tượng của văn minh hơn là một phương tiện giao thông toàn diện. Nó biểu hiện sự cố mặt của Âu châu trên miền đất thuộc địa chưa được khai phá. Sau 1954, sau Điện Biên Phủ, nó bị chia làm đôi. Người bên này một mặt phá hoại phần của người bên kia, một mặt tái thiết phần bị người bên kia phá hoại của mình. Việc ấy xảy ra và tái diễn, bằng bom và mìn, trong 20 năm. Mãi đến năm 1976, đường sắt Bắc Nam hoàn tất, và chuyến xe lửa nối liền hai miền được mang danh Tàu Tốc Hành Thống Nhất.

Nhà ga "mới" Hà Nội. Ga Hàng Cỏ. Hình chụp trong cuốn Les Français au Tonkin của A. Cunningham, xuất bản năm 1903 tại Hà Nội.



Tài liệu Viên Linh.

Buổi trưa khi David Margolick bước vào nhà ga Sài Gòn, ông ghi nhận tên nhà ga không thay đổi. Vẫn là tên trước 1975, như người thành phố vẫn gọi cả thành phố của họ. Ga Sài Gòn. Người Việt Nam không coi xe hỏa là một phương tiện du hành thông dụng, cho nên ga vắng tanh. Ông là người khách phương Tây duy nhất có mặt lúc đó.

Đám trẻ con tò mò nhìn ông, có thể như người phu xe xích lô đã cảnh giác - y phục ông cộm cộm, dễ bị móc túi. (Tôi nghĩ Margolick viết- tôi mất đầu mấy đồng).

Mặc dù một chút đe dọa mơ hồ, David Margolick vẫn tìm thấy ấm lòng - cảm giác ông thường có mỗi khi bước vào một nhà ga xe lửa. Là lát nữa ông sẽ được chăm lo chu đáo, như chỗ ngồi, như nơi ăn, cứ việc thoải mái hưởng cuộc du hành, và đón chờ phong cảnh của Đất Nước xa lạ hiện tới trong tầm mắt mình.

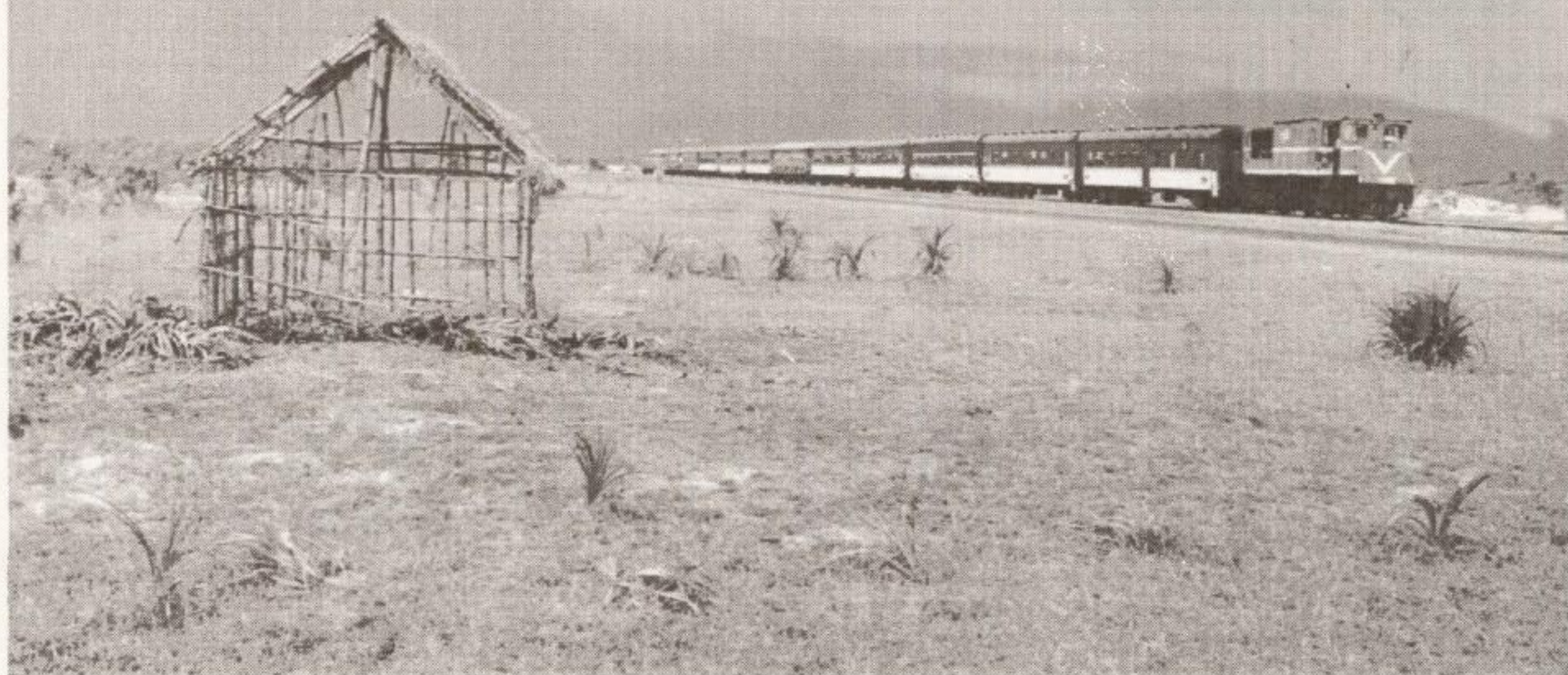
Trong nhà ga, gần cửa ra vào có lịch trình các chuyến tàu viết tay, dùng băng keo dán trên bảng kẽm. Người phóng viên tới thẳng khung cửa sổ 1, có dòng chữ "Foreigners-Vietnamese Nationals." Đó là mấy chữ Anh duy nhất trong nhà ga, nên Margolick phải dùng tới tiếng Pháp. Tuy nhiên người phụ nữ sau quầy vé rất dễ chịu và được việc - như mọi người Việt Nam đối với người Mỹ - hầu như chiến tranh là tin đã qua và chẳng có ai dính dáng gì đến nó. (Khuôn mặt mất cảm tình duy nhất tôi gặp trong 8 ngày ở Việt Nam là người bộ đội gác lăng Hồ Chí Minh ở Hà Nội Margolick viết- song về mặt đó hình như là một phần nghề nghiệp của anh ta.)

Mỗi ngày có ba chuyến: 9 giờ sáng, 8 giờ chiều và 9 giờ đêm. Giá vé buổi sáng rẻ, và là tàu chậm. Giá vé chuyến tám giờ mắc nhất, đó là chuyến tốc hành, trên nghìn dặm chỉ ngừng lại 7 ga, thay vì 16 hay 17 ga xếp. David có ngân ngữ, vì như thế ông không được xuống Tháp Chàm.

Ở Ga Đà Lạt, ông thấy nó được xây cất giống như một trong những nhà ga ở Deauville bên Pháp.

Tiền nghi trong tàu thì không thể nào nói. Cái gì cũng cứng nhắc. David chọn cái giường thấp nhất trong ba tầng giường, rất tốt vì bên dưới có một cái hộp đựng đồ, đỡ bị mất cắp. Nằm coi lại cái vé, vé vẫn viết trên giấy than. Và vé của ông (cũng như vé bán cho Việt Kiều), mắc hơn vé của người nội địa. 60 mỹ kim từ Sài Gòn ra Đà Nẵng. Họ không nhận mỹ kim, do đó khi lấy vé, David phải cùng người phu xe chạy vội ra một tiệm kim hoàn đổi tiền rồi mới quay trở lại mua vé.

Chiều đó, có hai cô mặc áo dài màu xanh lá cây đi soát vé, trước khi tàu chuyển bánh.



Tại Quảng Trị, tàu chạy qua vùng trước kia là Vùng Phi Quân Sự, ranh giới hai miền Nam Bắc Việt Nam từ 1954 tới 1975.

Các bà già tuần hành bờ hè, dơ cao những chai nước, những chai Coca-Cola, kẹo cao su Double mint. Có một xưởng ngón viên nổi tiếng Anh trên loa, loan báo cấm mang súc vật lên tàu, trừ cá vàng.

Tàu đi vào khu gia cư, ngó xuống thấy dân chúng ăn uống, xem TV... Một lão bà khoảng 70 tuổi nhanh nhẩu thân thiện với người khách Mỹ, vach áo cho xem một cái túi dây cộm, có kim băng kỹ càng. Cụ không có hảo ý với dân Miền Bắc, cụ phải phòng thân. Rồi cụ trải mấy tờ giấy lau lên ghế, bày biện đồ ăn ra mời khách. Lúc 9 giờ 45, khách đỡ cụ leo lên cái giường trên. Tàu hướng về phía Bắc, chạy dọc Quốc Lộ Một.

Người Pháp đặt tên đường xe hỏa chạy xuyên Việt là đường xe hỏa xuyên Đông Dương. Ý niệm xây thiết lộ manh nha từ năm 1897, khi Toàn Quyền Paul Doumer, trong một cuộc thăm viếng, thấy rằng dân chúng quá nghèo đói, lương thực không thể phân phối nhanh chóng tới tay họ được nếu không có một con tàu đi suốt các vùng. Thiết lộ ấy, dĩ nhiên cũng phải có lợi cho thực dân. Nếu đi qua Cao Miên thì nhanh hơn nhiều, song họ cần đi khắp Việt Nam, nhất là qua những vùng đông dân cư. Năm 1912, một số đoạn đường sắt đã được đặt xong. Nhân công toàn là người Việt. Vài năm sau công việc phải ngưng vì Thế Chiến thứ nhất bùng nổ. Con đường này khi hoàn tất, theo ước đoán của giáo sư David Del Testa tại Đại học Davis của California, tốn khoảng 3 tỷ mỹ kim, bốn lần cao hơn con đường tốn phí nhất ở Pháp.

Khi Nhật Bản chiếm Việt Nam, họ độc quyền sử dụng đường xe hỏa. Dân Việt không được lên tàu. Trong cuộc chiến Việt Mỹ, từ 1961 tới 1964, có 27 nhân viên hỏa xa Miền Nam bị Việt Cộng giết. Tại Miền Bắc, một toán người ban đêm cầm đèn lồng đi trước đầu máy, và đầu máy đã được hóa trang. Phải đến giữa năm 1976, với sự giúp đỡ của các chuyên viên Đông Đức và Tiệp Khắc, đường xe lửa Xuyên Việt, như ý niệm ban đầu của Paul Doumer gần một thế kỷ trước, mới thực sự được hoàn tất trở lại.

IV.

Trạm ngừng đầu tiên của chuyến tốc hành là Nha Trang. Con tàu tới đúng giờ. Lúc ấy là 3 giờ 30 sáng. Ngay khi nó chưa kịp ngừng, một toán phụ nữ với đủ món quà bánh đã ào ra, tuần hành dưới cửa sổ từng toa. Ông David Margolick viết ông không biết họ từ đâu hiện ra, và ông nhớ tới một Việt Nam thời chiến, và câu nói được nhiều người biết đến: Đêm thuộc về Việt Cộng.

Đúng 6 giờ, tàu tới Tuy Hòa. Người ta thấy những đồng dưa hấu. Trên tường có một bích chương chống bệnh AIDS. Đó là giờ của phở, và cà phê hai màu (màu đen ở trên, màu trắng ở dưới, theo nhận xét của ông David Margolick.) Một ly khoảng 20 xu tiền Mỹ.

Âm thanh đường sắt ở Việt Nam rất là biến đổi, tùy theo tốc độ và đoạn đường. Khi con tàu leo dốc trên núi, khi con tàu leo dốc bên biển, bạn nghe thấy khác. Dĩ nhiên có đường hầm, và đồng bằng. Ít khi bạn nghe một thứ âm thanh kéo dài mãi.

Trước bình minh, tàu chậm lại đôi chút. Dưới đường, những cánh đồng, các bác nông dân đánh trâu di thông thả. Con tàu hình như đang thực hành một lễ nghi kính trọng với đồng quê. Song họ không buồn nhìn lên. Khắp mọi nơi là phụ nữ đội nón lá. Những cái nón hình chóp. Có một cái gì đó trong hình dáng những cái nón. 9 giờ 45, trời nóng. Có người bác vồng giữa hai toa tàu. 1 giờ 30, tàu rời Đà Nẵng. Đêm đó David Margolick xuống tàu, ngủ ở Hội An để sáng hôm sau dùng taxi đi thăm Mỹ Lai, nơi một nhóm binh sĩ Mỹ, vào hôm 16 tháng 3-1968, đã tàn sát 504 người Việt ở Sơn Mỹ. Tại đây hiện có một Đài tưởng niệm, và là một điểm thu hút du khách từ nhiều nơi trên thế giới.

Tiếp tục chuyển đi vào ngày hôm sau, người ta phải mất gần 4 tiếng đồng hồ để từ Đà Nẵng tới Huế. Thật tuyệt vời khi ngồi sau cửa sổ ngó con tàu lên đèo Hải Vân. Nó leo lạch. Bên trái là núi, bên phải là biển, bãi biển trịnh nguyên không một bóng người. Lúc 11 giờ sáng, tàu tới Huế. Nếu bạn muốn đi thăm vùng phi quân sự, bạn dùng chuyển du ngoạn bằng xe buýt, mất cả ngày, đi từ Huế và trở lại Huế. Xe buýt dừng lại ở Bến Hải, con sông chia cắt nước Việt Nam trong 20 năm.

Hôm sau, David Margolick lên tàu đi Hà Nội. Chuyến đi sẽ mất 14 tiếng đồng hồ, và

tàu không có giường ngủ. Có chuyện khó hiểu là lúc tàu rời Huế, máy phóng thanh mới tả về Huế cho du khách nghe, thay vì mô tả thành phố sắp tới. Chiếc TV gắn nóc tàu chiếu phim kung fu, rồi lại chiếu phim bạo động Mỹ. Khi bạn có thì giờ, và đỡ mệt, bạn sẽ nhận ra nếp sống Miền Bắc: con người chậm chạp hơn, đa số mặc màu kaki xanh, hẳn là quân phục thời chiến của họ. Hàng quán vắng vẻ đi, thụt vào trong thay vì bày ra ngoài như miền trong. Họ là những người ở vùng chiến thắng.

Tôi khóc chiều nay trong nắng vàng
Nhớ về quê cũ phố Đồng Văn
Tuổi thơ lang thang sân ga rộng
Vòng bánh không về nhịp pháp luân.
(Viên Linh - Thiệu Thi)

Bài viết của David Margolick ngừng lại ở đây. Chuyến tàu ông đi, nếu không kể những trạm xuống và ngủ lại dọc đường, ở Hội An để đi thăm Mỹ Lai, ở Huế để đi thăm vùng phi quân sự, chỉ có 33 tiếng đồng hồ.

Đã bao lần tôi mong ước 33 tiếng đồng hồ ấy, từ khi tám chín tuổi, chơi đùa trên sân ga Đồng Văn, nhảy lên những con tàu đang chậm chậm vào ga, tới khi chưa hai mươi, ngồi con tàu ra Trung. Thời chia cắt Đất Nước, cũng có biết bao giấc mơ, như những giấc mơ Trịnh Công Sơn: *Tôi sẽ đi thăm... Tôi sẽ đi thăm... Tôi sẽ đi thăm... Đất Nước* thời chia cắt, một thuở xa quê ngày nào tưởng là quá xa hóa ra lại chẳng là gì so với những tháng ngày lưu vong, ở một nửa địa cầu út tắp và ở hai khoảng thời gian sáng tối; không những thế, trong có cả bóng tối của thời thế, chính vì bóng tối của thời thế, mà chuyến tàu Xuyên Việt của tôi không thể khởi hành. Tôi muon bai của David Margolick, lam chuyen du hanh Xuyen Viet cho mot mua xuan nua xa Dat Nuooc.

Tôi đã ngủ quên trên con tàu hỏa từ Ba Lê tới Frankfurt một chiều mùa đông; tôi đã chẳng hao hức gì trên con đường sắt từ Luân Đôn đi Scotland trong mùa hạ. Đời sống ngoài Đất Nước, không còn chọn lựa nào khác, cuối cùng phải kết luận như André Malraux: *Nơi nào có Tự Do, nơi ấy là Quê Hương.* ■

BÙI GIÁNG

BÙI VĂN NAM SƠN

Nhân kỷ niệm sinh nhật thứ 70 của nhà thơ Bùi Giáng, hiện sống tại Sài Gòn, gia đình họ Bùi có cho xuất bản tác phẩm Chớp Biển, gồm những bài thơ mới nhất của ông. Sách trình bày và in ấn tuyệt đẹp trên giấy quý. Hai bài viết dưới đây, một của cụ Bùi Văn Nam Sơn, hàng thúc bá của nhà thơ họ Bùi; một của ông Bùi Công Luân, người em trai, lần đầu cho độc giả thấy những điều chưa từng được nói đến về cuộc đời riêng của thi sĩ, cũng như chốn cao xa của ông, nhất là qua bài của cụ Nam Sơn. Bạn muốn có Chớp Biển, liên lạc với Anahills, 1055 Dewcrest Drive, Anaheim, CA. 92808.

SOLƯỢCTIẾUSỬ:

Ông Bùi Giáng là một thứ nam của ông Bùi Thuần và bà Huỳnh Thị Kiển. Ông sinh năm Bính Dần (1926) tại Thanh Châu, nơi song thân cư ngụ. Sau khi tốt nghiệp bậc Trung học, ông có ghi danh vào Đại Học Văn Khoa. Nhưng không thích uốn nắn theo con đường cử nghiệp, ông đã ở nhà, dành hầu hết thì giờ để tự học, nghiên cứu, phiên dịch và sáng tác. Trong thập niên '60 và đầu '70, thỉnh thoảng ông có nhận dạy một ít giờ tại một số tư thục ở Sài Gòn. Tác phẩm: Văn nghiệp của Bùi Giáng đồ sộ. Trong tình hình tư liệu hiện nay, chưa thể tập hợp thành một thư tịch đầy đủ. Tác phẩm có thể tạm chia làm 4 loại: 1/ Giảng luận về văn học, 2/ Bản dịch và Giảng luận về Triết học, 3/ Bản dịch về Văn học và 4/ Thơ, Văn sáng tác.

ĐÔI LỜI TIẾP DẪN

*Ngô dũ Diễm dã!
Ta cùng với Tăng Diễm vậy!
(Khổng Tử)*

Viết đôi lời hay nhiều lời về Bùi Giáng không bằng đọc Bùi Giáng. Đọc Bùi Giáng không bằng giao du với Bùi Giáng. Giao du với Bùi Giáng không bằng sống như Bùi Giáng. Mà sống như Bùi Giáng thì thật vui và thật khó vậy.

Hiếm có tác giả nào mà khi ta đọc đôi câu cũng có thể cảm thụ được cái tinh thể của toàn bộ văn nghiệp đồ sộ, nhìn một hành vi mà thấy được phong độ dị thường của cả bình sinh. Một giọt nước mang cả lượng hải hàm của đại dương, nói như nhà Phật. Các bậc thâm trầm ngày xưa gọi đó là "mở cửa thấy núi, một khí xuyên suốt" (Khai môn kiến sơn, nhất khí quán hạ); Phương Tây bảo rằng "Văn là người". Quả ở đây, Người trở thành Văn, Văn với Người không hai.

Anh Giáng là sao Văn Khúc "ha giáng" vào cửa họ Bùi ta chăng? Là một Thi Quý hay Thi Tiên có một không hai trong nền văn hóa Dân Tộc? Là một bậc La Hán tự phát nguyện trở thành xác thịt để khóc cười an ủi chúng sinh? Khen hay chê, thích hay không, Anh vẫn thuộc vào loại thiên tài không định nghĩa được (génie indéfinissable) làm bằng một thứ nguyên liệu rất hiếm, là một giống chim lạ rất dễ tuyệt chủng mà Trời Đất - không nở làm đứt mạch văn, làm cạn nòi tình - lâu lâu lại cho phục sinh một lần. Thứ nguyên liệu ấy rất nhẹ



Bùi Giáng

đồng cân nên ít bám bụi, lung linh sương bóng (hốt hể hoảng hể), khó nắm bắt mà lại cũng rất kénh cần "quá cỡ thợ mộc", nếu ta không chịu khó gắng sức lên một tý thì không đo lường được:

*Hỏi tên, rằng biển xanh dẫu
Hỏi quê, rằng mộng ban đầu đã xa
Gọi tên, rằng một hai ba
Đếm là diệu tướng, do là nghi tâm!*

Bốn câu tự giới thiệu làm ta nhớ đến René Char, một thi sĩ lớn của Pháp:

*Je parle de si loin
Comment m'entendez-vous?
(Tôi nói từ cõi rất xa
Ngài nghe tôi như thế nào?)*

Nếu "thính" là nghe ở vòng ngoài, còn "văn" là lắng tai Chung Kỳ, nghe được ở bề sâu, bề xa, thì nghe tiếng thơ Bùi Giáng giống như nghe một cơn mưa từ ngàn thu trước, đến hôm nay mới rớt hột trở về. Nguồn thơ ấy u huyền, bí nhiệm như một mê cung chỉ tự giải mã với người đồng điệu. Nó sâu xa, hùng hậu mà hồn nhiên, trong sạch và ngộ nghĩnh như

những bài kệ khẩu chiếm của các Thiền sư. Nó cường bức ngôn ngữ một cách dữ dội, không thương tiếc, để giúp cho ngôn ngữ tự bộc lộ năng lực sinh hóa không cùng. Nó đẩy dòng Thơ Mới của Việt Nam đến chỗ tận cùng, từ đó khơi mở ra một chân trời với thi ca nhân loại: một Hồn Thơ rất cổ kính đồng thời lại mang tâm thức hiện đại, đúng hơn, hậu hiện đại (post-moderne), nơi đó mọi ý, mọi lời đều đa tầng, đa nghĩa, đa chức năng, nhằm bộc lộ cho được một cái gì rất Sơ Nguyên, đơn giản, song đã trải qua biến dịch nên phong phú, điệp trùng.

Hồn Thơ ấy bắt đầu từ những gì rất trần thế, không ít đau buồn từ thuở nhỏ:

*Bước xa bờ cỏ, bước xa đường thương yêu
... Tóc xanh kỳ hẹn sai ngày
Khóc ngang giữa mộng,
canh dài mấy phen
... Giã từ khi bước chân ra
Chết từ sơ ngộ màu hoa trên ngàn
... Tuổi thơ nhiếp dẫn sai miền
Đổ xiêu phấn bướm, phi tuyến vọng âm*

và khi lớn lên chứng kiến:

*Hải hùng bi kịch đổi tranh
Trùng quan vó ngựa tể nhanh trong mù
Thấy người nát ở phía sau
Ngàn thu khếp mắt khổ đau khôn hàn*

lại trở thành nguồn thơ nghịch ngợm nhất, vui vẻ nhất xưa nay:

*Tội nói diệu diên rở
Ấy là vui vậy*

Bùi quân bước được vào Hoan Hỷ Địa, sau khi đã "khóc ngang giữa mộng", đã "rí như beo rống, như hùm đuổi hang" trong những trận tung hoành bút mực. "Sư tử biến thành hải nhi. Nhân loại mới nói cười như trẻ nhỏ". Quá trình chuyển hóa và đạt đạo của Bùi Giáng là tiêu biểu cho ý thức và tinh thần thời đại mà Anh đã gặp gỡ, chia sẻ với những nhà tư tưởng và nghệ sĩ lớn Đông Tây.

Cái vạn vật nhất thể ở khởi nguyên chưa phân ly thì còn hàm hỗn những dấy sức sống. Biểu hiện nơi con người là các bậc Thánh hiền còn nguyên khối: họ là nhà thơ, nhà tư tưởng, nhà hành động. Huyền thoại và lý tính còn chan hòa vào nhau. Song, logic tất



Nhà thơ Bùi Giáng và một tăng sĩ trong vườn một ngôi chùa ở Thủ Đức. Hình chụp năm 1995. Album Bùi Văn Vĩnh.

yếu của sự phát triển thúc đẩy sự phân ly, mang lại sự phồn tạp và cả những nguy cơ, thảm họa: sự phân ly giữa Lý Tính (Apollon) và Đam Mê (Dionysos), giữa Tư Duy và Mơ Mộng, giữa Đông và Tây, giữa Cơ Giới và Tự Nhiên... Sự phân ly ấy còn trầm trọng khi con người thời đại xem sự phân ly là tự nhiên, lãng quên mất nguồn suối nguyên thủy và nhất là không tìm ra phương thuốc cứu nguy. Sa mạc lớn dần, chủ nghĩa hư vô lan tràn khắp chốn:

*Trần gian bất tuyệt một lần
Nghe triều biển rộng xa dần non xanh
... Mâu hoang đảo từ đây em sẽ ngó
Cát xa bờ tợ chỉ rồi chiêm bao*

Làm sao nối lại non xanh và biển rộng, giữa cát và bờ? Làm sao chuẩn bị cho một cuộc đối thoại tái hợp nhất thiết phải có giữa Đông và Tây? Làm sao bắt lại nhịp cầu tương giao, tương ứng giữa Thi Ca và Tư Tưởng, hai lãnh vực vốn hoạt động theo quy luật riêng, cách nhau một vực thẳm mà lại có mối quan hệ tàng ẩn thâm thiết ở cội nguồn?

*Cảnh Lương mạc bão bùng về vấy hăm
Sầu Thái Sơn cô tịch lạnh liên miên
Hoài vọng uống bên nỗi đời thê thảm
Hồn núi sống - xin tái lập xanh miên.*

Tái lập lại một miền tương ứng xanh tươi sức sống nguyên sơ ("Anh cùng em đi hái lộc xanh đầu") để núi Thái Sơn không bị sụp đổ, cảnh Lương mạc không bị hủy hoại(1) như lời than và mong mỏi của Đức Khổng ngày xưa là đi lần theo con đường của Tăng Điểm "Tâm sông Nghi, hóng mát ở đền Vũ Vu, rồi ca mà về(2) theo nghĩa sâu xa là thoát khỏi chấp

trước, trở về nguồn cội với trí tuệ bao dung rộng mở:

*Đời xiêu đổ nguồn xưa anh trở lại
Giữa hư vô em giữ nhé ngân này*

Hiểm họa dập dồn. Cần một cứu tinh. Như mọi nhà nhân bản, Bùi Giáng lên tiếng kêu cứu và báo động. Cứu tinh chính là trí tuệ bao dung, mềm dẻo của Nguyên Lý Mẹ, của Thiên Tính Nữ tràn ngập, rộn ràng trong thơ Giáng. (Theo quan điểm phân tâm, kẻ nói nhiều, nói công khai và không nguy trang về tính nữ lại là kẻ không còn bị ẩn ức mà đã tìm được con đường thanh tẩy, giải thoát). Bởi vì Phật Tổ có thể giác ngộ cho ta, nhưng Quan Âm mới ra tay cứu khổ. Phục Hy kiến lập quy củ, nhưng Nữ Oa mới chịu khó vá trời và chớ che con cháu, Âu Cơ, Thủy Kiều, Monroe, Phùng Khánh... (3) đều là biểu tượng của Huyền Tẫn(4) như thế cả:

Mẹ xin chiếu cố sa mù cho con

Nói những điều nghiêm trọng như vậy bằng ngôn ngữ vi ngôn ngữ là quê chung của Thi Ca và Tư Tưởng và cũng là biểu tượng đẹp đẽ nhất của Mẹ: nó sinh sôi vô hạn, sinh hóa vô lường và luôn ẩn mật, tinh tế ở cả phần vô ngôn, ẩn ngữ. Ngôn ngữ biểu hiện ra nơi Bùi Giáng bằng ngụ ngôn, hoa ngôn, chi ngôn... để gói ghém những gì uyên nguyên, sâu kín mà ngôn ngữ thông thường của khái niệm bị cục hạn không hàm chứa nổi:

Nguyên hình Nữ Chúa trên ngày phù du

Nữ Chúa là sức mạnh cứu khổ cứu nạn của Mẹ, làm Ngôi Lời cho nhân thế. Có thể

hiểu tại sao các tác phẩm cổ kim qua ngòi bút dịch thuật tài hoa của Bùi Giáng đều là những cơ hội để được tái tạo theo nguyên nghĩa chữ Dịch là chuyển hóa nhằm bắc nhịp cầu Ô Thước như đã nói trên kia. Trong tay người thợ xoàng thì phiên dịch, sao chép ba lần là mất gốc ("Tam sao thất bản"). Trong tay người thợ thiên tài, nó được nâng lên ba lần để có thể hợp giao với nhau ở phương trời mới. Kinh A Di Đà trang nghiêm, Kinh Hoa Nghiêm thì bay bổng, rực rỡ muôn màu; nhưng cả hai đều nhất lý, chỉ tùy theo căn cơ của mỗi người.

Bùi Giáng là Tiếp Dẫn Đạo Sư trong ngôn ngữ Việt Nam hiện đại.

Văn nghiệp phong phú, anh hoa phát tiết của Bùi Giáng chắc sẽ còn làm tổn nhiều giấy mực của người đời sau.

Nhưng riêng cái huệ tâm của nguồn vui từ bi của anh Giáng là phúc huệ dự dành cho họ Bùi ta vậy. Hãy biết ơn anh! ■

(1) Đức Khổng Tử khi gần mất, đã than "Thái Sơn kỳ đổi hỏ, Lương mạc kỳ hoại hỏ, Triết nhân kỳ nuy hỏ!"

(2) Ông Tăng Tích, còn gọi là Tăng Điểm và con là ông Tăng Sâm, thường gọi là Tăng Tử, đều là môn đệ của Đức Khổng Tử. Một hôm, Đức Khổng Tử hỏi về chí hướng của mỗi đệ tử đương ngồi hầu Ngài, ông Tăng Điểm đã thưa: "Dục hỏ Nghi, phong hỏ Vũ Vu, vịnh nhĩ quy", ngụ ý muốn sống ngoài vòng cương tỏa của lợi danh, Đức Khổng Tử tán đồng quan điểm đó, Ngài đã nói: "Ngô dữ Điểm dã".

(3) Các nhân vật nữ mà thi sĩ Bùi Giáng thường nhắc đến trong các tác phẩm của mình.

(4) Huyền Tẫn, chữ trong Đạo Đức Kinh của Lão Tử, có nghĩa là Nguyên Lý Mẹ (Huyền= sâu kín; Tẫn= con thú giống cái).

CHỊ VÀ ANH BÙI GIÁNG

BÙI CÔNG LUÂN

Không rõ cơ duyên huyền diệu nào đưa đây, ba tôi đã gặp được hai bà "nội tướng" đều thuộc hai gia đình suốt bao đời "cần lao theo nếp, gia thanh giữ lễ". Mẫu thân thứ nhất là con gái cụ Phạm Tuấn, một trong năm "Ngũ Phụng tử Phi". Mẹ đầu chẳng may qua đời sớm, lúc hạ sanh người con thứ ba - một gái đầu và hai trai. Mẫu thân thứ nhì là cháu cụ Hoàng Diệu (ông nội của mẹ tôi, Hoàng Văn Bả, là em ruột cụ Hoàng Diệu). Cũng một gái đầu lòng, thêm một cô út; có điều, khoảng giữa là một loạt... bảy "vị"! Anh Bùi Giáng là con trai đầu của mẫu thân sau, tức thứ 5 trong gia đình - "Sáu Giáng" theo cách gọi miền Nam.

Con đường tỉnh lộ nối liền quốc lộ số 1 và mỏ than Nông Sơn đi qua làng tôi ở cây số 15 làng Thanh Châu, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam. Quãng năm 1945 khi tôi lên 6 thì anh Bùi Giáng lập gia đình, anh cỡ 19 tuổi thì tôi còn quá nhỏ để có thể nhớ được thật chắc chắn về ngày cưới; ngoài hình ảnh những cô gái lạ áo quần màu sắc, môi son má phấn, và nhất là những đôi guốc gót cao. Sau ngày cưới, anh Giáng dọn ra riêng. Bỏ xóm làng, anh đi thật xa về hướng Tây, tận vùng rừng núi. Anh đi về Trung Phước ba mẹ tôi có một ít ruộng đất, vườn tược tại đây. Không phải ngẫu nhiên: trước khi tới Nông Sơn, khách bộ hành đầu vô tình đến đâu cũng không thể ngạc nhiên thích thú khi băng qua những ngôi làng nhỏ trù phú, đất đai màu mỡ, ruộng vườn xanh tươi, dân cư đông đúc, sinh hoạt tấp nập - một trong các ngôi làng "lừng danh" đó là Trung Phước. Dường như anh muốn xa lánh, trốn tránh, thậm chí đoạn tuyệt, với một cái gì đó. Có thể là một quá khứ với những kỷ niệm không phai. Có thể là một đoạn đời với nhiều bão giông còn âm ỉ.

Trải dài bên sông Thu Bồn, quanh năm thơm mùi rạ hòa lẫn hương hoa núi, Trung Phước nằm trong lòng một thung lũng ngoạn mục nhất dọc theo dãy Trường Sơn thâm u, kỳ vĩ. Từ đây, có thể nhìn thấy bờ Tây đỉnh núi cao nhất vùng với cái dáng cong nhọn riêng có của một mỏ chim ưng. Mọi sự trông có vẻ như sẵn sàng cho đôi vợ chồng mới lấy nhau: một mái tranh giữa khu vườn rộng đầy cau...

Nhưng chỉ trong một thời gian ngắn sau ngày cưới, người vợ trẻ đã phải lặn lội từ cái thung lũng ngoạn mục nhất đó, xuôi sông Thu Bồn êm đềm với ngàn dâu xanh ngắt, về nhà bố mẹ chồng ở Thanh Châu cách hàng mấy chục cây số.

Trên chiếc đồ bé nhỏ, chàng trai nói với người vợ trẻ:

- Nếu em không đổi ý quay về, không bỏ qua chuyện cũ, thì tôi sẽ... nhảy ra khỏi đồ!

Khách xuôi dòng người con trai đùa dọa người vợ mảnh dẻ. Để nguyên quần áo, ngay lập tức chàng "đem mình gieo xuống giữa dòng" sông Thu. Và bơi theo dòng. Để rồi thả trôi theo dòng nước chỗ mấy chục cây số đó, tôi tận bến nhà.

Cô con dâu đứng bên bà mẹ chồng, sụt sùi:

- Anh cho con ăn toàn khoai lang và rau luộc. Anh không cho con mua cá, mua thịt...

Thì ra, vì một cách hiểu quá tuyệt đối nào đó về ẩm thực, chàng không muốn ăn nhiều thịt - nghĩa là thỉnh thoảng ăn chút ít lại thì tốt; song nên ăn thật nhiều rau đậu, hoa quả, trái cây v.v... vào! Bà mẹ chồng quay nhìn cậu con trai đang đứng như một cây... nước.

Năm 1948, khi tiếng súng của cuộc chiến tranh Việt - Pháp lan hết xóm làng, chính Trung Phước xa xôi và nhiều thịt cá này đã là nơi cả nhà về ẩn náu. Bốn anh em trai nhỏ chúng tôi, từ Ba Gia - Đồng Ké, cũng vừa đi vừa chạy mấy ngày đêm, tới Trung Phước vào nửa khuya. Và người đầu tiên tôi gặp là bà chị dâu thứ sáu - vợ anh Bùi Giáng. Cũng có thể không hẳn thế, nghĩa là tôi đã gặp cả nhà cùng một lúc, nhưng gương mặt chị, hình ảnh chị đã nổi bật sáng ngời mãi trong ký ức tôi. Chị cũng chính là người đã giúp chúng tôi tắm gội, thay quần áo vào khuya hôm ấy; đi vào mùa mưa lấy lợi, chúng tôi lấm lem như những con trâu vừa ra khỏi vùng lầy. Phải nhận là chị xinh đẹp, cởi mở, vui tính, hồn nhiên. Duy có điều bất cứ ai, dù không biết gì nhiều về tướng số, gặp chị là cũng nhận ra ngay: chị không thể ở lâu với chúng ta trên cõi đời này, dù cõi đời vốn đã ngắn ngủi. Lấy chồng được vài ba năm, chị lâm trọng bệnh và đột ngột lìa đời lúc mới ngoài hai mươi tuổi. Có điều lạ là lúc nào chị cũng tỏ ra yêu đời, lạc quan. Không ai có thể tìm thấy một thoáng lo lắng, buồn phiền phảng phất trên gương mặt trong sáng không gợn một chút ưu tư của chị. Chị trút hơi thở một cách bình thản.

Đã bao năm, đã bao lần trong đời có những giây phút vô cùng đặc biệt, hình ảnh thân yêu của chị đã thật sự sống lại trong ký ức tôi, trong tâm khảm tôi, trong những giấc mơ... Và bao giờ cũng vậy, chị luôn hiện ra trong cảnh chiều tà, trong cảnh hoàng hôn hiu hắt. Trong lá thu vàng lao xao như còn văng

văng giọng nói dịu dàng, đầm ấm, thiết tha của chị - tượng trưng của một lớp hồng nhan mong manh giữa buổi giao thời, đầy máu lệ trong giòng lịch sử tủi buồn nhất của nòi giống. Phút lâm chung, chị không thấy mặt chồng. Anh Bùi Giáng bấy giờ đang ở Quảng Ngãi, Bình Định hay Phú Yên gì đó; nghe phong phanh anh đang đi học. Tôi chỉ biết là anh có mặt vào phút chót của tiền đưa chị về nơi an nghỉ cuối cùng - anh đứng bên cạnh chiếc quan tài với vành khăn trắng trên đầu.

T háng 7-1991, tôi trốn vợ trốn con liêu lĩnh khăn gói lên đường về Việt Nam để gặp lại anh Bùi Giáng sau hơn 15 năm xa cách.

Những băng khuâng, lo lắng, hồi hộp trên đường về; cái xao động cùng cực lúc thoáng nhìn thấy, nhận ra bờ biển Việt Nam thân yêu từ trên phi cơ; cái xúc động mãnh liệt vỡ toang theo tiếng rít của những chiếc bánh cao su chạm mạnh trên phi đạo... Rồi thành phố cũ cùng bao nhiêu người thân đã bao năm không gặp. Máy bay đáp xuống phi trường Tân Sơn Nhất vào một trưa nắng gắt.

Ngày tối hôm ấy, tôi đi tìm anh Bùi Giáng.

Sài Gòn đang mùa mưa, mấy con hẻm lầy lội; tôi khó nhọc lắm mới tìm ra nơi anh cư ngụ. Đang băng qua vườn cây cối tối om để vào nhà thì tôi vấp suýt té nhào: ôi, chính là anh! Anh đang ngủ. Anh ngủ mê man. Trên đất ướt nhèm. Tôi gọi tên anh thật lớn, thật nhiều lần. Tôi cũng xưng tên tôi ra; thật lớn, thật nhiều lần.

- Luân về đó hả? Luân về đó hả? Luân về đó hả?

Anh lập đi lập lại ba lần, cũng thật lớn, rồi lại thấp đi.

Tôi có cảm tưởng như anh hỏi tên rồi gọi lên trong mơ, trong mê. Tôi tìm cách đưa anh vào nhà - có lẽ "rong chơi... ở cuối chân trời" đuối sức, anh lê về tới sân rồi lăn ra ngủ, không ai hay biết. Tôi ngỡ anh say; song không có mùi rượu.

Anh tiếp tục ngủ. Tôi trở về quán trọ. Đêm đầu tiên về thăm anh sau gần nửa thế kỷ từ những ngày Trung Phước anh còn chỉ ấy cũng là đêm tôi lang thang một mình trong thành phố cũ. Hình ảnh ông anh ngủ vùi trên mặt đất ướt nhèm ám ảnh tôi không dứt. Tôi òa khóc. Và thành phố nhòa trong đêm. Đúng 4 giờ sáng hôm sau anh tìm đến nơi tôi ở. Và liền tiếp mười ngày sau đó, sáng nào anh cũng đến gõ cửa vào đúng giờ ấy, khiến chó sủa liên hồi... ■

BẠN XƯA MAI THẢO

PHAN LẠC PHÚC hồi niệm



Mai Thảo

Gần Tết năm Canh Thân (1992) khi vừa tới Úc được nửa năm, vợ chồng già chúng tôi đi Mỹ thăm thân nhân, bè bạn. Chúng tôi có con gái đầu lòng ở San Diego - Cali. Đạo mới sang định cư ở Úc con gái đầu của tôi cũng ở Sydney. Nhưng sau chú nỏ tức là em ruột tôi P.L.T., gọi nỏ sang Mỹ chơi, rồi chú thím nỏ thay mặt chúng tôi gả chồng cho cháu. Thế là con tôi lập gia đình ở gần bên chú vùng San Diego. Khi chúng tôi sang được đến nơi anh em bè bạn trên đất Hoa Kỳ biết là chúng tôi rách nên anh em ở nhiều nơi gửi cho cái vé máy bay để tôi có dịp tới thăm bè bạn. Tôi đã được dịp đi Minnesota thăm Thanh Tâm Tuyền, Nguyễn Cao Đàm, Vũ Quang, Cung Tiến, - đi Seattle thăm Vũ Đức Vinh, Phạm Hậu, Hà Huyền Chi, - lên San Jose thăm Hà Thượng Nhân, Vũ Duy Hiên. San Diego không xa miền Santa Ana... nên tôi có nhiều dịp lên thăm anh em bè bạn vùng Little Saigon - và vợ chồng tôi cũng đã lên Los Angeles thăm anh chị Võ Phiến.

Nhưng trong dịp viếng thăm Hoa Kỳ năm ấy có một người bạn lại đi xe hỏa về San Diego chơi với gia đình chúng tôi. Đó là Mai Thảo. Mai Thảo ở Santa Ana, đi xe hỏa vài ba tiếng đồng hồ là tới San Diego; đã được thông báo trước, gia đình chúng tôi ra ga chờ đón. Chúng tôi đứng ở ngoài sân. Con gái tôi vào nhà ga đón bác Mai Thảo. Một lát sau, đã thấy hai bác cháu đi ra. Con gái tôi một tay xách cái valise nhỏ, một tay nắm tay ông bạn già của tôi mà tung tăng bước tới giống như bố con một gia đình nào đó vừa đi du lịch ở xa về. Trước 1975 Mai Thảo là người bạn rất gần gũi với gia đình chúng tôi. Tôi đã từng đưa con gái tôi lúc đó nó vừa mới lớn lên, cùng với bác Mai Thảo đi mua sách ở Xuân Thu hoặc là ăn sáng ở La Pagode. Con tôi rất thân với bố nên nó rất quý bạn của bố. Chính con tôi trong điện thoại trước đó mấy hôm đã thưa với bác Mai Thảo "mời bác về chơi San Diego nhà cháu vài ngày.

Bố mẹ cháu chắc là vui lắm - mà cháu cũng rất sung sướng". Hôm nay con tôi bày tỏ sự vui sướng ra mặt khi nó đích thân đi đón bác Mai Thảo ở nhà ga. Trên đường về nhà, nó còn dừng lại một tiệm Liquor nổi tiếng, đưa bác Mai Thảo vào và thưa "Bác thích rượu nào để cháu mua vài chai bác uống..." Bạn tôi xưa nay tính tình không ít nói, sống một mình, không gia đình không vợ, không con mà bữa ấy bỗng bật cười mà nói "Con nhỏ này, năm nay nó ba mươi mấy tuổi rồi mà vẫn lằng lằng như trước nhì..."

Không những tôi mà vợ con tôi đều biết là đón bác Mai Thảo thì việc đầu tiên là phải có rượu. Tôi cũng ít khi kể chuyện bạn bè cho gia đình vợ con nghe nhưng có một chuyện khiến tôi bất buộc phải nói đôi điều về bạn tôi Mai Thảo. Năm ấy không nhớ rõ là năm nào, đầu vào khoảng cuối thập niên 60. Một ngày ba mươi Tết cấp rập, sôi động và đông đặc người của Saigon. Tôi đi làm. Mẹ cháu thì bận cửa hàng cho nên chỉ còn chiều ngày 30 mà bao nhiêu việc phải làm cho xong. Trên chiếc xe nhà, chở chật cứng mẹ cháu và một lũ con, chúng tôi phải ráng đi vào cuối đường Phan Đình Phùng (bây giờ gọi là đường Nguyễn Đình Chiểu) vào nhà hàng giờ chả Nguyễn Hương nổi tiếng lấy vài căn giò về ăn Tết. Đường chật ních người, ai cũng lằng lằng vội vã đi sắm cho xong cái Tết. Xe chuyển dịch khó khăn, vất vả. Đến ngã tư Phan Đình Phùng - Nguyễn Thiện Thuật tôi chợt trông thấy bạn tôi Mai Thảo đứng ở góc đường. Bạn tôi đứng đó, khoanh tay, nhàn tản... một biểu tượng khác hẳn với đám đông đang chọn lựa xung quanh. Tôi vội gọi lớn Mai Thảo, Mai Thảo nhưng trong cái ồn ào, náo nhiệt của chiều cuối năm đi sắm Tết, tiếng gọi của tôi chìm vào đám đông. Tôi thì tôi hiểu tại sao bạn tôi đứng đó. Bao nhiêu năm quen sống không nhà, lúc nào bạn tôi cũng cần một nơi để đến. Nhà một người bạn, một quán rượu,

một tiệm ăn, hoặc một cái "vòm" nào đó. Nhưng chiều 30 Tết nơi nào cũng bận rộn làm lễ tất niên, đón gia tiên về ăn Tết và cũng là bữa cơm đoàn tụ gia đình trong lúc năm cũ tháng tận. Giao Thừa là giờ phút thiêng liêng và trọng đại đối với mọi gia đình. Nhưng bạn tôi bao nhiêu năm nay sống một mình, không có gia đình nên chiều 30 Tết mà không biết đi đâu, về đâu. Tôi xung quanh đang có vợ, có con... nên càng thông cảm cái bơ vơ của người bạn độc thân chiều 30 Tết.

Thấy Mai Thảo đứng đó lơ ngơ nhà tôi vội bảo: "sao không dùng xe lại xem anh ấy muốn đi đâu thì chở anh ấy đi". Tôi không tiện trả lời nhưng tôi biết bạn tôi không phải thiếu phương tiện, mà bạn tôi kẹt là không biết nơi nào để đến. Nhà tôi lại hỏi tiếp: "sao không về nhà?" - "Anh ấy có nhà đâu mà về. Chỗ ở của anh ấy thì cuối năm nó vắng như chùa Bà Đanh, chắc anh ấy chưa muốn về". "Sao không về ăn Tết với các cụ?". Chúng tôi đều biết là Mai Thảo còn ông bà cụ thân sinh sống ở Saigon. Nhưng tôi biết bạn tôi không muốn gặp các cụ thân sinh ngày Tết. Tôi nhớ một bữa ngày đầu năm năm trước vận quần áo đi chúc Tết tôi có tạt vào nơi Mai Thảo ở. Tết đến mà căn phòng độc thân của bạn vẫn bữa bộn, hoang vắng. Tôi định ra về bỗng Mai Thảo gọi tôi lại mà nói "P.L.P. mời nhờ tôi một việc". Chúng tôi vừa là bạn viết, vừa là bạn chơi nên xưng hô với nhau tùy tiện. Lúc thì ông ông, tôi tôi, lúc thì moi, toi không câu nệ. "Cứ nói đi" - "Sắm quần áo tôi đi với moi về thăm ông bà già. Có toi ông bà già đỡ giảng moral". Chúng tôi tới nhà ông anh Mai Thảo là nhà luật sư Nguyễn Đăng Thiện (Mai Thảo là Nguyễn Đăng Quý) ở giữa đường Phan Đình Phùng. Sau khi chúc Tết các cụ và ông bà Thiện, uống ly rượu Cointreau xong là tôi xin phép ra về. Mai Thảo cũng rút theo luôn. Khi ra xe, Mai Thảo nói: "không có toi các cụ, nhất là bà thân moi thế nào

cũng lại dục đi xem mặt đám này, đám kia. Sốt ruột lắm mà không biết thưa với các cụ thế nào?"

Sau khi biết qua tình trạng của bạn tôi Mai Thảo, về đến nhà mẹ cháu liền ghé vào tai tôi mà bảo: "Tết đến như vậy thì anh Mai Thảo anh ấy buồn lắm nhì". Nói xong rồi nhà tôi liền đi lấy chai rượu Hennessy và một căn giò mà bảo tôi: "Thôi, chịu khó đi bố. Đem đến cho anh Mai Thảo anh ấy uống ly rượu cuối năm".

Từ đó cứ Tết đến là mẹ con nó, như một cái lệ, lại chở chai rượu Tết bác Mai Thảo. Sau bao nhiêu năm xa vắng Tết năm Canh Thân 1992 - chúng tôi gặp lại bạn xưa Mai Thảo ở Hoa Kỳ; con gái tôi có thưa với bác Mai Thảo "bác thích thử rượu nào để cháu mua về bác uống" thì nó cũng là tiếp nối các truyền thống bạn bè từ mấy chục năm xưa...

Vào khoảng giữa năm 1956 khi tôi từ bỏ nghề chiến binh lợi nhuận về làm báo chí ở Tổng Tham Mưu (Saigon) thì tôi ở với Thanh Nam; lúc bấy giờ Thanh Nam có một căn nhà trong ngõ Nancy. Mấy tên trai trẻ độc thân ở với nhau. Cùng ở nhà Thanh Nam lúc ấy có Vũ Quang Ninh - Quân đốc đài phát thanh Quân Đội, nhà thơ Thái Thủy và kịch sĩ kiêm "ngâm sĩ" Hoàng Thút. Ở trước của nhà Thanh Nam là nhà họa sĩ (kiếm thi, văn sĩ) Tạ Tỵ. Ở ngoài mấy bước là nhà "sáo sĩ" Tô Kiều Ngân. Cùng ở trong con ngõ này còn có gia đình của bạn hợp ca Hạc Thành với anh em các ca nhạc sĩ Nhật Bằng - Nhật Phụng - Thế Tân - Hồng Hào.

Có thể nói đây là một cái ngõ "Văn nghệ". Vì ngoài những khuôn mặt kể trên, các nhà văn, nhà thơ, nhà kịch đến ngõ này đông đảo. Nhà Thanh Nam luôn luôn rộng mở đón tiếp anh em. Hay đến đây nhất là Đình Hùng

- Vì cùng với tác giả *Mê Hồn Ca*, có Thanh Nam, Tô Kiều Ngân, Thái Thủy, Hoàng Thư là có gần đủ mặt thành viên ban Tao Đàn: "Tiếng nói của thơ văn miền Tự Do"... Thêm vài giọng ngâm nữ như Giáng Hương - Hồ Diệp hoặc Hoàng Oanh là đầy đủ một ban Tao Đàn chính hiệu. Vui chân đến đây họp mặt ăn nhậu còn có Vũ Khắc Khoan, Phạm Đình Chương, Mặc Thu, Mặc Đỗ, Thiều Lang, Anh Ngọc,... Huy Quang (Vũ Đức Vinh) sau từ Nha Trang về Saigon cũng hiện diện trong ban Tao Đàn. Một buổi tôi gặp một người bạn mới trong cuộc họp bàn về việc dựng lại kịch thơ ở Saigon. Anh em định dựng hoặc Lên Đường của Hoàng Cầm hoặc Bến Nước Ngủ Bờ của Hoàng Công Khanh. Người bạn mới "lưng cao dài trán rộng" dáng điệu rất văn nhân tài tử ấy là Mai Thảo một danh tiếng đang bắt đầu lòng lầy sau "Đêm già từ Hà Nội".

Người bạn mới ít nói thường nhếch mép cười nửa miệng. Nhưng khi được hỏi ý kiến lại nói rất hăng, vài sợi tóc xòa xuống vầng trán rộng, tay chém vào không khí. "Tôi nghĩ là không nên diễn lại những vở kịch đó, dù nó có giá trị, nhưng giá trị đó là của một thời đã qua. Tại sao chúng ta không diễn kịch của chúng ta. Kịch hôm nay và bây giờ. Chúng ta phải có kịch của thời đại chúng ta chứ?".

Đó là lần đầu tiên tôi nghe thấy cụm từ "văn nghệ hôm nay" "văn nghệ bây giờ". Vài năm sau nó thường xuyên xuất hiện trên Sáng Tạo. Mai Thảo và những người bạn của anh trong nhóm đã quyết tâm thổi một luồng sinh khí mới vào văn học Việt Nam. Sự hiện diện của nhóm Sáng Tạo là sự kiện đáng kể nhất trong 20 năm Văn học miền Nam. Có nhiều ý kiến về nhóm Sáng Tạo nhưng chắc không ai phản đối từ khi có nhóm Sáng Tạo, thơ văn miền Nam lạ hơn, mới hơn. Một nhóm nghiên cứu Văn học ở Pháp mới đây (trong *Propos recueillis*) khi nhìn về 20 năm Văn học miền Nam đã cho rằng nhóm Sáng Tạo đã có đóng góp lớn là đem lại cho văn chương miền Nam một thẩm mỹ mới, một nhạc tính mới.

Riêng về sân khấu, vì chủ trương không diễn kịch cũ mà phải có kịch của "thời đại chúng ta" nên những năm sau đó miền Nam đã có những kịch bản mới như *Bão Thờ Đại* của Trần Lê Nguyễn, *Sân khấu của Đường Kiền* - *Bão Loạn của Tinh Vệ*, ba chị em của Tranh Tâm Tuyền, *Thành Cát Tư Hãn* của Vũ Khắc Khoan v.v... (chỉ kể một số tác giả quen biết...). Tôi nghĩ chủ trương "Văn nghệ hôm nay" "Văn nghệ thời đại" mà Mai Thảo chủ trương trong nhóm Sáng Tạo đã không những tác động đến các thành viên trong nhóm mà nó còn là một chất xúc tác khiến cho những đoàn, nhóm, văn nghệ khác cũng đua nhau sáng tác, tạo nên một diện mạo đặc biệt của thi văn, nhạc, họa miền Nam. Theo nhà văn đồng thời là nhà nghiên cứu Văn

học Võ Phiến, tác giả "văn học miền Nam tổng quan" thì Văn học chế độ Xã Hội Chủ Nghĩa hiện thời không công nhận Văn học miền Nam, coi như không có. Nhưng trong cuốn *Từ Điển văn học thế giới (Dictionnaire universel des littératures)* do nhà xuất bản Press Universitaire in tại Pháp đầu năm 1994 gồm trên 4000 trang từ điển này có phần dành riêng cho Văn học miền Nam 1954-1975. Điều này sở dĩ có được là nhờ những người suốt đời sống cho Văn học như Võ Phiến như Mai Thảo...

Có một bữa, ban Tao Đàn của Đình Hùng cần đến một bài thơ Huy Cận tiên chiến. Trong hành lý tôi vẫn mang theo bên mình tập *Lửa Thiêng* ấn bản lần đầu 1940 (?). *Lửa Thiêng* là một ấn phẩm tuyệt đẹp, bìa Tô Ngọc Vân, tựa Xuân Diệu,... tuy in

mãi cái thư viện bắt đầu đổ nát ấy; phải bao nhiêu công trình mới thấu thập được những danh tác như vậy, bây giờ chiến tranh tràn đến nó có thể cháy, có thể tiêu tan bất cứ lúc nào. Tôi nhìn thấy cuốn *Lửa Thiêng* của Huy Cận trên kệ sách. Xưa nay tôi vẫn khao khát tập thơ tiên chiến này. Tôi cầm cuốn *Lửa Thiêng*, ngoài bìa có triện son, mở ra xem. Cầm lòng không được tôi bỏ cuốn *Lửa Thiêng* vào trong túi quần treillis. Đây là vật tôi "thổ phỉ" đầu tiên trong cuộc đời lính tráng. Sau đó thấy sách quý rơi vãi đầy nhà, tiếc của Trời tôi lượm mấy cuốn từ điển, mấy cuốn sách học cho vào một cái "sac marin" gửi về cho em tôi P.L.T. đang đi học ở Hà Nội...

Một bữa Mai Thảo đến nhà Thanh Nam chơi, nhìn thấy cuốn *Lửa Thiêng* để trên bàn. Giật mình Mai Thảo cầm cuốn sách lên coi, nhìn kỹ dấu triện son. Mai Thảo liền hỏi Thanh Nam "vì dấu có cuốn *Lửa Thiêng* này". Thanh Nam chỉ tôi.



Phạm Đình Chương và Mai Thảo

trên giấy gió nhưng càng xata càng đẹp, càng cũ càng quý. Đây là một kỷ niệm hành quân của tôi, ghi dấu một thời đi trận miền Zone Sud ngoài Bắc. Cuối năm 1953, trong cuộc hành quân theo chiến đoàn 2 (GM2) từ Xuân Trường sang Hải Hậu (Nam Định) ra gần đến biển, đơn vị tôi dừng trận ở Quần Liêu Văn Lý. Đánh suốt buổi trưa đến chiều mới qua cầu, vào được một khu dinh cơ tòa ngang giãy dọc. Đây là khuôn viên của một gia đình rất giàu có ở thôn quê. Đặc biệt khu nhà gác trông ra sông là một gian phòng đọc sách có một thư viện nhỏ. Trái phá làm đổ một góc căn nhà gác, một số sách rơi xuống ngón ngang. Tôi nhận ra những cuốn sách rất quý, những danh tác của các tác gia cổ điển Pháp và những sách nổi tiếng của các tác gia Việt Nam đương thời. Có cả một bộ từ điển Littré, bìa da chữ vàng. Tôi nghĩ đây phải là dinh cơ của một gia đình văn học lắm. Tôi cúi âm thầm than tiếc

Tôi liền kể cho Mai Thảo nghe sự tích cuốn sách. "Có phải căn nhà gác có thư viện nhìn ra cầu phải không?". Đúng - "Có những cây bàng dọc theo bờ sông phải không?". Đúng - "Thế là nhà tôi đây ông ạ. Triện son "Nguyễn Đăng..." còn ghi ngoài bìa sách đây mà". Tôi ngượng ngùng nhìn Mai Thảo mà không biết nói sao. Mai Thảo tiếp "Ông giữ cuốn thơ này như vậy là may, vì sau đó cả khu dinh cơ ấy bị triệt hạ dấu có còn gì. Đây là di vật còn lại không ngờ của căn nhà cũ..." Tôi có ý định hoàn trả lại Mai Thảo cuốn *Lửa Thiêng* nhưng Mai Thảo nhất định "Ông phải giữ cuốn thơ này làm kỷ niệm".

Sau đó trong Sáng Tạo (bộ cũ) Mai Thảo viết một thiên tùy bút đặc sắc "Căn Nhà Vùng Nước Mặn", Mai Thảo nói rằng vì tôi gợi nhớ nên Mai Thảo mới viết thiên tùy bút này. Chúng tôi cũng gần gũi nhau từ đấy...

Những cuốn sách học, từ điển mang triện son "Nguyễn Đăng" của gia đình Mai Thảo do tôi gửi về trong chiếc "sac marin" từ miền biển Quần Liêu - Văn Lý (Nam Định) đã là hành trang rất quý đối với em tôi P.L.T., tên học trò nghèo ở Hà Nội. Sau này di cư vào Saigon, em tôi mang "hành trang" ấy đi luôn. Nó thân thiết với em tôi suốt những ngày đi học - từ trung học và sau lên Đại học. Em tôi có ước mơ trở thành một thầy giáo dạy Văn - nhưng không ngờ, sau này chiến sự cũng hút nó luôn vào Quân Đội.

Mới đầu, P.L.T. không biết "Nguyễn Đăng..." là ai. Em tôi chỉ quý những cuốn sách như một phương tiện giúp nó học hành, thi cử - Nhưng khi biết Nguyễn Đăng Quý là Mai Thảo nhất là khi đọc tùy bút "Căn nhà vùng nước mặn" những cuốn sách kia đã trở thành kỷ niệm thiết thân của P.L.T.. Nó ghi dấu một quê hương đã xa, đã mất, một thời kỳ học trò nghèo vất vả ở Hà Nội; Cho nên trong cuộc di tản đau thương trước ngày 30-4-1975 trong muôn ngàn thứ không biết bỏ cái gì, mang đi cái gì, em tôi đã đem theo cuốn

từ điển có triện son Nguyễn Đăng sang Mỹ. Đầu thập niên 80 khi Mai Thảo vượt thoát được tới định cư ở Santa Ana, Cali, em tôi P.L.T. đã mời Mai Thảo về chơi nhà nó ở San Diego. Một lần nữa, Mai Thảo lại nhìn thấy triện son "Nguyễn Đăng..." trên cuốn từ điển. Em tôi P.L.T. có nói lại rằng Mai Thảo đã ngỡ ngàng lắm, đã bồn chồn lắm khi nhìn lại cuốn sách xata... Không biết Mai Thảo đã suy nghĩ, đã liên tưởng những gì mà Mai Thảo bỗng hỏi em tôi "Bao giờ gặp lại P.L.P.?". Hồi để mà hỏi thôi vì sau đó Mai Thảo thờ dài. Có thể hiểu tiếng thờ dài này vì khi vừa đến đảo ở Pulau Besar năm 1978, Mai Thảo viết thư sang Mỹ đã ghi "Những bạn bè chưa đi được của chúng ta... hãy biết vẫn tất là không hi vọng được thấy họ nữa..." (1).

Nhưng mà chúng tôi đã gặp lại nhau đầu Xuân 1992. Những chuyện tưởng rằng không thể xảy ra đã xảy ra. Không ai ngờ bức tường Bá Linh sụp đổ. Không ai ngờ đế quốc Số Viết tan tành. Cũng không ai ngờ những tên "tử tù" tưởng sẽ mục xương trong số rừng u tối, bây giờ đây đang được HO đi Mỹ hay là ODP đi Úc... Trong bữa tiệc tẩy trần ở San Diego, P.L.T. đã nâng ly mà thưa với Mai Thảo: "Khí anh đến đây lần trước, cũng đã hơn 10 năm rồi anh có hỏi: Bao giờ gặp lại P.L.P. Em không dám trả lời anh; Bây giờ không ngờ lời thăm hỏi mà cũng là lời cầu chúc của anh đã thành sự thực. Em xin cảm ơn anh và xin mời anh ly rượu hạnh ngộ này" P.L.T. đối với Mai Thảo, không những có sự trân trọng trước một nhà văn học hàng đầu - mà còn có sự chân tình thân quý như đối với một người anh lớn.

(1)Thư cho VL.

Khởi Hành số 16 (23) Tháng Hai, 1998

Cột điện đầu đường lá rụng
Rào rào mái dựng mùa thu...
Lối đi là lối dương cầm
Đôi guốc mộc cần phòng
trừu tượng..

Bài này cũng chưa ra khỏi ảnh hưởng của bài thơ thời trước "Gió thổi mùa thu về Hà Nội". Thơ Mai Thảo hay nhưng anh chưa tạo được cho mình một thế giới riêng - một phong cách riêng, dấu ấn đặc biệt của nhà thơ đứng nghĩa. Mai Thảo còn đang trên đường đi tìm một bản sắc. Tôi gọi Mai Thảo là nhà thơ bất toàn, thoát tiên là vì như vậy.

Nhưng sự "bất toàn" của Mai Thảo, theo tôi, được tìm thấy nhiều nhất ở nội dung những gì Mai Thảo viết ra. Cả văn, lẫn thơ Mai Thảo đều nhận chịu một sự phân ly khác khoải. Ý chí của Mai Thảo, tuyên ngôn của Mai Thảo là phải bằng mình lên phía trước, làm một cuộc đối mặt toàn diện cho văn chương, thực hiện, "văn nghệ hôm nay" nhưng những gì Mai Thảo viết ra hay nhất, tinh túy nhất lại thuộc về quá khứ. Mai Thảo là nhà văn, nhà thơ của hoài niệm (un passéist). Những tác phẩm đáng kể nhất của Mai Thảo: Đêm già từ Hà Nội, Tháng giêng cô Non... là ảnh tượng tự trên cao nhìn về một thành phố thân yêu đã mất - hoặc ở xa nhớ về một mùa Xuân chỉ có trong hồi tưởng. Chính Mai Thảo, trong vô thức đã nhận ra sự bất lực, nằm trong sự mâu thuẫn không phương giải quyết của tâm hồn mình khi Mai Thảo viết trong bài tử tuyệt: Thưa: (Ta thấy hình ta những miếu đền)

Một vầng trời cao đứng bóng
trưa

Nhìn lên bỗng thấy nắng mây
hứa

Thưa thêm ta nữa, tâm tiên
tiên

Mà khối đau buồn rất cổ
xưa".

Cái đau buồn rất cổ xưa mà Mai Thảo đeo đẳng như một số mệnh đã ngăn cản cái tâm tiên tiên. Cả một đời văn chương Mai Thảo vung vẩy trong cái khoảng phân ly ấy. Già rồi, Mai Thảo mới chính thức làm thi sĩ, và nhận thấy mình bất lực. Bất lực là một dạng thức của sự bất toàn.

Bây giờ khi tôi viết những giòng này, bạn tôi Mai Thảo đang hấp hối. Nhưng mà yên tâm đi bạn ta. Bạc tiễn tài của thi văn nước ta, Nguyễn Du, thế kỷ 18, trước khi từ già cõi đời cũng nghĩ rằng Người không đủ sức nói lên cái tâm sự bi thiết của mình cho hậu thế. Cho nên người mới viết:

Bất tri tam bách dư niên hậu
Thiên hạ hà nhân khấp Tố
Như Không biết 300 năm sau, có
ai khóc cho Tố Như không?

Về văn thơ, về cái đẹp... hay nói chung về thẩm mỹ thì mỗi thời gian, không gian, mỗi con người lại có một tiêu chuẩn riêng, không ai giống ai mà cũng không ai bắt buộc được ai,



"nhân tâm tùy thích". Trong hàng hàng lớp lớp tác phẩm của Mai Thảo, có cuốn được chuyển thành phim ảnh, có cuốn được in đi in lại 5, 7 lần... những riêng tôi trước sau chỉ thích "Tháng giêng cô non". Từ giữa thập niên 50, ngay từ tác phẩm đầu tiên "Đêm già từ Hà Nội" Mai Thảo đã nổi tiếng ngay. Đây là tiếng than dài sau một cuộc phân ly bất buộc, là vết thương còn rỉ máu trong tâm hồn mọi người sau hiệp định chia đôi đất nước 1954. Nó phần nào thuộc về "thời sự". Mấy năm sau khi vết thương xưa đã kín miệng, cuộc sống đi cư đã đi vào nền nếp, miền Bắc, miền Nam trên thực tế đã thành hai chính thể khác biệt nhau, người di cư mới nhận ra rằng miền quê tưởng là "lạ thời" đời bỏ, bây giờ đã trở thành miền đất nhớ thương không biết ngày nào trở về. Thời sự đã trở thành hoài niệm. Như đã nói, Mai Thảo là người viết về hoài niệm rất hay. Thời gian đã làm cho hoài niệm càng ngày càng sâu lắng. Trong "Tháng giêng cô non" có những ngày đầu nỏ nức đi kháng chiến, bạn bè của một thủa "đầu đời lãng mạn", quê hương đã rời tan nát trong "vành đai trắng", "người thiếu nữ áo cổ vuông" không biết là người yêu hay là người bạn... tất cả thấp thoáng, nhạt nhòa ẩn hiện như những vết lằn tinh chợt sáng, chợt tắt trong tiềm thức bóng đêm. Vùng kỷ niệm đầy ấn tượng ấy là một cõi riêng đặc sắc của Mai Thảo.

"Tháng giêng cô non" là một tập truyện; tôi vẫn nghĩ rằng "truyện ngắn" hay tùy bút của Mai Thảo hay hơn Mai Thảo truyện dài. Đọc Mai Thảo là đọc "văn" Mai Thảo hơn là đọc "truyện" Mai Thảo. Bạn tôi là một người làm thơ bằng văn xuôi; dù Mai Thảo viết bao nhiêu truyện dài chẳng nữa, Mai Thảo vẫn không phải là người viết tiểu thuyết đúng nghĩa. Tôi không nhớ rõ năm nào, hình như vào đầu thập niên 60 thì

TRẦN TRỌNG SAN NGẪU VINH TRUYỆN KIỀU

Màn gấm buồng lơi, nén tò mớ,
Ấy đêm ong cũ gặp hoa xưa.
Có phải cành vàng treo giá ngọc,
Hay là hoa rữa cột ong tơ ?
Mười lăm năm mới ... , làm sao thoát ?
Bảy tám vành quen, chẳng lẽ khờ ?
Tri kỷ cũng là tri kỷ vụn :
Mã, Tử, Thúc, Sở lẫn trong mơ.

Chỉ trách trời xanh, chẳng trách mình;
Hồng nhan đầu hắt kiếp lênh đênh.
Đoạn trường đàn trước vang lên tiếng,
Bạc mệnh mơ kia mới hiện hình.
Luẩn quẩn đường ma cùng lối quỷ,
Ngậm ngùi son phấn với tài danh.
Ầm ầm sóng nghiệp rung xô biển,
Cõi thế muôn đời vẫn tịnh thanh.

phải, Mai Thảo có đưa tôi đọc một thiên tùy bút "Bản chúc thư trên ngọn đỉnh trời". Theo như cách bạn tôi gãi gắm, Mai Thảo đã đặt nhiều tâm lực vào thiên tùy bút này. Vài bữa sau gặp lại, Mai Thảo hỏi "Sao?" về nao nức hiện ra trong ánh mắt. Tôi không trả lời ngay được, bởi vì tôi không cảm nhận được những "tín hiệu" ấy. Tôi không có chút kinh nghiệm nào về những chuyện đi xa như thế, những miền đất ấy hoàn toàn xa lạ với tôi, một "ngọn đỉnh trời" hay là một "miền tuyết phủ". Tôi không phải là một nhà phê bình, nên cái "bằng tần" của tôi chỉ đón nhận được những tín hiệu trong cùng tần số. Cho nên tôi đã trả lời bạn "công phu thì có nhưng không "thủ" bằng "Chuyến tàu trên sông Hồng". Theo tôi "Chuyến tàu trên sông Hồng" mới là tùy bút đáng ghi nhớ nhất của Mai Thảo.

"Hình dung thấy con tàu đó trên con sông đó. Con sông Hồng Hà. Như dòng máu đỏ tươi chảy băng băng khắp vùng trí nhớ băng khuâng...". Tiếng còi tàu vang vọng hai bên bờ kỷ ức, gọi dậy những kỷ niệm. "...nhắm mắt lại mà theo dõi cái âm thanh không bao giờ mất ấy trong dòng hồi tưởng... Thấy về ra trước mắt con tàu cũ, cái bến xưa, và tất cả những ảnh hình tuổi nhỏ chơi với như một cánh bướm ma ẩn ẩn hiện hiện trong sương mù quá khứ... Tôi cảm nhận được "Chuyến tàu trên sông Hồng" bởi vì tôi cũng đã có một thời, xách cái valise ọp ẹp, từ tỉnh lẻ Sơn Tây ra Hà Nội, đi theo tiếng gọi của tiếng còi xe hơi trên đường cái quan - cũng như tiếng còi tàu thủy của Mai Thảo, hay tiếng còi xe hỏa của Tế Hanh - đến những bến bờ xa lạ của cuộc đời.

Đầu xuân 1992, tôi gặp lại bạn xưa Mai Thảo khi bạn từ Santa

Ana đi xe lửa về San Diego chơi với tôi. Kỳ này Mai Thảo có mang theo cho tôi cuốn thơ "độc nhất" trong cuộc đời sáng tác của bạn "Ta thấy hình ta những miếu đền". Nhận cuốn thơ, tôi cười mà thứa với bạn "Ít ra, tôi cũng nói đúng một điều. 25 năm trước (1967) trong Văn Đê số ra mắt, nhận định về Mai Thảo, tôi đã nói bạn là nhà thơ trước khi là nhà văn"...

Vừa là bạn viết vừa là bạn chơi sau 17 năm xa cách, nên chúng tôi có nhiều chuyện để nói với nhau; chuyện cũ, chuyện mới, bạn xa, bạn gần, bạn chết, bạn sống... Chưa kịp đọc kỹ cuốn thơ "độc nhất" của bạn - mới feuilleter qua loa. Tôi nghiệm ra một điều "độc thơ, tùy theo tâm cảnh mà lúc thì thích bài thơ này, lúc lại thích bài thơ khác".

Bữa ấy, thấy tôi đang đọc "Ta thấy hình ta những miếu đền" Mai Thảo giống như xưa lại hỏi "Sao?". Kỳ này tôi dễ dàng hơn trước bởi vì khi đọc tập thơ độc nhất của Mai Thảo tôi nhận ra ngay những tín hiệu thân quen.

Trước đây ngày còn ở Saigon khi "phùng trường tác hí" với nhau, có một Mai Thảo trước khi uống rượu và sau khi uống rượu khác hẳn nhau. Khi chưa uống Mai Thảo là một gã lì lợm khùng, dửng dưng, nguội lạnh. Nhưng khi rượu vào rồi thì lại là một Mai Thảo bông lơn, đùa đùa, điệu điệu; những chuyện "không ra cái đích gì" theo giọng điệu Mai Thảo lại trở nên có duyên kỳ lạ. Như chuyện "chỗ đất" sau đây:

Đặt tay vào chỗ không thể đặt
Vay mà đặt được chẳng làm
sao

Mười năm gặp lại trên hè phố
Cười tùm cùn thương chỗ đặt
vào.

Không phải ai cũng đặt được như vậy và cũng không phải ai cũng nói ra được cái chuyện "khó nói" ấy ra. Đây cũng là điều để hiểu khi Mai Thảo nổi tiếng

phong lưu, tài tử, đã có trong tay những sắc đẹp rực rỡ nhất của Saigon. Mai Thảo đùa với người đẹp, với cuộc đời, đùa cợt ngay với thân kịch của chính bản thân mình nữa. Nghe nói lại, giữa thập niên 80, thấy mỗi ngày một gầy đi, xuống cân thấy rõ, Mai Thảo được một người bạn thân làm thầy thuốc kéo đi khám bệnh. Khám xong thầy Mai Thảo có ung bướu trong người:

Mùa đông đã tới mùa tê thấp
Lại ung đầy thân bất toại từ
Giải nặng ung thư mùa hạ trước

Đã hủy xong phần lục phủ hư...

Mấy chục năm nọt chề, văn nghệ, văn giang đã để lại cho Mai Thảo một lục phủ, ngũ tạng như thế. Người bạn thầy thuốc đề nghị nghỉ uống rượu, và định ngày lên bàn mổ. Nhưng Mai Thảo cảm ơn người bạn thầy thuốc mà nói rằng: "Mai Thảo mà thôi uống rượu thì cuộc đời này còn ra cái mẹ gì nữa". Và vẫn tiếp tục uống; Mai Thảo uống nhiều hơn ăn. Đối với căn bệnh trầm kha trong người, Mai Thảo đề nghị một cuộc hui chiến, Mai Thảo đồ dành:

Mỗi lần cơ thể gây thành chuyện

Ta lại cùng cơ thể chuyện trò
Đổ nó chớ gây thành chuyện lớn

Nó nghĩ sao rồi nó lại cho
Bệnh ở trong người thành bệnh bạn

Bệnh ở lâu dài thành bệnh thân

Gối tay lên bệnh nằm thanh thân

Thành một đôi ta rất đá vàng.

Cái trầm luân của kiếp người là do sinh, lão, bệnh, tử mà ra. Bây giờ bạn tới "coi như pha" hết. Mai Thảo làm thân với bệnh, với nỗi chết gần kề. "Gối tay lên bệnh nằm thanh thân, thành một đôi ta rất đá vàng". Đối với Mai Thảo, như thế là mọi sự đều vô nghĩa. Ngày xưa Mai Thảo nhất định sống một mình, không gia đình, không vợ, không con "để moi thử sống một đời với nghệ thuật xem sao?". Bạn muốn xem nó ra sao - bây giờ nó hóa ra như thế

Mai Thảo nọt vào là "nổ" chuyện. Trước khi uống thì lừ đừ... cay miệng không ra lời, chén chủ chén anh vào rồi là vùng vút. Những lúc ấy là "nọt nọt" không hẳn đã là Mai Thảo nói. Người ta kêu bằng "bốc đồng". Bài thơ "Ta thấy hình ta những miếu đền" là một cơn bốc đồng. Tôi có nói với bạn tôi như vậy. Mai Thảo cảm lý nọt xoay xoay, cười cười... Năm ấy 1992 tôi vừa ở Việt Nam đi ODP sang Úc rồi sang chơi bên Mỹ, tâm hồn tôi còn u ám về dĩ vãng, về những tháng năm rùng rợn và qua nền độc thơ bạn... tôi cảm nhận bằng cái tâm cảnh ấy. "Ta thấy hình ta những miếu đền" với tôi chỉ là một cơn say. Ở với Cách Mạng "tù trong cũng

như tù ngoài" cơm đâu có mà ăn, lấy gì mà say - mà say sao nổi. Cho nên tôi đã rất thích bài Quê Nhà:

Cơm thừa mỗi sáng quăng thùng rác

Tay quăng từng khi bỗng ngại ngần

Mẹ dặn hạt cơm là hạt ngọc

Mẹ già không có miếng cơm ăn

Đây là tâm sự thật, rất thật của tác giả. Ít ra Mai Thảo cũng đã có 3 năm ở lại với Cách mạng, đã trốn chui trốn nhui ở thành phố "Hồ Chí Minh rực rỡ tên vàng"; rực rỡ như vậy nhưng dân thì ăn bo bo, ăn sán, ăn khoai... còn không đủ, lấy đâu cơm trắng mà ăn. Cơm trắng là một cái gì xa xỉ, là một giấc mơ không với tới của mọi người.

Thế mà bây giờ ở đây "cơm thừa mỗi sáng quăng thùng rác" - Không ở với Cách Mạng thì không biết hạt cơm nó quý như thế đâu. Hai cụ thân sinh ra Mai Thảo vốn ở lại Việt Nam. Mai Thảo một phút nhớ quê nhà, nhớ cha, nhớ mẹ nên mới có những câu thơ ấy "Mẹ dặn hạt cơm là hạt ngọc - Mẹ già không có miếng cơm ăn". Đối với người khác, sự khó khăn, khó khăn khi ở với Cách Mạng là phần số... Nhưng đối với các cụ thân sinh ra Mai Thảo "mẹ già không có miếng cơm ăn" nó thấm thiết hơn nhiều. Tôi vì một sự tình cờ đã qua vùng Hải Hậu (Quần Liêu - Văn Lý) đã nhìn thấy dinh cơ của các cụ, tòa ngang dãy dọc; trong nhà có hẳn một thư viện "Nguyễn Đăng" nên câu thơ nó đi thẳng vào tâm hồn tôi.

Trong những khi trò chuyện Mai Thảo có cho hay ngày xưa bạn bè ở Hà Nội, nghỉ hè hay là Tết kéo nhau về "căn nhà vùng nước mặn" lủ lượm, nghỉ ngơi, chơi đùa, học hành, ăn ngủ ở đây. Không phải chỉ có bạn của Mai Thảo mà thôi - còn có bè bạn của các anh Nguyễn Đăng Thiện, Nguyễn Đăng Viên, Nguyễn Đăng Khánh nữa. Gia đình Nguyễn Đăng là một "đại gia" ở miền này. Trong gia đình Nguyễn Đăng ai cũng làm ăn chân chỉ, người làm luật sư, người làm tỉnh trưởng, người làm giáo sư... chỉ có Mai Thảo Nguyễn Đăng Quý là "lãng tử"... Mai Thảo đã đi ra ngoài cái nền nếp gia đình để làm "nhà văn". Cũng theo lời Mai Thảo kể lại thì vùng Quần Liêu - Văn Lý, nơi có dinh cơ của các cụ chỉ là quê mới của gia đình Nguyễn Đăng, nơi các cụ đến làm ăn, sinh cơ lập nghiệp. Quê chính của dòng họ Nguyễn Đăng là ở làng Thổ Khối - Bắc Ninh "quê hương quan họ". Hai cụ thân sinh ra Mai Thảo đến ngụ cư ở Hải Hậu từ hai bàn tay trắng mà dựng nên cơ nghiệp như thế, chắc các cụ đã phải làm ăn cần kiệm, khó nhọc thu vén suốt cả một đời. Khi khá giả, giàu có rồi, các cụ vẫn dạy con "hạt cơm là hạt ngọc". Bây giờ già, con cái tán nát bốn phương, gần đất xa trời "mẹ già không có miếng cơm ăn".

Hoài niệm của Mai Thảo, vẫn cũng như thơ đều âm u, trỗi tình,

khắc khoải phần nào giống như những đoạn văn viết trong cơn mộng "Đi tìm thời gian đã mất" (A la recherche du temps perdu) của M.Proust. Ngày ấy tâm hồn tôi như vậy nên tôi cảm nhận văn thơ bạn như vậy. Tôi không có với Mai Thảo những kỷ niệm khi bạn ở Mỹ nên một số thơ trong "Ta thấy hình ta những miếu đền", tôi không chia sẻ được. Nhưng qua mấy lần thăm viếng bạn ở trên căn gác nhỏ vùng Westminster. (Little Saigon 1992) đọc những trang viết về bạn, nhất là bản thân cảm nghiệm cuộc sống người già nơi "đất khách" tôi mới dần dần thấm thía những văn "độc thoại" của bạn. Tôi gọi là độc thoại bởi vì những văn thơ ấy toát ra một sự cô đơn kỳ lạ; dù sống ở một nơi đông hội, ngựa xe như nước nhưng Mai Thảo vẫn hình như sống trong một cõi riêng, nhứt nguyệt đều xa vắng, chỉ có "mình" nói chuyện với "mình".

Chế lấy mây và gây lấy lấy nắng

Chế lấy đừng vay mượn đất trời

Để khi nhứt nguyệt đều xa vắng

Đầu thêm vẫn có ánh trăng soi

Cõi nhân gian như vậy chỉ có mình ta. May ra chỉ còn ánh trăng soi rọi - ánh trăng âm thầm chiếu một cái bóng chênh vênh, nửa say nửa tỉnh từ một phố thị nào đi về căn gác nhỏ đêm khuya.

Mai Thảo vẫn như người ta, vẫn sống, vẫn nhìn ngắm cuộc đời nhưng có thấy gì đâu. Một cái nhìn hướng ra bên ngoài nhưng thật ra đó là một cái nhìn quay ngược vào bên trong. Cái nhìn "trắng", "khô" và trống rỗng. Đành trở về với số phận mình:

Đăm đăm cặp mắt mở mơ hồ
Ngó trắng vô hình cái ngó khó

Đầu đó mưa đêm từng tiếng thả

Từ điểm thời gian xuống đáy mồ

Đạo còn ở Saigon, cuối thập niên 60 đầu 70 thời kỳ Đem Màu Hồng, thấy Mai Thảo và Hoài Bắc Phạm Đình Chương đêm nào cũng gặp nhau uống rượu mà mặt mũi đăm đăm... tôi đã rất thích câu văn của Mai Thảo "chúng tôi thân với nhau trong một tình thân thiết rất buồn rầu". Không gặp nhau thì buồn, thì nhớ... nhưng gặp nhau rồi lại "chán quá không có chuyện gì mà nói với nhau". Thế là lại lủ lượm uống rượu hết lý này sang lý khác. Buồn như thế, chán như thế nhưng mà vẫn cần có người bạn ấy ở bên. Bây giờ những năm sau 1991, ở Mỹ, Hoài Bắc Phạm Đình Chương mất rồi - Mai Thảo thường uống rượu một mình - Người sành sỏi thường nói rằng: "Không gì buồn bằng 'độc ẩm'". Không phải là uống rượu mà uống nỗi buồn tro trọi của mình:

Ngồi tượng hình riêng một góc quây

Tiếng người: kia uống cái cùi đây...

Uống ư? một ngụm chiều rơi lệ

Và một bình đêm giót rất đầy
Cái "bình đêm" ấy là một nỗi cô đơn, uống mãi mà không với, không cạn. Đó là tình trạng Mai Thảo những năm gần đây ở Mỹ. "Để moi thử sống một cuộc đời với văn nghệ xem sao". Câu nói ấy theo sát cuộc đời Mai Thảo. Không gia đình, không vợ, không con... sống suốt một đời với văn chương, nghệ thuật để rồi... "thất thập cổ lai hi..." nơi quê người, đất khách hiện ra số phận của một "Người Việt mướn"

Những trang đời viết còn dang dở

Sẽ có bàn tay ấy viết dùm

Ngón cái sang trang và ngón út

Viết giòng vuốt mắt phút lâm chung

Hôm từ biệt Mỹ để về lại Úc (tháng 4-1992) chúng tôi đi từ San Diego lên sân bay Los Angeles. Phải qua vùng Santa Ana. Khi còn ở San Diego Mai Thảo hứa xuống chơi với chúng tôi một lần nữa nhưng phút cuối Mai Thảo kêu đau chân không đi được. Qua Little Saigon "mẹ cháu" với nỗi "Rẽ vào chào anh Mai Thảo một tí chứ". Xe quẹo vô khu nhà chúng cư ấy - Nhìn lên cái cửa sổ trên lầu thấy cái rideau vẫn mở. Dấu hiệu Mai Thảo có nhà. Vợ chồng chúng tôi, vợ chồng con gái tôi kéo lên. Cái lầu của Mai Thảo có "chút xíu à" chật ẻm, nào tranh, nào sách, nào giường, nào toilet, nào frigidaire, nào ấm đun nước, bình pha cà phê lính kình. Lúc ấy Mai Thảo lại đang có khách. Có ông bạn "Người Việt Đố Ngọc Yến" và nhà văn trẻ Thế Giang (nếu tôi nhớ không nhầm). "Tụi tôi về Úc hôm nay đây, rẽ qua "say good bye" với bạn". Thấy nhà chật không tiện ngồi lâu, chúng tôi đi xuống. Mai Thảo xuống theo, vội vàng cứ đi chân không mà cùng chúng tôi ra car park. Tôi đã lên xe rồi Mai Thảo còn cầm tay tôi mà nói "Tụi mình cũng không còn được bao lâu nữa đâu - Có dịp nào thì phải cố mà gặp nhau đấy nhé..."

"Không còn được bao lâu nữa đâu" nhưng tôi nghĩ cũng không nên vội vã. Dăm mười năm thì chắc vẫn còn có thể. Nhưng mà không ngờ từ dạo ấy đến nay đã quá 5 năm rồi mà tôi chưa có dịp nào trở lại thăm đất Mỹ. Cũ lần lần lữa lữa... Trong lúc đó nghe tin ở Mỹ nơi này nơi kia tổ chức chương trình Mai Thảo... đêm Mai Thảo. Có nơi anh em đức tôi viết về Mai Thảo nhưng tôi nghĩ "củ từ từ"...

Nhưng mà từ từ... không được nữa rồi. Bạn tôi Mai Thảo tháng trước đây "bất tỉnh" phải đưa ngay vào nhà thương cấp cứu. Cái cơn bệnh trong người nó "gây thành chuyện" mất rồi. Tôi với viết những giòng này mà nghĩ không biết có kịp hay không? Mai Thảo chỉ còn thời thọ. Bây giờ tôi mong ước một điều "Tình lại đi Mai Thảo, tình lại đi Mai Thảo".

Nhưng một sớm cuối năm Đinh Sửu, bạn tôi Mai Thảo đã ra đi, không bao giờ tình lại... ■

PHÂN ƯU

Được tin nhà văn

MAI THẢO

pháp danh Minh Tâm

Từ trần ngày 10 - 1 - 1998
tại California, Hoa Kỳ.

Hưởng thọ 71 tuổi

Xin chân thành phân ưu cùng Tang Quyển,
nguyện cầu hương linh Anh phiêu diêu miền cực lạc.

VĂN BÚT VIỆT NAM HẢI NGOẠI

Chủ Tịch

Đặng Văn Nhâm

Ban Chấp Hành Trung Ương Và Toàn Thể Hội Viên

Được tin nhà văn

MAI THẢO

pháp danh Minh Tâm

Từ trần ngày 10 - 1 - 1998
tại California, Hoa Kỳ.

Hưởng thọ 71 tuổi

Xin chân thành phân ưu cùng Tang Quyển,
nguyện cầu hương linh Anh phiêu diêu miền cực lạc.

Trung Tâm Văn Bút Quebec

Chủ Tịch

Trang Châu

Ban Chấp Hành Và Toàn Thể Hội Viên

YÊU VĂN HỌC ■ MỜI ĐỌC VÀO MỖI GIỮA THÁNG

Khởi Hành

TẠP CHÍ SÁNG TÁC SINH HOẠT VĂN HỌC NGHỆ THUẬT
PHÁT HÀNH QUA ĐƯỜNG BƯU ĐIỆN ■ GIÁ 2 MỸ KIM MỘT SỐ

Khởi Hành 15, Tháng 1-1998, đã phát hành: NGÔI THIÊN Ở HÀ NỘI VỚI PHÙNG QUÂN của Nguyễn Hữu Hiệu ■

Câu Đối của Nguyễn Hữu Đang ■ Ba truyện ngắn Nguyễn Sỹ Tế ■ Nguyễn Đạt ■ Đặng Văn Âu ■ Thơ Mặc Thu ■ Vương Đức Lệ

■ Phan Nhật Nam ■ 17 Tấm Hình tác giả, tác phẩm ■ Hoa Ngọc Dung

Khởi Hành 14/13, Tháng 11/12-1997: ĐI CẢO VŨ ĐÌNH LIÊN ■ CÁI CHẾT CỦA THỰC VŨ Ở SƠN LA ■ Bài vờ của Trần Trọng San ■ Mặc Thu

■ Viên Linh ■ Lâm Lê Trinh ■ Trần Văn Nam ■ Bùi Giáng ■ Tạ Tỵ ■ Trần Hồng Châu ■ Huy Trám ■ Hoàng Ngọc Liên ■ Lê Trọng Nguyễn ■ Trần Lam

Giang ■ Nguyễn Hải Chi ■ Nguyễn Tà Cúc ■ Khúc Lan ■ Lưu Văn Vĩnh ■ Vương Nguyên ■ Sir Conan Doyle: Hồn Ma Lenin ở Luân Đôn

Khởi Hành 12: MỘT GIỜ VỚI THIÊN SƯ NHẤT HẠNH ■ Tưởng Niệm Bà Lan ■ Kỷ Niệm Với Phùng Cung của Nguyễn Chí Thiện

■ Đạo Phật tại Hoa Kỳ của Tuệ Pháp ■ Thiên Hành ở Phúc Kiến của Chơn Không ■ Thơ Vương Đức Lệ ■ Hồ Minh Dũng ■ Linh Linh Ngọc ■

Khởi Hành 11: HỮU LOAN, phỏng vấn, tâm sự và toàn văn bài Mầu Tim Hoa Sim ■ Với Đỗ Khánh Hoan ■ Vũ Đình Trác

■ Trần Văn Nam ■ Trần Trọng San ■ Nguyễn Sỹ Tế ■ Trang Châu ■ Vũ Hữu Định ■ Tinh Sử Trung Hoa ■

Khởi Hành 10: SINH NIỆM NHÀ VĂN MAI THẢO Mặc Thu: Những Ngày Chợt Của Mai Thảo Ở Sài Gòn ■ Tạ Tỵ: Buồng Tay

■ Phan Tấn Hải: Với Nhà Văn Mai Thảo ■ Viên Linh: Mai Thảo Riêng Tôi ■ Cùng với Phan Lạc Tiếp: Cây Na

■ Phạm Duy: Nói Thêm Về Văn Cao ■ Nguyễn Tà Cúc: Tô Thủy Yên, Nhà Thơ

Khởi Hành 9: Văn Cao, Giấc Mơ Một Đời Người ■ Bài vờ của Kỳ giả Lô Răng Phan Lạc Phúc ■ Trần Trọng San ■ Hoàng Hải Thủy

■ Hồ Minh Dũng ■ Hà Thúc Sinh ■ Minh họa Phạm Hoàn.

Khởi Hành 8: Cuộc Đời Thanh Nam, Bài vờ của Mặc Thu ■ Vũ Đức Vĩnh ■ Nguyễn Thiếu Nhân ■ Viên Linh ■ Hồ Trường An

■ Lê Tất Điều ■ Thơ W. Szymborska ■ Lưu Nguyễn.

Khởi Hành 7: Vụ Thủ Tiếu Khải Hưng Năm 1947, bài của cựu thuyền trưởng Phạm Ngọc Lũy ■ Thơ Vương Đức Lệ gửi từ VN ■ Phòng

Tuyển Truyền Địa Ngục: Di cảo của nhà văn Phùng Cung ■ Truyện dịch Đỗ Khánh Hoan ■ Truyện Ma do Các Văn Hào Viết:

Luigi Piradello, Nobel 1934: Ngôi Nhà Có Ma

Khởi Hành 6: Tưởng Niệm Chu Tử với Mặc Thu ■ Viên Linh ■ Ba Cái Chết Sau 30 Tháng Tư: Lô Răng Phan Lạc Phúc

■ Trần Lâm Giang: Thơ Chữ Hán Nguyễn Du ■ Đào Mộng Nam: Hai Con Hạc Trắng, Tinh Sử Trung Hoa.

Khởi Hành 5: Kỷ Niệm Với Bình Nguyên Lộc. Kỷ Niệm Với Đình Hùng. Bài vờ của Hồ Trường An ■ Thái Văn

Kiểm ■ Cung Trầm Tưởng ■ Trần Văn Nam ■ Hoàng Phong Linh ■ Mặc Thu.

Khởi Hành 4: Gặp Trần Dần với Nguyễn Hữu Hiệu ■ Đoàn Thanh Liêm ■ Chiều Niệm Nhượng Tống: Phan Lạc Phúc ■ Văn Cờ Khai Xuân:

Phùng Cung ■ Chánh Ân Phú Nhân: Đỗ Khánh Hoan ■ Và Hoàng Lập Ngôn ■ Nguyễn Sỹ Tế ■ Trần Hồng Châu ■ Bùi Bích Hà ■ Huy Trám.

Khởi Hành 3: Di Cảo Phùng Quán Nguyễn Hữu Hiệu: Thác Cồn Vương Tơ

■ Truyện Ma Do Charles Dickens Viết Sỹ Tế ■ Cao Tiểu.

Khởi Hành 2: Đặc Biệt Giáng Sinh với bài vờ của Vũ Đình Trác ■ Nguyễn Hiến ■ Đỗ Khánh Hoan ■ Mặc Thu ■ Cung Trầm

Tưởng ■ Chiều Niệm Sư Già Phạm Văn Sơn của Hoàng Ngọc Liên ■ Tinh Sử Trung Hoa ■ Truyện Ma do Guy của Maupassant

Khởi Hành 1, Tháng 11-1996: Dạ Kỳ Viết Từ Hà Nội của Phùng Cung ■ Ai Đã Ra Lệnh Giết Nhượng Tống: Nguyễn Tà Cúc

■ Phỏng Vấn Bùi Văn Bảo ■ Cao Tiểu ■ Trần Hồng Châu ■ Đặng Trần Huân ■ Luân Hoàn ■ Phan Tấn Hải.

Chủ nhiệm Chủ bút: VIÊN LINH

Mua dài hạn \$24 mỹ kim một năm

Giá lẻ \$ 3.50 mk một số

Thử từ bài vờ ngân phiếu gửi về:

Khởi Hành

P.O. BOX 670

MIDWAY CITY CA 92655



MỘT NƠI CHUYÊN NGHIỆP-UY TÍN VỀ LÀM ĐẸP CHO CẢ PHÁI NỮ & NAM

AC COSMETIC SURGERY MEDICAL CENTER

Nếu Bạn Muốn Có:

- MỘT ĐÔI MẮT ĐẸP
- MỘT NÉT MŨI THANH
- MỘT CHIẾC CÀM XINH
- HAI BỜ MÔI QUYẾN RŨ
- MỘT BỘ NGỰC HẤP DẪN
- MỘT LÀN DA TƯƠI TRẺ
- MỘT CHIẾC BỤNG THON
- MỘT THÂN HÌNH LÝ TƯỞNG
- SỬA CÁC TẬT BẨM SINH..
- DÂY XÂM THẨM MỸ

Tất cả sẽ được như ý khi
đến với AC Medical Center

GIẢI PHẪU TỔNG QUÁT

Có Bác sĩ chuyên môn
Giải Phẫu chữa bệnh Trĩ,
Mạch Lươn, Cột ống dẫn
tinh, Cắt da qui đầu, cắt
bướu sữa các vết sẹo. Giải
Phẫu không đau, có kỹ
thuật gây mê an toàn. Có
thể ra về trong ngày.

Xin liên lạc cô Xuân Uyên
để được giải đáp thỏa đáng

 **(714) 848-9889**
Toll Free 1-888-842-6691
Pager: (714) 218-1561

17672 Beach Blvd., Suite A&B
Huntington Beach, CA 92647
(Giữa Slater & Talbert)

BÁC SĨ NGUYỄN DUY CUNG, M.D.

- Hội viên thực thụ Hàn Lâm Viện Giải Phẫu Thẩm Mỹ Hoa Kỳ
- Bác sĩ tham vấn Hội Giải Phẫu Thẩm Mỹ Quốc Tế (ISPARS)
- Giáo sư Danh Dự Hội Giải Phẫu Thẩm Mỹ Tây Ban Nha (SECE).
- Nguyên Giáo Sư Giải Phẫu Đại Học Y Khoa Sài Gòn.

**GIẢI PHẪU THẨM MỸ TẠI TRUNG TÂM - MÁY MÓC
TỐI TÂN - GÂY Mê AN TOÀN**

Medical Board Permit number: FNP 25036



TỜ BÁO, NGƯỜI VIẾT, BẠN ĐỌC

TÂM THƯ

Từ nay, việc hồi âm thư tín bạn đọc được trao cho *Tâm Thư*. Mục *Tờ Báo, Người Viết, Bạn Đọc* sẽ do *Tâm Thư* tôi phụ trách, trong đó ngoài việc hồi âm quý vị, mục đích thông báo là Khởi Hành đã nhận được thư quý vị, *Tâm Thư* tôi còn trả lời những thắc mắc linh tinh, nếu có.

Cũng kể từ số này, dù nhiều dù ít, mỗi kỳ Khởi Hành đều có mục Giới Thiệu Sách Báo Mới, (hay điểm sách như trên các trang đầu số này) một việc trước đây để dồn lại cả ba bốn tháng. Bất cứ sách báo nào gửi tới cho Khởi Hành, sẽ được giới thiệu với đầy đủ địa chỉ của tác giả hoặc nhà xuất bản, hầu bạn đọc có thể liên lạc. Do không thể trả lời thư riêng, mục này sẽ là nhịp cầu giữa *Tờ Báo, Người Viết, Bạn Đọc*.

—Đối với quý bạn gửi bài đăng báo, nếu bài dài quá hai trang, vui lòng gửi qua một đĩa mềm kèm theo bản in. Bài không đăng không trả lại bản thảo.

—Kể từ số đôi 13/14, Khởi Hành đã phát hành vào đúng ngày 15 tháng 12-1997. Số này là số 16, phát hành đúng ngày 15-2-1998. Đối với *Bạn Đọc Dài Hạn*, nếu 7 ngày sau ngày phát hành mà không nhận được báo, vui lòng cho Tòa Soạn biết ngay, chúng tôi sẽ gửi bù bằng tem thư hạng nhất.

—Anh QUẢNG ĐỨC (VA). Hôm tôi về Virginia có gặp NGUYỄN HỮU HIỆU. Hai anh em có nhắc đến anh. Bài Anh viết về cụ Vương đã trình bày xong, không biết có đi số này hay số sau. Mong Anh cứ cho bài tiếp.

—SƯƠNG BIÊN THỦY. Sao lại gửi bài thơ tiếng Anh? Để đọc chơi thôi. Gửi cho thơ tiếng Việt. Làm được thơ ngoại ngữ là điều rất hay.

—Anh CHỊ MAI TÁT ĐẮC - VƯƠNG HỒNG LOAN. Đi Bahama chơi là điều ai không mong? Hy vọng.

—Anh NGUYỄN QUAN HẠ (SD) Đang đọc thơ Anh. Thưa anh tôi không học trường di tản Mễ Trì, nhưng trước khi lên học ở Hà Nội thì học ở Trung học Phủ Lý.

—Anh HỒ CÔNG TÂM (MA). Cảm ơn anh đã gửi tặng tập thơ NGÀY THÁNG LƯU VONG. Sẽ cố dịp viết đến.

—Anh TRẦN THỂ PHONG (WA) Cảm ơn mọi sự. Thơ hay quá chớ. Đăng trong số này và cứ gửi tiếp. Số này, do thơ thăm dò bạn đọc, có đăng phần ý kiến ở dưới.

—Anh TUÂN HẠ (WA). Cái ông khuôn cả tập Khởi Hành của anh chạy mất là ai tôi biết rồi. Ông ấy đang ở Hạ Uy Di, biết làm sao bây giờ? Có lẽ phải gửi thêm cái phiếu nữa thôi. Nhưng mà sao không thấy anh làm thơ trở lại?

Ông NGUYỄN (NY). Hôm Noel, tôi về Virginia thăm cháu, nhớ Anh mà không có điện thoại. Mười năm trước tôi vẫn lái xe lên Núi Ước chơi, nhiều lần. Quanh quẩn ở khu Canal, Phố tàu. Tuy nhiên có ra sông Hudson lên một con tàu vào Núi Gấu uống rượu trong một cái quán giữa rừng. Con tàu giống như tàu chú Tom tả trong truyện của Mark Twain. Anh tôi đó chưa?

Anh VŨ UYÊN GIANG (NC). Trân trọng cảm ơn Anh.

Anh LƯU HÀ (SD). Cô Nguyễn Tà Cúc gửi lời cảm ơn Anh. Nhiều độc giả, như Bs NGUYỄN Ý ĐỨC, cũng thích bài Khi Cô Tắm Bước Ra Ngoài Cổng Tích của cổ.

—CHỊ THAI (LA) Chúng tôi đã gửi bù số 11.

BẠN ĐỌC MUA DÀI HẠN

Sau khi Khởi Hành số 15, tháng 1-1998 phát hành (số có bìa Phùng Quán ngồi thiền), chúng tôi đã nhận được ngân phiếu mua dài hạn của quý bạn đọc có tên sau đây:

—VŨ ĐỨC NGHIÊM (Winter), TRẦN QUỐC BÌNH, (SD), QUANG D. NGUYỄN (FV), NG. ĐỨC AN (FL), NG. V. RUÂN (IL), NHƯT KIM PHAN (L.A.), PHAN V. THƯƠNG (WA), NG NAM (TX), C.T. (ORANGE), THU NHỊ (SA), LÊ TÂN (GA), V. Đ. VINH (WA), LIÊU H. CÚC (HI), CHARLIE TRAN (CA), HAI THANH NGUYEN (WA), QUYNH THI (SJ), LÃ V. THACH (CA), CHIEU N. LAM (CA), V.D.T. (TX), LÊ V. NINH - NXV HKL (TX), TR. L. GIANG (CA) PHAM TRONG SACH (OR), NG. T. T. B. (VA), NGUYEN VAN NANG (TX), LY VAN NGUYEN (CA), THU H. NGUYEN (NV), TRAN Y HOA (CA). Q.N (WA). MINH HANH (CA). Trân trọng cảm ơn.

—Đổi địa chỉ: TR. V. PHE và VU Q. LIEN. Đã nhận được địa chỉ mới của quý bạn.

NHẮN TIN

—Anh ĐỖ KHÁNH HOAN (Ont.) Truyện ngắn HAI CHỮ anh dịch Isabel Allende đã trình bày xong, với họa tuyệt đẹp của họa sĩ Duy Thanh mang cho nhân hôm đám tang Mai Thảo, nhưng phải gác lại tới số sau.

—Anh HỒ MINH DŨNG: Nhận được khi báo sắp xong, nên để số sau. Cảm ơn đã gửi cho luôn cái đĩa.

—Anh TẠ TÝ Có nhận được bài thơ về MT của anh. Mong anh cho vài cái vignettes.

—LÊ TÀI ĐIỀN (BA LÊ). Không biết có thiếu tên ai không. Chưa biết phải làm thế nào

mới viết thư cho ông được. Vài năm rồi hình như không viết thư cho ai được nữa. Lúc nào nhớ đến Ba Lê là nhớ đến bạn thôi.

—Anh PHẠM X. HY (BA LÊ) Cảm ơn cuốn sách Liêu Trai. Tôi đọc hết ngay.

—Anh VŨ QUỐC LIÊN. Thư anh nhờ chuyển mà không dán tem. Anh nhớ lần sau cho.

—Anh HOÀNG XUÂN SƠN. Thơ đi số sau vậy.

—Anh HOÀNG NGỌC HIỂN. Tôi rất thích bài thơ Nhà Bè anh mới gửi cho. Sẽ đăng số sau.

—Anh TRẦN QUỐC BÌNH. Sẽ trả lời anh sau vụ in thơ.

Cụ PHẠM MẠNH VIỆN. Sẽ đăng mấy bài thơ cụ dịch Cao Bá Quát. Cụ vui lòng, nếu có thể, chép cho, hay xerox, bản tiếng Hán. Cảm ơn cụ.

—Anh LÊ QUỐC VI. Cảm ơn Anh đã gửi cho cái đĩa. Tôi định đăng cái bài thơ viết về ông Anh của Anh lâu lắm rồi, mà dài quá, không đánh máy được. Khởi Hành chỉ thuê đánh máy văn xuôi, còn thơ tôi đánh lấy, cho đúng, vì thơ không thể sai được, từ dấu đến chỗ ngắt đoạn, xuống dòng.

—Chị TRANG NGỌC LAN (AZ). Bài chị đang đọc.

—Anh PHƯƠNG HOÀI NAM (Montreal). Con số anh gửi chỉ bằng 2 phần 3 con số anh Châu viết trong thư?

—Anh LÊ MAI LĨNH. Tôi sẽ cho đánh máy bài anh Trần Hoài Thư viết về tập thơ của anh.

—Anh VŨ THƯ HIỂN (Pháp) Anh NGUYỄN HỮU HIỆU có nhắc tôi về việc gửi báo cho Anh. Nếu anh ở Ba Lê, anh có thể ghé chỗ bạn tôi, Vũ Phương Lan, quán Đào Viên, quận 13, lấy Khởi Hành. Nếu hết hết báo, sẽ qua Nam Á gần ngay bên được. Bên Nam Á có đủ bộ.

—Anh NGUYỄN PHƯƠNG TUẤN. Tôi vẫn mong những bài như bài Anh viết về nhà thơ Đinh Hoàng Sa. Rất thích. Sẽ đăng trong số Khởi Hành tới.

—Anh HÀ THỨC SINH. Nghe nói ông đã về lại Los Angeles? Cái chân của ông ra sao rồi? Mong ông liên lạc với tôi.

—Cô MINH HẠNH (CA). Vài giờ trước khi đem báo đi in thì nhận được thư. Chữ "các anh" để trong ngoặc kép thì không biết nghĩ sao cho phải. Thư ngắn mà "tình" dài, cảm ơn lắm.

—Anh HỒ CÔNG TÂM. Đã nhận được tập thơ Ngày Tháng Lưu Vong anh gửi tặng. Cảm ơn anh. Có dịp sẽ giới với độc giả.

—Anh HOÀNG NGỌC LIÊN. Đã nhận

Khởi Hành

Tạp chí Sáng Tác Sinh hoạt
Văn học Nghệ thuật



Sáng lập:
Anh Việt TRẦN VĂN TRỌNG

Chủ nhiệm Chủ bút:
VIÊN LINH

Toà Soạn: 9306 Bolsa Ave
Westminster, CA. 92683
Thư từ: P.O. BOX 670
Midway City, Ca. 92655
ĐT: (714) 897-2599 / 894-4950
FAX: (714) 894-7333

ĐẠI DIỆN CÁC NƠI:

PHÁP:

■Mme Pham Thu Hương/An Tiêm
14 Villa des Acacias
202 Rue d'Epinay
95360 Montmagny, France
Tel: 01 39 84 00 84

■Mme Vũ Lan Phương/Đào Viên
82 Rue Baudricourt
75013 Paris, Metro Tolbiac
Tel: 01 45 85 20 70

Báo có đủ từ số 1 bày bán tại
Nhà sách Nam Á

ĐỨC: Thế Dũng
Mellensee Str. 43
10319 Berlin, Germany
Tel: 49 30 512 29 74

VIRGINIA: Nhà Sách Minh Văn
2808 Graham Rd, Falls Church
Tel: (703) 698-8490/8491

SEATTLE, WA: Trần Thế Phong

SAN DIEGO, CA: Vũ Đức Trường
Nhà sách Thủy Anh
4745 El Cajon Blvd # 101

SAN JOSE: Sương Mai

ATLANTA, GA: Cô Thủy Đồng
3146 Dunwoody Rd # 203
Chamblee, GA. 30341

AUSTIN, TX: Phạm Ngũ Yên

PHOENIX, AZ: Vũ Thành

ALABAMA: Lê Nguyễn

Bài vở gửi cho báo khác vui lòng đừng
gửi cho Khởi Hành. Toà soạn không tra
lại bản thảo. Bài được đăng không
nhất thiết phản ánh chủ trương của tờ
báo. Muốn trích đăng bài vở đã đăng
trên Khởi Hành phải có thỏa thuận
trước với Toà soạn và phải ghi rõ xuất
sứ, số báo.

GIÁ BẢO:

Giá \$3.50 mỹ kim một số
Mua dài hạn \$24 mỹ kim một năm
12 số. Thư từ bài vở liên lạc:

Khởi Hành
P.O. BOX 670
Midway City, CA. 92655

được bài thơ Sóng Nước Lòng Sông của anh.
Sẽ đăng vào số tới. Bài anh viết về Thục Vũ
nhiều độc giả tán thưởng lắm. Chỉ tiếc cái lọ
không, bên trong để tên kẻ quá cố thay cho
bia mộ, chôn ở nấm đất nông sờ, thật thảm
nào. Chúc anh an khang viết khỏe.

NHÂN TÍN CÁC TÁC GIẢ TẶNG SÁCH

Khởi Hành sẽ giới thiệu tất cả những
cuốn sách mà quý bạn gửi tặng, tuy nhiên vui
lòng thư thả cho. Chúng tôi dự định sẽ giới
thiệu kỹ những cuốn sách nhận được, và có
thể kèm với hình bìa cuốn sách, như kỳ trước
giới thiệu sách của nhà văn Nguyễn Chí
Kham, kỳ này giới thiệu sách của nhà văn Lê
Tất Điều và nhà thơ Thế Dũng. Vui lòng thư
thả cho, vì tình cảnh neo người của tờ báo.

GIỚI THIỆU BÁO MỚI

—TÂN THẾ KỶ. nguyệt san, chủ biên
Lê Văn Ninh, chủ trương bởi các giáo sư, nhà
văn Toàn Phong Nguyễn Xuân Vinh, Đàm
Trung Pháp, Từ Mai, Kiều Giang Nguyên, Lê
Hồng, Phạm Quang Hiến, Lê Thanh Tâm. Bìa
4 màu. Liên lạc: P.O. Box 180755 Arlington,
TX 76096. Một nguyệt san phong phú, được
chăm sóc kỹ lưỡng.

—NGỌC LÂN, Bán nguyệt san, do
Hoàng Hạc Vũ Như Sơn làm chủ nhiệm và
Anh Thái Phương làm chủ bút. Tại một nơi ít
người Việt như New Orleans (Ngọc Lân), mà
ra được một tờ bán nguyệt san như nhà văn Vũ
Như Sơn đang làm là một cố gắng vượt bậc.

BÙI GIÁNG

ĐI VÀO CÔI THƠ

CUỐN MỘT

THI CA TƯ TƯỚNG

CUỐN HAI

"...Ngôn ngữ thơ trong vài thế kỷ này
đã nảy nở xum xuê, thiên hình vạn
trạng. Hoặc ẩn mật thần bí, hoặc đơn
giản như một lời ca dao, thi ca vẫn có
sức đưa dẫn người ta vào giữa huyền
nhiệm của cuộc sống."

Bùi Giáng - Thi Ca Tư Tướng

AN TIÊM XUẤT BẢN
Nhà Văn Nghệ Phát Hành

L/I: P.O. Box 3072 Gretna, LA. 70054.

—ĐUỐC THIÊNG, Nguyệt san thông tin
và Nghị luận của Liên Minh Quang Phục Việt
Nam mà Tổng ủy viên điều hợp trung ương là
nhà thơ chiến sĩ Hoàng Phong Linh Võ Đại
Tôn. L/I: P.O. BOX 741134 Houston, TX
77274.

10 CA KHÚC TÌNH YÊU KHÚC LAN DON HO JULIE

VẾT TÌNH TRÊN CÁT

Nhạc ngoại quốc lời Việt Khúc Lan



P.O. BOX 855, MIDWAY CITY, CA. 92655/ TEL: (714) 839-8845

HÂN HẠNH GIỚI THIỆU

Mưa Buồn
Em Mười Bảy Mười Ba

(thơ Diên Nghi)

Đã Lạ Buồn

(ý thơ Hải Đường)

Tiệc Nuối Tình Ta

(ý thơ Vô Danh)

Đêm Nao Trăng Sáng?

Một Chuyến Về Quê

Hoàng Hôn Trên Biển Nhớ

Sài Gòn Có Em

Tình Ngàn Thu

(lời Phạm Duy)

Mơ Về Em

Thảo My

Quỳnh Hương

Duy Quang

Bích Ngọc

Bích Ngọc & Ng. Tuấn Ngọc

Thanh Long

Phi Nhung

Thảo My

Như Mai

Lan Phương



Phạm Mạnh Đạt

TÌNH CA NHẠC TUYỂN



Nhạc Sĩ Phạm Mạnh Đạt

Thưa các bạn,

Trong chúng ta, những người yêu mến nghệ thuật âm nhạc, thời gian gần đây, chắc đã có nhiều quý bạn từng thưởng thức tiếng Hạ Uy Cầm ngọt ngào, thanh thoát của nhạc sĩ Phạm Mạnh Đạt qua những cuốn băng đã phát hành của ông. Ngoài ngón Hạ Uy Cầm như chúng ta đã biết, ông còn viết một số ca khúc.

Với 10 sáng tác mới, chọn lọc, qua những ca từ bình dị, êm đềm lồng

trong những giai điệu thanh thoát, hòa đồng với mọi lứa tuổi, mọi tầng lớp trong lãnh vực âm nhạc, mà ông đã dày công nắn nót, chau chuốt cho những tác phẩm đặc ý nhất của ông. Chúng tôi hy vọng cuốn băng này sẽ đem lại sự thích thú và thoát mái đến các bạn.

Trân trọng giới thiệu
TRUNG TÂM HOA VÀNG

Đại Diện Phát Hành

ĐỨC HUY Entertainment Inc.

P.O. Box 2264, Orange, CA 92859-0264

(714) 532-5972

MÁI HIÊN TÂY 98



NGHĨA CẨM TẠ
(714) 894-8151



Bác Sĩ Tâm Lý LÊ ĐÌNH PHƯỚC
(DR. DANIEL D. LEE, FACFE, DABMP, DABFM)
LICENSED CLINICAL PSYCHOLOGIST

Fellow, American College of Forensic Examiners
Diplomate, American Board of Medical Psychotherapy
Professional Member, National Academy of Neuropsychology
Board Certified & Diplomate, American Board of Forensic Medicine



- Tốt nghiệp chuyên khoa Tâm-lý Trị-liệu, Tâm-lý Pháp-lý, Thần-kinh Tâm-lý.
- Nguyên Giáo Sư Viện Đại Học Đà Lạt, Viện Đại Học Vạn Hạnh (1973-1975)
- Nguyên Giám Đốc Chương Trình Đình Cư và Chương Trình Sức Khỏe Tâm Thần, International Institute of Los Angeles, L.A., CA. (1975-1977)
- Nguyên Giám Đốc kiêm Bác Sĩ Tâm Lý, Chẩn Y Viện Tâm Thần cho người Đông Dương (Indochinese Mental Health Clinic, County of L.A., CA. (1980-1983)
- Nguyên Assistant Clinical Professor of Psychiatry and Behavioral Sciences, School of Medicine, University of Southern California, L.A., CA. (1980-1984)
- Bác Sĩ Tâm Lý tại các Bệnh viện Tâm Thần ở vùng Orange County và Los Angeles County từ năm 1984.

Chuyên môn:

- Thẩm Định Thần Kinh Tâm Lý và Tâm Lý Pháp Lý (*Neuropsychological & Forensic Psychological Evaluations*).
- Thẩm Định và Trị Liệu các tổn thương về Tâm Lý do các loại tai nạn gây ra (*Personal Injury, Workers Compensation*)
- Chẩn Bệnh và Trị Bệnh Tâm Lý cho người lớn và trẻ em (*Psychological Evaluation & Psychotherapy*)
- Cố vấn các khó khăn giữa vợ chồng, cha mẹ và con cái, tâm thần suy nhược, chán nản, buồn phiền, lo sợ, căng thẳng tâm trí.

27 năm kinh nghiệm chuyên nghiệp trong ngành sức khỏe tâm thần

2021 East Fourth St., Suite 102 • Santa Ana, CA 92705

(714) 834-1074 Xin lấy hẹn trước



DONGNAI PHARMACY

HOME HEALTH CARE & MEDICAL EQUIPMENT
9081 BOLSA AVE., SUITE # 108, WESTMINSTER, CA 92683
(gần Hòa Bình Food To Go trong khu Guaranty Bank Of Calif.)

TEL: (714) 379-5072 * FAX: (714) 379-5074

Dược sĩ TRẦN ĐỨC HIẾU
Dược sĩ TRẦN LƯU THỊ ÁI

CUNG CẤP ĐẦY ĐỦ:

- * Các loại Dược phẩm bán theo toa (Prescription Drugs) hay bán tự do (OTC Drugs)
- * Các sản phẩm nuôi dưỡng bệnh nhân qua ống chuyển vào ruột hay chuyển vào máu (Enteral & Parenteral Nutrition Products)
- * Các vật dụng dành cho bệnh nhân tiểu tiện bất thường (Incontinence Products). Tã lót, vải lót giường, ống dẫn tiểu và túi đựng nước tiểu (Drainage Bags)
- * Các vật dụng dành cho bệnh nhân giải phẫu lỗ thông qua thành bụng (Ostomy Products). Túi dẫn lỗ thông đại tràng (Colostomy Products).

BÁN VÀ CHO THUÊ CÁC DỤNG CỤ Y KHOA:

- * Xe lăn - Nạng chống - Nạng tập đi (Walker)
- * Giường bệnh viện và các đồ dùng phụ thuộc (Hospital Bed & Accessories)
- * Dụng cụ an toàn trong phòng tắm (Bathroom Safety Products)
- * Các loại máy đo đường trong máu (Blood Glucose Monitor). Máy đo áp huyết (Blood Pressure Monitor)

NHẬN MEDICAL - MEDICARE - CTU VÀ CÁC LOẠI BẢO HIỂM:
PCS - BLUE CROSS - BLUE SHIELD - MEDIMET - PAID, V.V...

MỞ CỬA 6 NGÀY TRONG TUẦN

Thứ Hai - Thứ Sáu: 9:30 AM - 7:30 PM
Thứ Bảy: 9:30 AM - 6:00 PM

PHIẾU ĐẶT MUA DÀI HẠN
tập chí Khởi Hành

Tên.....

Địa chỉ.....

Điện thoại.....

Tôi muốn mua 1 năm 12 số từ số 1 đến số 12 / (hoặc 2 năm 24 số từ số tới số)

1 năm: \$24 mỹ kim / 2 năm: \$45.00 mỹ kim. Ngoài Hoa Kỳ cộng thêm \$1.50 mỹ kim một số cho cước phí bưu điện. Giá dài hạn chỉ áp dụng cho bạn đọc mua từ một năm trở lên. Mua lẻ theo giá ngoài bìa, cộng thêm 78 xu cước phí một số.]

Kèm đây là ngân phiếu.....

Phiếu mua báo và ngân phiếu để tên Khởi Hành và gửi về:

Khởi Hành

P.O. BOX 670
MIDWAY CITY, CA. 92655



Ánh Hồng

7 Courses of Beef Restaurant

10195 WESTMINSTER AVE. GARDEN GROVE, CA. 92643

Điện thoại: (714) 537-5230

CHÁNH GỐC CÔNG XE LỬA SỐ 8 PHÚ NHUẬN
SÁNG LẬP TỪ NĂM 1954

Chuyên môn thức ăn thuần túy Việt Nam
do chính chủ nhân Bà **Lê Văn Khá** trực tiếp điều khiển

ĐẶC BIỆT:

- * TÔM
- * GÀ
- * CÁ
- * MỰC



VISA

MasterCard

ATM



BEER & WINE



GIỜ MỞ CỬA:

7 NGÀY TRONG TUẦN

THỨ HAI ĐẾN THỨ NĂM: 3:00PM-9:30PM

THỨ SÁU & THỨ BẢY: 11:00AM-10:30PM

CHỦ NHẬT: 11:00AM-9:30PM

Gia Đình ÁNH HỒNG kính mời

SAN JOSE

1818 Tully Road # 150
San Jose, CA. 95122
(408) 270-1096

ORANGE COUNTY

10195 Westminster Ave.
Garden Grove, CA. 92643
(714) 537-5230

SAN FRANCISCO

808 Geary Ave
San Francisco, CA. 94109
(415) 885-5180

LOS ANGELES

8748 E. Valley Blvd. # A
Rosemead, CA 91770
(818) 572-9805

NGÔI CHỢ LÝ TƯỞNG CỦA NGƯỜI VIỆT HẢI NGOẠI

VANCO SUPERMARKET



10932 WESTMINSTER AVE.,
GARDEN GROVE, CA 92843
TEL. (714) 530-2999

LITTLE SAIGON SUPERMARKET



9822 BOLSA AVE
WESTMINSTER, CA 92643
TEL. (714) 531-7272

*Quanh Năm Tận Tụy Phục Vụ
Đáp Ứng Đúng Nhu Cầu Bà Con
Nhiều Đợt Sale và Tặng Quà Liên Tiếp*

CHỢ CHÚNG TÔI CÓ 10 CÁI NHẤT

- Chợ lớn NHẤT
- Hàng nhiều NHẤT
- Thịt, cá, rau tươi NHẤT
- Đủ loại hàng thực dụng NHẤT
- Giá cả các loại hàng hạ NHẤT
- Có tặng phẩm nhiều NHẤT
- Tiếp đãi ân cần NHẤT
- Địa điểm thuận lợi NHẤT
- Bãi đậu xe an toàn NHẤT
- Và được mọi người ưa thích NHẤT



Chợ chúng tôi có nhận thẻ tín dụng để trả tiền hàng

Khởi Hành

TẠP CHÍ SÁNG TÁC SINH HOẠT VĂN HỌC NGHỆ THUẬT

P.O. BOX 670 MIDWAY CITY, CA. 92655

BULK RATE
U.S. POSTAGE PAID
WESTMINSTER, CA
PERMIT NO. 49

Khởi Hành số 16 Tháng Hai 1998 ■ Giá 3.50 Mỹ Kim

QUÊ HƯƠNG TÌNH YÊU

Elvis
P. HƯƠNG

Video EP 1998

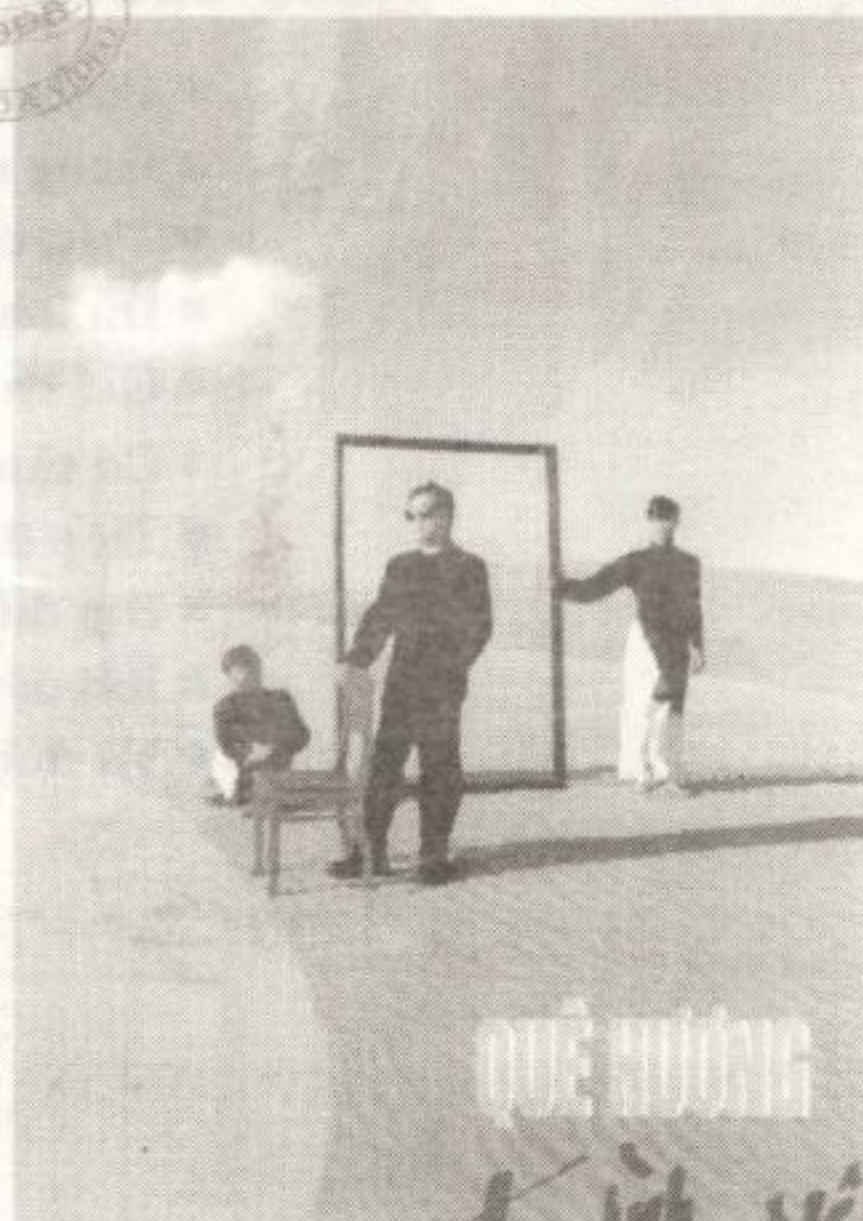
17831 KENSINGTON AVE

CERRITOS, CALIFORNIA 90703

TEL: & FAX (562) 802 - 2909



EP PRODUCTIONS



Tình yêu